TS. PHẠM VĂN CÔNG

HƯỚNG DẪN GIẢI VIOLYMPIC TOÁN 2

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI)



DÙNG CHUNG CHO CÁC BỘ SGK HIỆN HÀNH

ĐHQG Hà Nội
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

GomNhom.com

TS. PHẠM VĂN CÔNG

Hướng dẫn giải

Violympic

TOÁN 2

BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG MỚI

DÙNG CHUNG CHO
CÁC BỘ SGK
HIỆN HÀNH

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

GomNhom.com

Lời nói đầu

Quý thầy, cô và các bậc phụ huynh kính mến!

Các em học sinh yêu quý!

Cuốn **Hướng dẫn giải Violympic Toán 2** được biên soạn nhằm giúp học sinh lớp 2 phát triển và nâng cao kĩ năng giải các bài toán có trong cuộc thi giải toán trên mạng, một cuộc thi đang thu hút rất nhiều học sinh Tiểu học hiện nay. Cuốn sách là một tài liệu tham khảo cho giáo viên cũng như các bậc phụ huynh trong quá trình hướng dẫn học sinh giải các bài toán trong các vòng thi.

Cuốn sách gồm 10 Vòng tự luyện. Với mỗi vòng được cấu tạo tương tự các vòng thi trên Internet gồm 2 game, mỗi game từ 10 đến 12 bài toán và Bài thi Leo dốc gồm 100 bài toán.

Phần cuối, chúng tôi sẽ hướng dẫn cách giải một cách cụ thể rõ ràng các bài toán có trong mỗi vòng thi. Với mỗi dạng toán, chúng tôi đều đưa ra cách giải khái quát, trên cơ sở đó chúng tôi hướng dẫn các em cách giải các bài toán một cách khoa học và chính xác nhất, từ đó giúp các em học sinh có một phương pháp giải các bài toán ở mỗi vòng thi trên mạng một cách tốt nhất.

Khi sử dụng sách các em học sinh cần chú ý tự giải các bài tập trước khi so sánh với đáp án, điều đó sẽ giúp các em hiểu kĩ và sâu hơn các vấn đề từ đó sẽ tự tin hơn khi ngồi trước máy tính. Cuốn sách không chỉ giúp các em giải các bài toán ở các vòng thi mà còn giúp các em có được kĩ năng giải các bài toán nâng cao trong quá trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

Hi vọng cuốn sách sẽ đáp ứng được nhu cầu của giáo viên, phụ huynh học sinh và đặc biệt là các em học sinh lớp 2 trong quá trình rèn luyện trước khi đến với các vòng thi trên mạng.

Mặc dù tác giả đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và đặc biệt là các em học sinh để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về **Nhà sách Hồng Ân:**

20C Nguyễn Thị Minh Khai, P. Đa Kao - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

Email: nhasachhongan@hotmail.com

Xin trân trọng cảm ơn!

Tác giả

GomNhom.com

VÒNG 1

Game 1: SẮP XẾP

(Ghi số thứ tự vào vòng tròn theo giá trị tăng dần từ 1 đến 20)

22 ◯	58 ◯	26 ◯	46 ◯	64 ◯
10 ◯	69 ◯	73 ◯	55 ◯	50 ◯
33 ◯	87 ◯	17 ◯	71 ◯	94 ◯
13 ◯	61 ◯	29 ◯	42 ◯	53 ◯

Game 2: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

83 - 43 ◯	84 ◯	87 - 63 ◯	86 - 57 ◯	22 ◯
43 - 12 ◯	77 - 54 ◯	31 + 15 ◯	65 - 57 ◯	63 - 41 ◯
45 - 37 ◯	41 + 22 ◯	24 ◯	63 ◯	11 + 12 ◯
40 ◯	46 ◯	29 ◯	66 - 35 ◯	60 + 24 ◯

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là .....

Câu 2. Số lớn nhất có 2 chữ số mà tổng các chữ số bằng 10 là .....

Câu 3. Số bé nhất có 2 chữ số có hiệu các chữ số bằng 2 là .....

Câu 4. Lớp 2A có 15 học sinh nam và 13 học sinh nữ.

- Lớp 2A có tất cả số học sinh là ..... bạn.

Câu 5. Nhà bác An nuôi 32 con gà và 45 con vịt.

- Tổng số cả gà và vịt nhà bác An đã nuôi tất cả là ..... con.

Câu 6. Một cửa hàng buổi sáng bán 20 chiếc quạt, buổi chiều bán 15 chiếc.

- Ngày hôm đó cửa hàng bán ..... chiếc quạt.

Câu 7. Người ta bỏ vào hộp 25 viên bi màu đỏ và 21 viên bi màu xanh.

- Trong hộp có tất cả ..... viên bi.

Câu 8. Cô giáo nhận về 35 quyển sách Toán và 33 quyển sách Tiếng Việt.

- Vậy cô giáo đã nhận về ..... quyển sách cả hai loại.

Câu 9. Có ..... số có 2 chữ số mà tổng các chữ số của mỗi số đó đều bằng 8.

Câu 10. Có ..... số có 2 chữ số mà hiệu các chữ số của mỗi số đều bằng 6.

Câu 11. Trên bãi có 19 con trâu và 15 con bò.

- Trên bãi có có tất cả số trâu và bò là ..... con.

Câu 12. Một lớp học có 18 bạn nam và 12 bạn nữ.

- Lớp học đó có tất cả số học sinh là ..... bạn.

Câu 13. Trong sân có 29 con gà mái và 16 con gà trống.

- Trong sân có tất cả số con gà là ..... con.

Câu 14. An nặng 29kg, bố An nặng 64kg. Cả hai bố con nặng ..... kg.

Câu 15. Trong hình vẽ sau có tất cả ..... đoạn thẳng.



Câu 16. Việt nặng 26kg, Hà nặng 24kg. Cả hai bạn cân nặng .....kg.

Câu 17. Trong hình vẽ dưới đây có ..... đoạn thẳng.



Câu 18. Số lớn nhất có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 11 là .....

Câu 19. Số lớn nhất có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 12 là .....

Câu 20. Số bé nhất có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 13 là.....

Câu 21. Hiện nay Lan 9 tuổi, anh hơn Lan 6 tuổi. Tính tuổi của anh hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 22. Năm nay mẹ 39 tuổi. Biết bố hơn mẹ 5 tuổi. Tính tuổi bố hiện nay.

Trả lời:.....

Câu 23. Biết An cân nặng 29kg và Bình cân nặng hơn An là 5kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

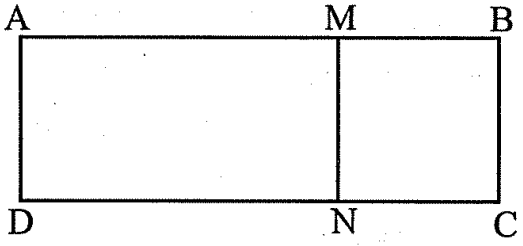
Trả lời:.....

Câu 24. Mai có 28 con tem. Biết Lan có nhiều hơn Mai 14 con tem. Hỏi Lan có bao nhiêu con tem?

Trả lời:.....

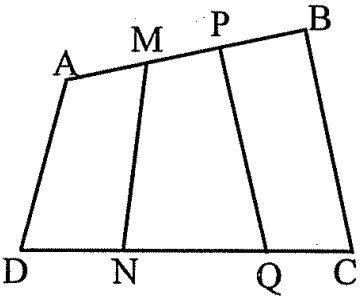
Câu 25. Trong hình vẽ có bao nhiêu hình chữ nhật?

Trả lời:.....



Câu 26. Trong hình vẽ có bao nhiêu hình tứ giác?

Trả lời:.....



Câu 27. Tổng số điểm kiểm tra các môn cuối năm học của Mai là 48 điểm. Biết điểm của Lan nhiều hơn của Mai là 5 điểm. Hỏi tổng số điểm kiểm tra các môn cuối năm học của Lan là bao nhiêu điểm?

Trả lời:.....

Câu 28. Bạn Hồng cao 93cm, bạn Hà cao hơn bạn Hồng 6cm. Hỏi bạn Hà cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời:.....

Câu 29. Khối 2 của Trường Tiểu học Kim Đồng có 49 học sinh nam và 47 học sinh nữ. Hỏi khối 2 của Trường Tiểu học Kim Đồng có tất cả bao nhiêu học sinh?

Trả lời:.....

Câu 30. An cân nặng 28kg, Bố An cân nặng 67kg. Hỏi cả hai bố con An cân nặng tất cả bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời:.....

Câu 31. Hiện nay bố An 45 tuổi và tuổi của An ít hơn tuổi của bố là 33 tuổi.

- Tuổi của An hiện nay là ..... tuổi.

Câu 32. Khối 2 của Trường Hòa Bình có 98 học sinh. Biết khối 1 của Trường Hòa Bình có số học sinh ít hơn của khối 2 là 6 học sinh.

- Khối 1 của Trường Hòa Bình có số học sinh là ..... học sinh.

Câu 33. An cân nặng 36kg, Bình cân nhẹ hơn An là 5kg.

- Vậy Bình cân nặng .....kg.

Câu 34. Nhà Lan nuôi một số gà và thỏ. Biết số gà là 28 con và số thỏ ít hơn số gà là 7 con.

- Nhà Lan nuôi ..... con thỏ.

Câu 35. An có 18 viên bi. Biết số bi của An ít hơn số bi của Bình là 5 viên.

- Bình có ..... viên bi.

Câu 36. Tổng số điểm kiểm tra các môn học của Hà là 57 điểm. Biết tổng số điểm kiểm tra các môn của Hồng ít hơn của Hà là 5 điểm.

- Tổng số điểm kiểm tra các môn của Hồng là ..... điểm.

Câu 37. Mai có 45 con tem. Lan có ít hơn Mai 12 con tem.

- Số con tem của Lan có là ..... con tem.

Câu 38. Trong một hộp đựng tất cả 86 quả vừa cam và quýt. Biết rằng trong đó có 41 quả cam.

- Trong hộp có ..... quả quýt.

Câu 39. Một hộp đựng táo và lê. Biết trong đó có 35 quả táo và số quả lê ít hơn số quả táo là 5 quả.

- Số quả lê có trong hộp là .....quả.

Câu 40. Lớp 2A có 18 bạn nam. Biết số bạn nữ ít hơn số bạn nam là 5 bạn.

- Lớp 2A có số bạn nữ là ..... bạn.

Câu 41. Một phép cộng gồm 2 số hạng có tổng bằng 25. Nếu tăng mỗi số hạng của tổng thêm 5 thì tổng sẽ là:

A. 30 B. 35 C. 15 D. 40.

Câu 42. Tổng của 12 và 34 lớn hơn hiệu của 34 và 12 là:

A. 12 B. 24 C. 34 D. 56.

Câu 43. Năm nay anh 16 tuổi. Biết 2 năm nữa thì tuổi anh gấp đôi tuổi em. Hỏi năm nay em bao nhiêu tuổi?

A. 6 tuổi B. 7 tuổi C. 8 tuổi D. 9 tuổi.

Câu 44. Số nào điền vào chỗ chấm: 1; 3; 6; 10; 15; .....

A. 20 B. 21 C. 30 D. 32.

Câu 45. Có thể lập được bao nhiêu số có 3 chữ số từ 3 chữ số: 0; 1 và 2:

A. 6 số B. 9 số C. 12 số D. 18 số.

Câu 46. Trong phép trừ có số bị trừ hơn hiệu là 16 thì số trừ bằng bao nhiêu?

A. 15 B. 16 C. 17 D. 18.

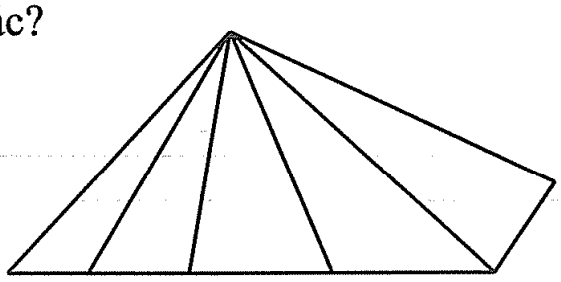
Câu 47. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

A. 8 hình

B. 10 hình

C. 11 hình

D. 12 hình



Câu 48. Bao thứ nhất nhiều hơn bao thứ hai 25kg gạo. Nếu chuyển 8kg từ bao thứ nhất sang bao thứ hai thì bao thứ nhất hơn bao thứ hai số gạo là:

A. 9kg B. 12kg C. 17kg D. 33kg.

Câu 49. Số trừ đi 15 thì bằng kết quả của 15 trừ đi số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

A. 15 B. 19 C. 24 D. 26.

Câu 50. Tích của số lớn nhất có 1 chữ số với 3 bé hơn tổng của số bé nhất có 3 chữ số với 1 là:

A. 74 B. 99 C. 89 D. 72.

Câu 51. Số chẵn liền sau số 50 là .....

Câu 52. Số chẵn lớn nhất có 2 chữ số là .....

Câu 53. Số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau là .....

Câu 54. Số lớn nhất trong các số: 34, 45, 57, 78, 85, 59 là .....

Câu 55. Số lẻ bé nhất trong các số 45, 23, 46, 12, 21, 10 là .....

Câu 56. Số hạng thứ nhất là 12, số hạng thứ hai là 21 thì tổng là .....

Câu 57. Số hạng thứ nhất là 32, số hạng thứ hai là 23 thì tổng là .....

Câu 58. Số hạng thứ nhất là 42, số hạng thứ hai là 24 thì tổng là .....

Câu 59. Số hạng thứ nhất là 52, số hạng thứ hai là 25 thì tổng là .....

Câu 60. 4dm + 5 dm = ...

Câu 61. Số các số chẵn có 2 chữ số là :

A. 55 B. 50 C. 45 D. 40.

Câu 62. Số các số lẻ có 2 chữ số là :

A. 44 B. 50 C. 49 D. 45.

Câu 63. Số các số có 2 chữ số giống nhau là:

A. 8 B. 9 C.10 D. 5.

Câu 64. Số các số có 2 chữ số khác nhau là:

A. 81 B. 82 C. 90 D. 80.

Câu 65. 15cm bé hơn tổng của:

A. 1dm và 5dm B. 1cm và 5cm C. Cả A và B.

Câu 66. 43dm lớn hơn tổng của:

A. 4cm và 3cm B. 4dm và 3dm C. Cả A và B.

Câu 67. 45dm bằng tổng của:

A. 4dm và 5cm B. 4cm và 5dm

C. Cả A và B đều sai.

Câu 68. 75cm bằng tổng của:

A. 7cm và 5dm B. 7dm và 5cm

C. Cả A và B đều sai.

Câu 69. Hai số nào dưới đây có tổng số bé hơn 10:

A. 4 và 5. B. 2 và 8. C. 3 và 7. D. 4 và 6.

Câu 70. Ba số nào dưới đây có tổng bằng 10:

A. 1; 2 và 3. B. 2; 3 và 5. C. 2; 3 và 4. D. 1; 3 và 5.

Câu 71. Tổng của 8; 23 và 35 là:

A. 31 B. 58 C. 56 D. 66.

Câu 72. Tổng của 19; 21 và 32 là:

A. 73 B. 63 C. 72 D. 75.

Câu 73. Tổng của 8; 18 và 28 là:

A. 34 B. 36 C. 46 D. 54.

Câu 74. Hai số nào dưới đây có tổng bằng 35:

A. 28 và 7 B. 18 và 27 C. 9 và 16 D. 19 và 26.

Câu 75. Hai số nào dưới đây có tổng bé hơn 50:

A. 8 và 39 B. 19 và 27 C. 29 và 18 D. Cả A, B và C.

Câu 76. Số nào dưới đây lớn hơn tổng của 19 và 38:

A. 39 B. 48 C. 57 D. 58.

Câu 77. Biết năm nay anh 7 tuổi và em 2 tuổi. Vậy sau 2 năm nữa thì tổng số tuổi của hai anh em là:

A. 11 tuổi. B. 13 tuổi. C. 14 tuổi. D. 15 tuổi.

Câu 78. Hưng và Hà có tất cả 19 viên bi. Nếu mỗi bạn có thêm 2 viên thì tổng số bi của hai bạn là:

A. 21 viên. B. 22 viên. C. 23 viên. D. 25 viên.

Câu 79. Lớp 2A có 34 học sinh, lớp 2B có 35 học sinh, lớp 2C có 29 học sinh. Tổng số học sinh của cả 3 lớp là:

A. 88 học sinh B. 98 học sinh C. 89 học sinh.

Câu 80. Biết tổng của hai số bằng 59. Nếu tăng số thứ nhất thêm 24 đơn vị và giảm số thứ hai đi 8 đơn vị thì tổng của hai số sẽ là:

A. 65 B. 75 C. 78 D. 83.

Câu 81. 14dm + 25dm = ...

Câu 82. 8dm – 5dm = ...

Câu 83. 26dm – 4dm = ...

Câu 84. 4dm + 5cm = ...cm.

Câu 85. 15cm + 25cm = ... dm.

Câu 86. 85cm – 5cm = ... dm.

Câu 87. 26cm – 2dm = ...cm.

Câu 88. Số bị trừ là 27, số trừ là 12 thì hiệu số là .....

Câu 89. Số bị trừ là 38, số trừ là 26 thì hiệu số là .....

Câu 90. Số bị trừ là 49, số trừ là 25 thì hiệu số là .....

Câu 91. Kết quả của 24 + 15 + 31 là:

A. 60 B. 69 C. 70 D. 80.

Câu 92. 21kg bé hơn tổng của:

A. 12kg và 9kg. B. 20kg và 2kg.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 93. 32kg lớn hơn tổng của:

A. 12kg và 3kg. B. 2kg và 30kg.

C. Cả A và B đều sai.

Câu 94. Kết quả của: 35kg + 14kg – 26kg là:

A. 46kg. B. 23kg. C. 35kg. D. 48kg.

Câu 95. Kết quả của: 85kg – 52kg + 25kg là:

A. 33kg. B. 57kg. C. 68kg. D. 58kg.

Câu 96. Hai can nào dưới đây có tổng số lít là 10*l* :

A. Can 4*l* và can 6*l* B. 2 can 5*l*

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 97. Hai can nào dưới đây có tổng số lít là 50*l* :

A. Can 24*l* và can 26*l* B. 2 can 26*l*

C. Cả A và B đều sai.

Câu 98. Có 2 can nước mắm. Can thứ nhất chứa 25*l*, can thứ hai chứa 16*l*. Can thứ nhất hơn can thứ hai số nước mắm là:

A. 10*l* B. 11*l* C. 8*l* D. 9*l*.

Câu 99. Tổng của các số có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 3 là:

A. 33 B. 57 C. 63 D. Đáp án khác.

Câu 100. Sợi dây 5dm dài hơn sợi dây dài 34cm là:

A. 29cm. B. 39dm C. 16cm D. 26cm.

VÒNG 2

Game 1: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

49 + 25 ◯	33 ◯	56 + 5 ◯	87 - 35 ◯	76 + 8 ◯
58 + 27 ◯	78 + 17 ◯	74 ◯	54 ◯	86 - 65 ◯
39 + 27 ◯	16 + 5 ◯	86 + 9 ◯	89 - 28 ◯	48 + 36 ◯
38 + 14 ◯	26 + 7 ◯	85 ◯	46 + 8 ◯	66 ◯

Game 2: MƯỜI HAI CON GIÁP

Câu 1. Lớp 2A có 18 học sinh nam và 16 học sinh nữ. Lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Trả lời: .....

Câu 2. Một đàn gà có 56 con gà mái và 29 con gà trống. Hỏi đàn gà đó có tất cả bao nhiêu con?

Trả lời: .....

Câu 3. Lớp 2A có 18 bạn là học sinh giỏi, lớp 2B có 15 bạn là học sinh giỏi. Hỏi cả hai lớp có tất cả bao nhiêu bạn là học sinh giỏi?

Trả lời: .....

Câu 4. Hiện nay bố An 45 tuổi và mẹ An 38 tuổi. Tính tổng số tuổi của bố An và mẹ An hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 5. Hiện nay bố Huy 43 tuổi và Huy 9 tuổi. Tính tổng số tuổi của cả hai bố con Huy hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 6. Biết bạn Việt cân nặng 28kg và bạn Nam cân nặng 34kg. Tính tổng khối lượng của cả hai bạn.

Trả lời: .....

Câu 7. Hiện nay Mai 8 tuổi. Biết tuổi của Mai ít hơn tuổi của mẹ là 28 tuổi. Tính số tuổi của mẹ Mai hiện nay.

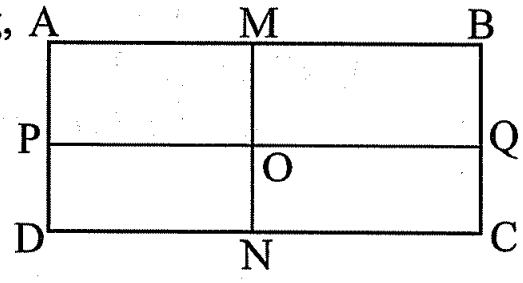
Trả lời: .....

Câu 8. Có 2 bao gạo. Biết bao bé cân nặng 38kg, bao to nặng hơn bao bé là 27kg. Hỏi bao to cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời: .....

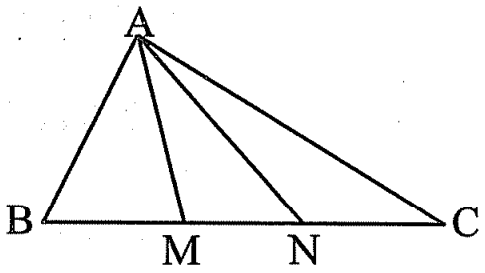
Câu 9. Trong hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng, bao nhiêu hình chữ nhật?

Trả lời: .....



Câu 10. Trong hình vẽ có bao nhiêu đoạn thẳng, bao nhiêu hình tam giác?

Trả lời: .....



Câu 11. Số bị trừ là 56, số trừ là 41 thì hiệu số là .....

Câu 12. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có 2 chữ số là .....

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Kết quả của phép cộng 67 + 26 là:

A. 83 B. 93 C. 94 D. 95.

Câu 2. Phép trừ 100 - 57 có kết quả là:

A. 53. B. 44 C. 43 D. 33.

Câu 3. Tổng nào dưới đây bé hơn 56?

A. 50 + 8 B. 49 + 7 C. 36 + 29 D. 48 + 6.

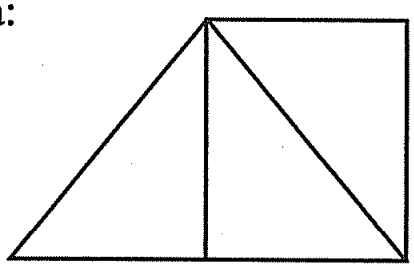
Câu 4. Số hình tam giác có trong hình vẽ là:

A. 2 hình.

B. 3 hình.

C. 4 hình.

D. 5 hình.



Câu 5. Tính kết quả: 86 – 6 – 9 = ?

A.71 B. 70 C. 81 D. 80.

Câu 6. Trong một ngày, cửa hàng bán được 56 kg đường, trong đó buổi sáng bán được 27kg. Hỏi buổi chiều bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường?

A. 83 kg B. 29kg C. 39 kg D. 38kg.

Câu 7. Điền dấu >; <; = vào chỗ chấm: 13 + 29 ..... 28 + 14.

Câu 8. Điền dấu >; <; = vào chỗ chấm: 97 – 58 ..... 32 + 5.

Câu 9. Thứ ba tuần này là ngày 20 tháng 12. Vậy thứ ba tuần sau là ngày:

A. Ngày 26 tháng 12 B. Ngày 27 tháng 12

C. Ngày 28 tháng 12 D. Ngày 25 tháng 12.

Câu 10. Tìm dấu cần điền vào chỗ chấm: 3 + 5 + 7 ..... 5 + 7 + 3.

A. > B. <

C. = D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 11. Ngày 24 tháng 12 năm 2018 là thứ Hai. Ngày đầu tiên của năm 2019 là:

A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm.

Câu 12. Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là:

A. 99 B. 89 C. 98 D. 100.

Câu 13. Hiệu của số bé nhất có 2 chữ số và số lớn nhất có 1 chữ số là .....

Câu 14. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số với số chẵn bé nhất có 2 chữ số giống nhau là .....

Câu 15. Hiệu của số lẻ lớn nhất có 2 chữ số khác nhau với số số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau là .....

Câu 16. Năm nay anh Huy 7 tuổi và em Hoàng 3 tuổi.

- Anh Huy hơn em Hoàng số tuổi là .....

Câu 17. Năm nay anh Huy 7 tuổi và em Hoàng 3 tuổi.

- Năm ngoái, tổng số tuổi của 2 anh em là .....

Câu 18. Năm nay anh Huy 7 tuổi và em Hoàng 3 tuổi.

- Sang năm, tổng số tuổi của 2 anh em là .....

Câu 19. Năm nay anh Huy 7 tuổi và em Hoàng 3 tuổi.

- Khi anh Huy ..... tuổi thì tổng số tuổi của 2 anh em là 16 tuổi.

Câu 20. Huy có 15 tấm ảnh, Huyền có 12 tấm ảnh.

- Huy hơn Huyền số tấm ảnh là .....

Câu 21. Sợi dây dài 5dm dài hơn dợi dây dài 25cm là:

A. 30cm B. 35cm C. 20cm D. 25cm.

Câu 22. Số liền trước của 80 là:

A. 79 B. 80 C. 81 D. 82.

Câu 23. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 60 cm = ... dm là:

A. 6dm B. 6 C. 60 D. 6cm.

Câu 24. Các số 28; 37; 46; 52 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. 46; 37; 52; 28 B. 28; 37; 46; 52

C. 52; 46; 37; 28 D. 52; 37; 46; 28.

Câu 25. Số nào dưới đây lớn hơn 74 và nhỏ hơn 76:

A. 73 B. 77 C. 75 D. 76.

Câu 26. Hiệu của 64 và 31 là:

A. 33 B. 77 C. 95 D. 34.

Câu 27. Lan và Hồng có 22 quyển truyện tranh. Nếu lấy bớt của Hồng 5 quyển thì hai bạn còn lại bao nhiêu quyển truyện tranh?

A. 27 quyển B. 17 quyển C. 22 quyển D. 15 quyển.

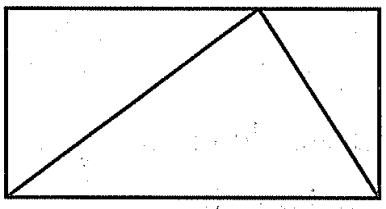
Câu 28. Hiệu của 73 và 37 là:

A. 34 B. 36 C. 35 D. 47.

Câu 29. Tổng của hai số nào sau đây bằng 92:

A. 32 và 50 B. 55 và 47 C. 37 và 55 D. 55 và 47.

Câu 30. Trong hình vẽ có bao nhiêu hình tứ giác:



A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình.

Câu 31. Huy có 15 tấm ảnh, Huyền có 12 tấm ảnh.

- Cả 2 bạn có số tấm ảnh là .....

Câu 32. Huy có 15 tấm ảnh, Huyền có 12 tấm ảnh.

- Nếu Huy cho Huyền 2 tấm thì Huyền có nhiều hơn Huy ..... tấm ảnh.

Câu 33. Huy có 15 tấm ảnh, Huyền có 12 tấm ảnh.

- Nếu Huyền cho Huy 2 tấm thì Huy có nhiều hơn Huyền ..... tấm ảnh.

Câu 34. Lớp 3A có 3 bạn học sinh giỏi, lớp 3B có 6 bạn học sinh giỏi.

- Cả hai lớp có số học sinh giỏi là .....

Câu 35. Lớp 3C có 4 bạn học sinh giỏi, lớp 3D có 7 bạn học sinh giỏi.

- Cả hai lớp có số học sinh giỏi là .....

Câu 36. Lớp 3A có 3 bạn học sinh giỏi, lớp 3B có 4 bạn học sinh giỏi.

- Nếu mỗi lớp có thêm 2 bạn học giỏi thì cả hai lớp có ..... học sinh giỏi.

Câu 37. Lớp 3C có 6 bạn học sinh giỏi và lớp 3D có 7 bạn học sinh giỏi.

- Nếu mỗi lớp có thêm 2 bạn học giỏi thì cả hai lớp có ..... học sinh giỏi.

Câu 38. Hưng có 12 viên bi, Hà có 18 viên bi. Hai bạn có tất cả ..... viên bi.

Câu 39. Thái có 14 viên bi, Bình có 16 viên bi. Hai bạn có tất cả ..... viên bi.

Câu 40. Hà có 18 viên bi, Thái có 14 viên bi, Bình có 16 viên bi.

- Nếu mỗi bạn cho đi 3 viên thì tổng số bi của ba bạn là .....

Câu 41. Phép tính nào có kết quả lớn hơn kết quả của phép tính 28 : 4:

A. 50 – 30 – 20. B. 50 – 30 – 15.

C. 59 – 34 – 21. D. 59 – 30 – 20.

Câu 42. Sợi dây thứ nhất dài 343cm, sợi thứ hai dài 456cm. Sợi dây thứ nhất ngắn hơn sợi dây thứ hai là:

A. 123cm B. 97cm C. 112cm D. 113cm.

Câu 43. An có 18 viên bi. Hùng có nhiều hơn An 12 viên bi. Hùng có số bi là:

A. 29 viên B. 36 viên C. 26 viên D. 30 viên.

Câu 44: Số nào sau đây điền được vào chỗ chấm: ..... + 34 < 56.

A. 12 B. 23 C. 34 D. 45.

Câu 45: Anh có hơn em 8 cái kẹo. Nếu anh cho em 3 cái thì anh nhiều hơn em:

A. 2 cái B. 3 cái C. 4 cái D. 5 cái.

Câu 46. Nếu ngày 27 tháng 11 là thứ Hai thì ngày 20 tháng 11 năm đó là:

A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Năm D. Thứ Bảy.

Câu 47. Câu nào đúng?

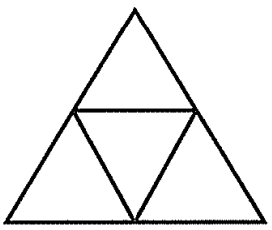
A. Tháng 1 có 31 ngày B. Tháng 2 có 30 ngày

C. Tháng 3 có 29 ngày D. Tháng 4 có 28 ngày.

Câu 48. Số lớn nhất có 2 chữ số lớn hơn số bé nhất có 2 chữ số là:

A. 97 B. 99 C. 89 D. 98.

Câu 49. Hình vẽ có mấy hình tam giác?



A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình.

Câu 50. Tổng của 48 và 17 là:

A. 55 B. 65 C. 21 D. 31.

Câu 51. Hưng có 12 viên bi, Hà có 18 viên bi, Thái có 14 viên bi.

- Tổng số bi của cả ba bạn là .....

Câu 52. Năm nay Huy 8 tuổi và anh Giang 12 tuổi.

- Tổng số tuổi hiện nay của hai anh em là .....

Câu 53. Năm nay Huy 8 tuổi và anh Giang 12 tuổi.

- Trước đây 5 năm thì tổng số tuổi của hai anh em là .....

Câu 54. Năm nay Huy 8 tuổi và anh Giang 12 tuổi.

- Sau đây 5 năm thì tổng số tuổi của hai anh em là .....

Câu 55. Năm nay Huy 8 tuổi và anh Giang 12 tuổi.

- Sau đây ..... năm thì tổng số tuổi của hai anh em là 40 tuổi.

Câu 56. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 9.

- Nếu số hạng thứ hai là 2 thì tổng là .....

Câu 57. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 9.

- Nếu số hạng thứ hai là 8 thì tổng là .....

Câu 58. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 9.

- Nếu số hạng thứ hai là số lẻ bé nhất có 1 chữ số thì tổng là .....

Câu 59. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 9.

- Nếu số hạng thứ hai là số lớn nhất có 1 chữ số thì tổng là .....

Câu 60. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 29, số hạng thứ hai là 2 thì tổng là .....

Câu 61. Nếu $x + 16 = 30$ thì giá trị của x là:

A.15 B. 16 C. 14 D. 18.

Câu 62. Kết quả của phép tính: $86 - 6 - 9$ là:

A. 71 B. 70 C. 81 D. 80.

Câu 63 . Mẹ hái được 55 quả cam, mẹ biếu bà 20 quả cam. Mẹ còn lại:

A . 30 quả B. 35 quả C. 25 quả D. 20 quả.

Câu 64. Số điền được vào chỗ ..... trong: $24 - 6 + 18 =$ ..... $+ 36 - 24$ là:

A. 11 B. 24 C. 12 D. 18.

Câu 65. Nếu $x + 37 + 25 = 73$ thì giá trị của x là:

A. 62 B. 11 C. 21 D. 31.

Câu 66. Có 52 kg gạo tẻ và 18 kg gạo nếp. Có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo:

A. 46kg B. 48kg C. 60kg D. 70kg.

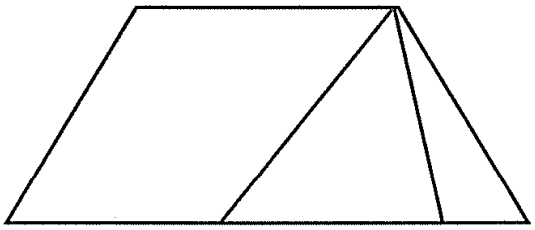
Câu 67. Năm nay bố 31 tuổi và hơn con 25 tuổi. Năm nay con bao nhiêu tuổi?

A. 56 tuổi B. 26 tuổi C. 6 tuổi D. 8 tuổi.

Câu 68. Nếu $y - 36 = 24$ thì giá trị của y là:

A. 50 B. 12 C. 26 D. 60.

Câu 69. Hình vẽ có mấy hình tứ giác?



A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình.

Câu 70: Kết quả của phép tính: 24kg – 13kg + 4kg là:

A. 51kg B. 15kg C. 25kg D. 35kg.

Câu 71. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 39, số hạng thứ hai là 4 thì tổng là .....

Câu 72. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 49, số hạng thứ hai là 5 thì tổng là .....

Câu 73. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 59, số hạng thứ hai là 6 thì tổng là .....

Câu 74. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 29, số hạng thứ hai là 12 thì tổng là .....

Câu 75. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 39, số hạng thứ hai là 23 thì tổng là .....

Câu 76. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 49, số hạng thứ hai là 34 thì tổng là .....

Câu 77. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 19, số hạng thứ hai là 45 thì tổng là .....

Câu 78. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 28.

- Nếu số hạng thứ hai là 43 thì tổng là .....

Câu 79. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 48.

- Nếu số hạng thứ hai cũng là 16 thì tổng là .....

Câu 80. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 85.

- Nếu số hạng thứ hai là số chẵn bé nhất khác 0 số thì tổng là .....

Câu 81. Tính: 11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9.

A. 90 B. 100 C. 80 D. 99.

Câu 82. Số nào cộng với 28 rồi cộng với 17 thì được kết quả là 82:

A. 73 B. 93 C. 37 D. 39.

Câu 83. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 12 + 34 + ... > 100.

A. 23 B. 44 C. 54 D. 56.

Câu 84. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 98 – ..... + 54 > 84.

A. 76 B. 67 C. 87 D. 78.

Câu 85. Kết quả của phép tính 28 + 36 + 14 là:

A. 68 B. 78 C. 86 D. 79.

Câu 86. Kết quả của phép tính 76 - 22 - 38 là:

A. 26 B. 15 C. 25 D. 16.

Câu 87. Có bao nhiêu số có hai chữ số có tổng hai chữ số bằng 11:

A. 5 số B. 7 số C. 8 số D. 9 số.

Câu 88. Có bao nhiêu số có hai chữ số có hàng chục lớn hơn 7:

A. 16 số B. 17 số C. 18 số D. 20 số.

Câu 89. Có bao nhiêu số có hai chữ số có hàng đơn vị bé hơn 2:

A. 10 số B. 9 số C. 8 số D. 7 số.

Câu 90. Có bao nhiêu số có hai chữ số có hàng chục lớn hơn hàng đơn vị:

A. 25 số B. 30 số C. 45 số D. 50 số.

Câu 91. Số cộng với 34 được kết quả bằng 56 là:

A. 12 B. 22 C. 33 D. 42.

Câu 92. Số cộng với 57 được kết quả bằng 75 là:

A. 29 B. 39 C. 18 D. 28.

Câu 93. Nếu $x + 23 = 45$ thì giá trị của x là:

A. 23 B. 24 C. 22 D. 21.

Câu 94. Nếu $45 + x = 54$ thì giá trị của x là:

A. 12 B. 11 C. 21 D. 9.

Câu 95. Lớp 2A có 38 học sinh trong đó có 16 bạn nữ. Số bạn nam của lớp 2A đó là:

A. 20 bạn. B. 21 bạn. C. 19 bạn, D. 22 bạn.

Câu 96. Lớp em có 32 bạn học sinh, trong đó có 17 bạn nam. Vậy số bạn nữ ít hơn số bạn nam là:

A. 1 bạn. B. 2 bạn. C. 3 bạn D. 4 bạn.

Câu 97. Một sợi dây dài 4dm 2cm bị cắt đi 4cm. Vậy sợi dây còn lại dài là:

A. 2dm. B. 2dm 8cm. C. 38cm. D. 1dm 2cm.

Câu 98. Hai số có hiệu bằng 52. Nếu giảm số bị trừ đi 8 đơn vị thì hiệu sẽ là:

A. 60 B. 50 C. 44 D. 54.

Câu 99. Hai số có hiệu bằng 35. Nếu tăng số trừ thêm 9 đơn vị thì hiệu sẽ là:

A. 44 B. 45 C. 34 D. 26.

Câu 100. Biết hiệu của hai số bằng 46. Nếu tăng số bị trừ 12 đơn vị và giảm số trừ cũng 12 đơn vị thì hiệu sẽ bằng bao nhiêu:

A. 24 B. 22 C. 60 D. 70.

VÒNG 3

Game 1: SẮP XẾP

(Ghi số thứ tự vào vòng tròn theo giá trị tăng dần từ 1 đến 20)

50 - 28 ◯	42 ◯	51 - 14 ◯	26 ◯	49 ◯
61 - 36 ◯	68 ◯	91 - 26 ◯	41 - 28 ◯	34 ◯
71 - 19 ◯	71 - 43 ◯	31 ◯	90 - 18 ◯	30 - 21 ◯
70 - 24 ◯	80 - 22 ◯	31 - 12 ◯	61 ◯	54 ◯

Game 2: ĐI TÌM KHO BÁU

Câu 1. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 8.

- Nếu số hạng thứ hai là số chẵn lớn nhất có 1 chữ số thì tổng là .....

Câu 2. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 78, số hạng thứ hai là 23 thì tổng là .....

Câu 3. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 58, số hạng thứ hai là 34 thì tổng là .....

Câu 4. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 38, số hạng thứ hai là 45 thì tổng là .....

Câu 5. Trong một phép cộng có 2 số hạng.

- Nếu số hạng thứ nhất là 18, số hạng thứ hai là 56 thì tổng là .....

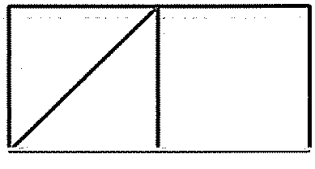
Câu 6. Hoàng có hơn Huy 12 quyển vở. Biết Huy có 18 quyển vở.

- Vậy Hoàng có ..... quyển vở.

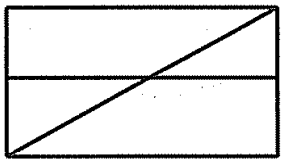
Câu 7. Hoàng hơn Huy 12 quyển vở. Biết Hoàng có 30 quyển vở.

- Vậy Huy có ..... quyển vở.

Câu 8. Hình bên có ..... hình vuông.



Câu 9. Hình bên có ..... hình chữ nhật.



Câu 10. Lớp 3A có 32 học sinh, lớp 3B nhiều hơn lớp 3A là 3 học sinh, lớp 3C nhiều hơn lớp 3B là 2 học sinh, lớp 3D nhiều hơn lớp 3C là 1 học sinh, lớp 3E ít hơn lớp 3C là 4 học sinh.

- Lớp 3E có ..... học sinh.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Tính: 32 – 18 = ...

Câu 2. Tính: 52 – 25 = ...

Câu 3. Tính : 62 – 43 = ...

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 92 – ..... = 45.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 82 – ..... = 39.

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 72 – ..... = 54.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 39 + ... = 92.

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 58 + ... = 75.

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... + 48 = 81.

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... + 57 = 95.

Câu 11. Lớp 2A có tất cả 30 học sinh trong đó có 14 học sinh nữ. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh nam?

Trả lời: .....

Câu 12. An và Bình cân nặng tất cả 70kg. Biết An cận nặng 34kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời: .....

Câu 13. Hồng có tất cả 50 viên bi. Sau đó Hồng cho Hà 12 viên. Hỏi Hồng còn lại bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 14. Một cửa hàng có 50kg đường. Cửa hàng đã bán được 29kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Trả lời:.....

Câu 15. Hiện nay tổng số tuổi của hai mẹ con An là 51 tuổi. Biết tuổi của An là 12 tuổi. Tính tuổi của mẹ An hiện nay.

Trả lời:.....

Câu 16. Biết tuổi của bố Mai hiện nay là 41 tuổi và Mai kém bố Mai 28 tuổi. Tính tuổi của Mai hiện nay.

Trả lời:.....

Câu 17. Một thùng đựng 80*l* dầu. Sau đó người ta lấy ra từ thùng dầu đó 25*l* dầu. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

Trả lời: .....

Câu 18. Hai can đựng tất cả 40*l* dầu, biết can bé đựng 15*l*. Hỏi can to đựng bao nhiêu lít dầu?

Trả lời:.....

Câu 19. Hai số có tổng bằng 91. Biết số lớn bằng 68, tính số bé.

Trả lời: .....

Câu 20. Biết tổng của hai số bằng số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau và số bé bằng 29. Tìm số lớn.

Trả lời: .....

Câu 21. Tính: 79 – 47 = ...

Câu 22. Tính: 45 – 25 + 25 = ...

Câu 23. Tính: 56 – a + a = ...

Câu 24. Lớp 2A có 34 học sinh, lớp 2B có 28 học sinh.

– Cả hai lớp 2A và 2B đó có ..... học sinh.

Câu 25. Mai có 15 quyển vở. Mai viết hết 6 quyển.

– Mai còn lại ..... quyển.

Câu 26. Điền dấu >; <; = vào chỗ chấm: 12 + a ..... a + 34.

Câu 27. Cắt một sợi dây dài 1dm thành 2 đoạn ngắn hơn. Biết đoạn thứ nhất dài 6cm. Đoạn thứ hai dài là .....cm.

Câu 28. Có tất cả .....số có 2 chữ số khác nhau bé hơn 54.

Câu 29. Nhà An nuôi 32 con gà và 45 con vịt. Tổng số gà và vịt nhà An nuôi tất cả là .....con.

Câu 30. Biết hiện nay Mai 7 tuổi và bố 40 tuổi. Tổng số tuổi của cả hai bố con Mai trước đây 2 năm là ..... tuổi.

Câu 31. Hòa có 20 viên bi. Bình có ít hơn Hòa 5 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 32. Thanh có 31 viên bi. Bình có ít hơn Thanh 9 viên bi. Hỏi Bình có bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 33. Hồng có 41 con tem. Hà có ít hơn Hồng 9 con tem. Hỏi Hà có bao nhiêu con tem?

Trả lời: .....

Câu 34. Xuân có 40 quyển truyện. Mai có ít hơn Xuân 16 quyển truyện. Hỏi Mai có bao nhiêu quyển truyện?

Trả lời:.....

Câu 35. Hòa có 52 viên bi. Bình có ít hơn Hòa 15 viên bi. Tính số bi của Bình.

Trả lời:.....

Câu 36. Mai có 32 bông hồng. Lan có ít hơn Mai 13 bông hồng. Hỏi Lan có bao nhiêu bông hồng?

Trả lời:.....

Câu 37. Hòa có 30 chiếc kẹo. Bình có ít hơn Hòa 8 chiếc kẹo. Hỏi Bình có bao nhiêu chiếc kẹo?

Trả lời:.....

Câu 38. Bình có 42 quyển vở. Minh có ít hơn Bình 15 quyển vở. Hỏi Minh có bao nhiêu quyển vở?

Trả lời:.....

Câu 39. Hai bao gạo cân nặng tất cả 75kg. Biết bao bé cân nặng 28kg. Hỏi bao to cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời:.....

Câu 40. An và Bình cân nặng tất cả 54kg. Biết An cân nặng 26kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời:.....

Câu 41. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 35.

- Nếu số hạng thứ hai là số bé nhất lớn hơn 79 thì tổng là .....

Câu 42. Trong một phép cộng có 2 số hạng. Biết số hạng thứ nhất là 24.

- Nếu số hạng thứ hai là số lớn nhất bé hơn 68 thì tổng là .....

Câu 43. Anh có 27 lá cờ. Em có nhiều hơn anh 12 lá cờ.

- Vậy em có ..... lá cờ.

Câu 44. Anh có 39 lá cờ. Anh có nhiều hơn em 15 lá cờ.

- Vậy em có ..... lá cờ.

Câu 45. Trong một phép cộng có số hạng thứ nhất là 67, số hạng thứ hai là 12.

- Vậy kết quả của phép cộng đó là .....

Câu 46. Trong một phép cộng có số hạng thứ nhất là 57, số hạng thứ hai là 24.
- Vậy kết quả của phép cộng đó là .....

Câu 47. Đội tuyển thể thao của trường có 29 bạn, trong đó có 12 bạn nữ.
- Số bạn nam trong đội tuyển là .....

Câu 48. Tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 25 cây. Biết tổ 2 trồng được 38 cây.
- Vậy số cây tổ 1 trồng được là .....

Câu 49. Tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 16 cây. Biết tổ 1 trồng được 42 cây.
- Vậy số cây tổ 2 trồng được là .....

Câu 50. Tính: 14kg + 25kg = ...

Câu 51. Con lợn cân nặng 32 kg. Con chó nhẹ hơn con lợn 17 kg. Hỏi cả hai con cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 47kg B. 15 kg C. 74 kg D. 51kg.

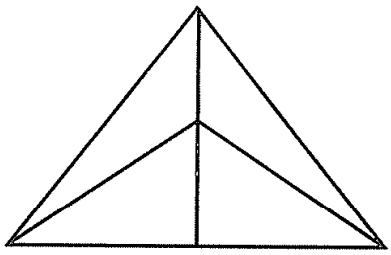
Câu 52. Nếu $75 - x = 27 + 18$ thì giá trị của x là:

A. 45 B. 30 C. 35 D. 54.

Câu 53. Biết số kẹo của Linh là số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau. Linh cho Hoa số kẹo là số lẻ lớn nhất có một chữ số. Hỏi Linh còn bao nhiêu cái kẹo?

A. 11 cái B. 9 cái C. 3 cái D. 2 cái.

Câu 54. Hình vẽ có mấy hình tam giác?



A. 6 hình
B. 7 hình
C. 8 hình
D. 9 hình.

Câu 55. Tìm số lớn nhất trong các số sau: **19; 82; 66; 90.**

A. 66 B. 19 C. 82 D. 90.

Câu 56. Lan gấp được 12 cái máy bay, Thành gấp được 14 cái. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu máy bay?

A. 16 cái B. 26 cái C. 2 cái D. 36 cái.

Câu 57. Tính: 90 – 50 + 3.

A. 53 B. 33 C. 43 D. 7.

Câu 58. Nhà Mai nuôi 44 con gà trống và 13 con gà mái. Hỏi Mai nuôi tất cả bao nhiêu con gà?

A. 57 con B. 31 con C. 67 con D. 47 con.

Câu 59. Nếu $92 - x = 19$ thì giá trị của x là:

A. 27 B. 33 C. 73 D. 37.

Câu 60. Điền số còn thiếu vào chỗ chấm: 34 + ... – 78 = 9.

A. 45 B. 56 C. 53 D. 35.

Câu 61. Tính: 28kg – 15kg = ...

Câu 62. Tính: 42kg + 3kg – 21kg = ...

Câu 63. Tính: 35kg + 14kg – 26kg = ...

Câu 64. Tính: 85kg – 52kg + 25kg = ...

Câu 65. Tính: 76kg – 32kg + 18kg = ...

Câu 66. Huy có 26 que tính, Hoàng có hơn Huy 16 que tính.

- Hai bạn có tất cả ..... que tính.

Câu 67. Tổng của 23 và số lớn nhất bé hơn 38 là .....

Câu 68. Tổng của 34 và số bé nhất lớn hơn 47 là .....

Câu 69. Tổng của 45 và số chẵn lớn nhất bé hơn 56 là .....

Câu 70. Tổng của 56 và số lẻ bé nhất lớn hơn 65 là .....

Câu 71. Tính: 1 + 2 + 3 + 17 + 18 + 19 = ...

Câu 72. Một cửa hàng có 85 chiếc xe đạp, đã bán được 27 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu chiếc xe đạp?

A. 92 chiếc B. 58 chiếc C. 68 chiếc D. 65 chiếc.

Câu 73. Năm nay mẹ 34 tuổi. Biết bố hơn mẹ 6 tuổi và kém ông nội 26 tuổi. Hỏi năm nay ông nội bao nhiêu tuổi?

A. 40 tuổi B. 14 tuổi C. 74 tuổi D. 66 tuổi.

Câu 74. Kết quả của phép tính: 50 – 18 + 16 + 14 – 12 – 10 là:

A. 40 B. 50 C. 70 D. 60.

Câu 75. Nếu $x - 17 = 32 - 8$ thì giá trị của x là:

A. $x = 24$ B. $x = 41$ C. $x = 31$ D. $x = 24$.

Câu 76. Số cần điền vào chố chấm 98 + 76 – ..... = 120 là:

A. 56 B. 54 C. 65 D. 45.

Câu 77. Em hái được 20 bông hoa. Chị hái được nhiều hơn em 5 bông hoa. Hỏi chị hái được mấy bông hoa?

A. 15 bông B. 10 bông C. 20 bông D. 25 bông.

Câu 78. Biết tổng của hai số bằng 76. Nếu bớt mỗi số đi 15 đơn vị thì tổng mới của hai số đó bằng bao nhiêu?

A. 64 B. 96 C. 106 D. 46.

Câu 79. Tìm một số biết rằng số đó kém 100 là 25 đơn vị:

A. 35 B. 55 C. 75 D. 125.

Câu 80. Hiệu của hai số là 35. Nếu tăng số trừ thêm 24 thì hiệu mới là:

A. 11 B. 59 C. 39 D. 41.

Câu 81. Một khu vườn có 100 cây đào. Sau khi bán đi một số cây đào thì khu vườn còn lại 37 cây. Số cây đào đã bán đi là:

A. 60 cây B. 62 cây C. 54 cây D. 63 cây.

Câu 82. Tú hái được 24 bông hoa. Lộc hái được ít hơn Tú 9 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa?

A. 33 bông B. 25 bông C. 15 bông D. 39 bông.

Câu 83. Nếu $x + 24 = 68$ thì $x =$ .....

Câu 84. Nếu $34 + x = 56$ thì $x =$ .....

Câu 85. Nếu $45 + x = 73$ thì $x =$ .....

Câu 86. Có 4 can đựng tất cả 56*l* nước mắm. Biết can thứ nhất và can thứ hai đựng 34*l*. Hỏi can thứ ba và can thứ tư đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Trả lời: .....

Câu 87. Có 4 can đựng tất cả 64*l* nước mắm. Biết can thứ nhất và can thứ ba đựng 36*l*. Hỏi can thứ hai và can thứ tư đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Trả lời: .....

Câu 88. Có 4 can đựng tất cả 86*l* nước mắm. Nếu can thứ nhất và can thứ tư đựng 48*l* thì can thứ hai và can thứ ba đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Trả lời: .....

Câu 89. Có 5 can đựng 95*l* nước mắm. Nếu can thứ nhất, can thứ hai và can thứ ba đựng 76*l* thì can thứ tư và can thứ năm đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Trả lời: .....

Câu 90. Nếu $x + 27 = 70$ thì $x =$ .....

Câu 91. Nếu $x + 36 = 80$ thì $x =$ .....

Câu 92. Nếu $42 + x = 60$ thì $x =$ .....

Câu 93. Nếu $54 + x = 90$ thì $x =$ .....

Câu 94. Năm nay bố 41 tuổi và anh 8 tuổi. Vậy bố hơn anh ..... tuổi.

Câu 95. Năm nay bố 41 tuổi và hơn mẹ 4 tuổi. Vậy năm nay mẹ ..... tuổi.

Câu 96. Năm nay mẹ 35 tuổi và hơn em 28 tuổi. Vậy năm nay em ..... tuổi.

Câu 97. Năm nay mẹ 36 tuổi và kém bà 25 tuổi. Vậy năm nay bà ..... tuổi.

Câu 98. Bao gạo thứ nhất chứa 51kg, bao gạo thứ hai chứa 41kg, bao thứ ba chứa 34kg và bao thứ tư chứa 26kg.

- Vậy bao thứ nhất và bao thứ hai hơn bao thứ ba và bao thứ tư .....kg.

Câu 99. Khối 1 có 8 học sinh giỏi, Khối 2 có 11 học sinh giỏi, Khối 3 có 16 học sinh giỏi, Khối 4 có 21 học sinh giỏi.

- Số học sinh của Khối 1 và Khối 2 ít hơn của Khối 3 và Khối 4 là ..... học sinh.

Câu 100. Số cộng với 18 được kết quả bằng 62 là .....

VÒNG 4

Game 1: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

26 + 12 ◯	91 ◯	42 + 6 ◯	85 ◯	68 - 36 ◯
79 - 34 ◯	48 - 32 ◯	23 + 15 ◯	14 ◯	57 + 14 ◯
88 - 22 ◯	71 ◯	28 - 12 ◯	32 ◯	45 ◯
69 - 55 ◯	26 + 22 ◯	46 + 39 ◯	67 + 24 ◯	66 ◯

Game 2: THẾ GIỚI CÔN TRÙNG

Câu 1. Số trừ đi 45 được kết quả bằng 67 là:

A. 32 B. 22 C. 102 D. 112.

Câu 2. Số trừ đi 57 được kết quả bằng 75 là:

A. 122 B. 132 C. 28 D. 18.

Câu 3. Nếu $x + 34 = 567$ thì giá trị của x là:

A. 591 B. 602 C. 533 D. 532.

Câu 4. Nếu $456 - x = 78$ thì giá trị của x là:

A. 378 B. 534 C. 543 D. 345.

Câu 5. Khối Hai của một trường có 138 học sinh trong đó có 86 bạn nữ. Số bạn nam của Khối Hai đó là:

A. 78 bạn. B. 72 bạn. C. 79 bạn, D. 52 bạn.

Câu 6. Lớp em có 36 bạn học sinh, trong đó có 21 bạn nam. Vậy số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là:

A. 2 bạn. B. 4 bạn. C. 5 bạn D. 6 bạn.

Câu 7. Một sợi dây dài 2dm 4cm bị cắt đi 6cm. Vậy sợi dây còn lại dài là:

A. 2dm. B. 2dm 8cm. C. 18cm. D. 1cm 8dm.

Câu 8. Hai số có hiệu bằng 124. Nếu giảm số bị trừ đi 68 đơn vị thì hiệu sẽ là:

A. 192 B. 202 C. 56 D. 54.

Câu 9. Hai số có hiệu bằng 135. Nếu tăng số bị trừ thêm 79 đơn vị thì hiệu là:

A. 54 B. 45 C. 214 D. 204.

Câu 10. Biết hiệu của hai số bằng 246. Nếu tăng số bị trừ 35 đơn vị và giảm số trừ cũng 35 đơn vị thì hiệu sẽ bằng bao nhiêu:

A. 316 B. 306 C. 0 D. 176.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Số cộng với 45 được kết quả bằng 92 là .....

Câu 2. Bốn khối trồng cây. Biết Khối 5 trồng được 62 cây, Khối 4 trồng được 52 cây, Khối 3 trồng được 45 cây và Khối 2 trồng được 37 cây.

- Khối 5 và Khối 2 trồng được hơn Khối 3 và Khối 4 số cây là .....

Câu 3. Hưng có 22 viên bi, Hà có 32 viên, Thái có 14 viên, Bình có 29 viên.

- Số bi của Hưng và Hà hơn số bi của Thái và Bình là .....

Câu 4. Huy có một số bi. Sau đó Huy cho Hưng 7 viên, cho Hà 12 viên, cho Thái 15 viên và cho Bình 24 viên thì Huy còn lại 27 viên.

- Lúc đầu Huy có số bi là .....

Câu 5. Số cộng với 28 được kết quả bằng 53 là .....

Câu 6. Số cộng với 37 được kết quả bằng 63 là .....

Câu 7. Số cộng với 46 được kết quả bằng 73 là .....

Câu 8. Số cộng với 55 được kết quả bằng 83 là .....

Câu 9. Năm nay ông 73 tuổi, bố 38 tuổi. Vậy ông hơn bố số tuổi là .....

Câu 10. Năm nay bà 63 tuổi, mẹ 36 tuổi. Vậy bà hơn mẹ số tuổi là .....

Câu 11. Hai số nào dưới đây có tổng lớn hơn 98:

A. 35 và 54. B. 34 và 62. C. 45 và 54. D. 72 và 25.

Câu 12. Hai số nào dưới đây có tổng bé hơn 100:

A. 46 và 54. B. 21 và 79. C. 35 và 66. D. 18 và 81.

Câu 13. Ba số nào dưới đây có tổng bằng 100:

A. 1, 23, 45. B. 12, 23, 34. C. 33, 34, 35. D. 23, 34, 43.

Câu 14. Hai số nào dưới đây có tổng bằng 30:

A. 12 và 18. B. 23 và 17. C. 14 và 24. D. 18 và 22.

Câu 15. Hai số nào dưới đây có tổng lớn hơn 40:

A. 25 và 25. B. 24 và 16. C. 25 và 14. D. 16 và 19.

Câu 16. Hai số nào dưới đây có tổng bé hơn 50:

A. 24 và 26. B. 21 và 19. C. 35 và 16. D. 34 và 22.

Câu 17. Ba số nào dưới đây có tổng bằng 70:

A. 11, 23, 35. B. 22, 24, 26. C. 12, 24, 34. D. 24, 26, 32.

Câu 18. Có 4 sợi dây. Biết sợi thứ nhất dài 26cm, sợi thứ hai dài 32cm, sợi thứ ba dài 48cm, sợi thứ tư dài 52cm. Hai sợi dây nào có tổng độ dài bằng 8dm:

A. Sợi thứ nhất và sợi thứ hai. B. Sợi thứ hai và sợi thứ ba.

C. Sợi thứ ba và sợi thứ tư. D. Sợi thứ tư và sợi thứ nhất.

Câu 19. Năm nay anh 19 tuổi và em 15 tuổi. Tổng số tuổi của hai anh em khi em bằng thuổi anh hiện nay là:

A. 34 tuổi. B. 38 tuổi. C. 42 tuổi. D. 48 tuổi.

Câu 20. Năm nay anh 12 tuổi và em 7 tuổi. Tổng số tuổi của hai anh em khi anh bằng tuổi em hiện nay là:

A. 19 tuổi. B. 12 tuổi. C. 5 tuổi. D. 9 tuổi.

Câu 21. Hiệu của số bé nhất có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 8 với số lớn nhất có 1 chữ số là .....

Câu 22. Hiệu của số lớn nhất bé hơn 17 với số chẵn lớn nhất có 1chữ số là ....

Câu 23. Hiệu của số bé nhất lớn hơn 14 với số lớn nhất bé hơn 8 là .....

Câu 24. Hiệu của số chẵn bé nhất có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 9 với số bé nhất có 2 chữ số là .....

Câu 25. Hai số tròn chục liền nhau có hiệu là .....

Câu 26. Hai số có 2 chữ số giống nhau liền nhau có hiệu là .....

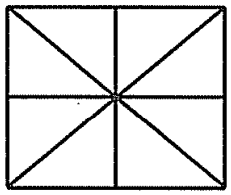
Câu 27. Bốn bao gạo nặng tất cả 100kg. Biết bao thứ nhất nặng 23kg.

- Vậy 3 bao còn lại nặng là .....

Câu 28. Có 2 can nước mắm. Can thứ nhất đựng 18*l*, can thứ hai đựng 16*l*. Sau khi bán, can thứ nhất còn 9*l*, can thứ hai còn 12*l*.

- Đã bán đi số lít nước mắm là .....

Câu 29. Trong hình vẽ có ..... đoạn thẳng.



Câu 30. Biết $x + 23 + 45 = 100$. Vậy: $x =$ .....

Câu 31. Năm nay anh 15 tuổi và em 10 tuổi. Vậy trước đây mấy năm thì tổng số tuổi của hai anh em bằng tuổi anh hiện nay:

A. 3 năm. B. 5 năm. C. 4 năm. D. 10 năm.

Câu 32. Năm nay anh 12 tuổi và em 8 tuổi. Vậy trước đây mấy năm thì tổng số tuổi của hai anh em bằng tuổi em hiện nay:

A. 2 năm. B. 4 năm. C. 6 năm. D. 8 năm.

Câu 33. Năm nay bố 49 tuổi, mẹ 39 tuổi và Huy 9 tuổi. Tổng số tuổi của bố và Huy hơn tổng số tuổi của mẹ và Huy là:

A. 10 tuổi. B. 9 tuổi. C. 19 tuổi. D. Đáp án khác.

Câu 34. Khối 1 trồng được 19 cây, Khối 2 trồng được 29 cây, Khối 3 trồng được 39 cây, Khối 4 trồng được 49 cây, Khối 5 trồng được 59 cây. Vậy:

A. Tổng số cây của Khối 1 và 5 bằng tổng số cây của Khối 2 và 4.

B. Tổng số cây của Khối 2 và Khối 3 trồng được là 58 cây.

C. Cả A và B đều đúng.

Câu 35. Hưng có 29 viên bi, Hà có 19 viên bi và Hải có 39 viên bi. Nếu Hưng cho Hà 5 viên thì tổng số bi của Hà và Hải nhiều hơn của Hưng là:

A. 24 viên. B. 32 viên. C. 39 viên. D. 42 viên.

Câu 36. Huy có 18 viên bi, Hoàng có 27 viên bi và Huyền có 36 viên bi. Tổng số bi của cả ba bạn là:

A. 54 viên. B. 72 viên. C. 81 viên. D. 62 viên.

Câu 37. Giá tiền 1kg cá là 58 nghìn, 1kg thịt là 85 nghìn, 1kg tôm là 96 nghìn. Nếu có 150 nghìn thì có thể mua được:

A. 1kg cá và 1kg thịt. B. 1kg thịt và 1kg tôm.

C. 1kg tôm và 1kg cá. D. Đáp án khác.

Câu 38. Lớp 3A có 18 bạn nam, 19 bạn nữ. Lớp 3B có 28 bạn nữ, 13 bạn nam. Lớp 3A có ít hơn lớp 3B số học sinh là:

A. 3 bạn B. 4 bạn C. 5 bạn D. 2 bạn.

Câu 39. Năm nay bố 36 tuổi, anh 12 tuổi và em 8 tuổi. Vậy sau bao nhiêu năm nữa thì tuổi bố bằng tổng số tuổi của hai anh em?

A. 4 năm. B. 8 năm. C. 12 năm. D. 16 năm.

Câu 40. Biết $100 - x - 56 = 34$. Vậy: $x =$ .....

Câu 41. Biết $23 + x + 34 = 98$. Vậy: $x =$ .....

Câu 42. Biết $x + 34 - 56 = 78$. Vậy: $x =$ .....

Câu 43. Biết $x - 12 - 34 = 56$. Vậy: $x =$ .....

Câu 44. Từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa có số giờ là .....

Câu 45. Từ 11 giờ trưa đến 5 giờ chiều có số giờ là .....

Câu 46. Từ 4 giờ chiều đến 10 giờ tối có số giờ là .....

Câu 47. Từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối có số giờ là .....

Câu 48. Lúc 23 giờ thường được gọi là .....đêm.

Câu 49. Lúc 6 giờ chiều hay còn gọi là .....

Câu 50. Bây giờ là 11 giờ trưa. Sau 5 giờ nữa sẽ là ..... giờ chiều.

Câu 51. Khi kim phút chỉ số 12 thì 2số cuối của đồng hồ điện tử là .....

Câu 52. Thứ ba tuần trước là ngày 15 thì thứ hai tuần này là ngày .....

Câu 53. Hôm nay là thứ tư ngày 10. Vậy chủ nhật tuần này là ngày .....

Câu 54. Ngày 1 của tháng là thứ năm thì ngày 5 của tháng đó là .....

Câu 55. Hôm qua là chủ nhật ngày 18 thì ngày 20 tháng đó là .....

Câu 56. Tổng số ngày của tháng 4, tháng 5 và tháng 6 là .....

Câu 57. Kết quả của phép tính 23 + 24 - 25 bằng:

A. 34 B. 45 C. 56 D. Đáp án khác.

Câu 58. Số nào dưới đây lớn hơn số bé nhất có 3 chữ số và có tổng của 3 chữ số bằng 10:

A. 109 B. 102 C. 110. D. Đáp án khác.

Câu 59. Tổng của hai số nào dưới đây bé hơn hiệu của 345 - 67:

A. 123 + 45 B. 345 + 67 C. 234 + 56. D. Đáp án khác.

Câu 60. 56kg bằng tổng của:

A. 45kg và 9kg B. 49kg và 9kg

C. 11kg và 8kg. D. Đáp án khác.

Câu 61. Khối lượng của 1 con bê con khoảng :

A. 50kg B. 5kg C. 18kg. D. Đáp án khác.

Câu 62. Khối lượng của 1 gói bánh khoảng:

A. 12kg B. 3kg C. 8kg. D. Đáp án khác.

Câu 63. Khối lượng của các bạn học sinh lớp 3 khoảng:

A. 2kg B. 25kg C. 5kg. D. 52kg.

Câu 64. Khối lượng của em bé lúc mới sinh khoảng:

A. 12kg B. 3kg C. 1kg. D. 32kg.

Câu 65. Tổ 1 trồng được 36 cây, tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 15 cây. Vậy:

A. Tổ 2 trồng được 21 cây. B. Cả hai tổ trồng được 45 cây.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng

Câu 66. Bao thứ nhất có 36kg gạo, bao thứ hai hơn bao thứ nhất 18kg. Vậy:

A. Bao thứ hai có 43kg gạo. B. Cả hai bao có 50kg gạo.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 67. Một cửa hàng, ngày đầu bán được 45kg gạo. Ngày thứ hai bán được ít hơn 16kg. Vậy:

A. Ngày thứ hai bán được 29kg. B. Cả hai ngày bán được 74kg.

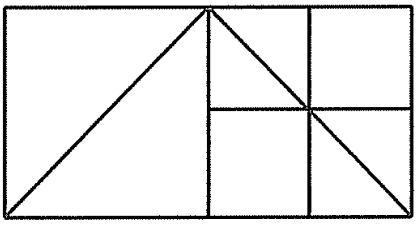
C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 68. Tổng số ngày của tháng 4 và tháng 6 hơn số ngày của tháng 5 là .....

Câu 69. Có 3 bao gạo. Bao thứ nhất đựng 46kg, bao thứ hai đựng ít hơn bao thứ nhất 8kg và bao thứ ba đựng nhiều hơn bao thứ hai 9kg.

- Vậy bao thứ ba đựng ..... gạo.

Câu 70. Trong hình bên có số hình tam giác nhiều hơn số hình vuông là ..... hình.



Câu 71. Từ 4 điểm có thể vẽ được ..... đoạn thẳng.

Câu 72. Hai số nào dưới đây có tổng bằng 135:

A. 74 và 71. B. 85 và 60. C. 65 và 70. D. 45 và 90.

Câu 73. Hai số nào dưới đây có tổng bé hơn 246:

A. 135 và 79. B. 234 và 56. C. 111 và 222. D. Đáp án khác.

Câu 74. Tổng nào dưới đây bé hơn 234:

A. 12 + 345 + 67 + 89. B. 35 + 79 + 98.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 75. Ba số nào dưới đây có tổng là một số chẵn:

A. 135, 79 và 246. B. 124, 68 và 456.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 76. Hai số nào dưới đây có tổng bằng 100:

A. 43 và 57. B. 54 và 56. C. 82 và 28. D 73 và 37.

Câu 77. Hai số nào dưới đây có tổng lớn hơn 100:

A. 46 và 54. B. 57 và 58. C. 45 và 54. D. 63 và 36.

Câu 78. Hai số nào dưới đây có tổng bé hơn 100:

A. 28 và 72. B. 64 và 46. C. 52 và 25. D. 19 và 91.

Câu 79. Ba số nào dưới đây có tổng bằng 100:

A. 25, 36 và 39. B. 35, 18 và 57.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 80. Những can nào dưới đây nếu chứa đầy có tổng số lít là 50*l*:

A. Ba can 10*l* và một can 20*l* B. Hai can 10*l* và ba can 5*l*

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 81. Những can nào dưới đây nếu chứa đầy có tổng số lít là 100*l*:

A. Ba can 10*l* và hai can 20*l* B. Hai can 25*l* và một can 50*l*

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 82. Những can nào dưới đây nếu chứa đầy có tổng số lít là 75*l*:

A. Ba can 20*l* và ba can 5*l* B. Hai can 20*l* và một can 50*l*

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 83. Những can nào dưới đây nếu chứa đầy có tổng số lít là 125*l* :

A. Ba can 25*l* và một can 50*l* B. Hai can 25*l* và hai can 50*l*

C. Cả A và B đều sai. D. C. Cả A và B đều đúng.

Câu 84. Can thứ nhất chứa nhiều hơn can thứ hai 16*l* nước mắm. Nếu đổ từ can thứ nhất sang can thứ hai 3*l* thì can thứ nhất nhiều hơn can thứ hai là:

A. 13*l* B. 10*l* C. 6*l* D. Đáp án khác.

Câu 85. Can thứ nhất chứa ít hơn can thứ hai 5*l* nước mắm. Nếu đổ từ can thứ hai sang can thứ nhất 5*l* thì can thứ nhất nhiều hơn can thứ hai là:

A. 5*l* B. 10*l* C. 15*l* D. Đáp án khác.

Câu 86. Can thứ nhất chứa ít hơn can thứ hai 10*l* nước mắm. Nếu đổ từ can thứ nhất sang can thứ hai 5*l* thì can thứ nhất ít hơn can thứ hai là:

A. 5*l* B. 10*l* C. 20*l* D. Đáp án khác.

Câu 87. Điền dấu >; =; < vào chỗ chấm: 45 – 24 ..... 17 + 10.

Câu 88. Điền dấu >; =; < vào chỗ chấm: 32 + 16 ..... 20 + 28.

Câu 89. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 32 + ... = 87 - 32.

Câu 90. Điền dấu số thích hợp vào chỗ chấm: 72 - 24 = ... + 45.

Câu 91. Biết x + 25 + 37 = 100. Vậy: x = ...

Câu 92. Biết 34 + x + 17 = 90. Vậy: x = ...

Câu 93. Biết x – 26 = 54 + 20. Vậy: x = ...

Câu 94. Biết 82 – x = 45 – 19. Vậy: x = ...

Câu 95. Điền dấu (>; <; =) vào chỗ chấm: 68 + 12 – 37 ..... 23 + 35 + 18.

Câu 96. Điền dấu (>; <; =) vào chỗ chấm: 72 – 26 + 43 ..... 35 + 42 – 58.

Câu 97. Điền dấu (>; <; =) vào chỗ chấm: 97 – 79 + 36 ..... 95 – 29 – 34.

Câu 98. Điền dấu (>; <; =) vào chỗ chấm: 12 + 23 + 34 ..... 100 – 21 – 10.

Câu 99. Cho 2 số: 125 và 521.

- Hiệu của hai số bé hơn tổng của hai số là .....

Câu 100. Một rổ đựng cam và chanh. Biết rằng nếu có thêm 12 quả cam thì số cam sẽ nhiều hơn số chanh là 7 quả. Hỏi nếu có thêm 12 quả chanh thì số chanh sẽ nhiều hơn số cam là bao nhiêu quả?

- *Trả lời*: .....

VÒNG 5

Game 1: SẮP XẾP

(Ghi số thứ tự vào vòng tròn theo giá trị tăng dần từ 1 đến 20)

63 - 39 ○	41 ○	31 ○	63 - 15 ○	93 - 16 ○
83 - 15 ○	91 - 4 ○	59 ○	19 ○	82 - 38 ○
43 - 27 ○	93 - 37 ○	93 - 28 ○	51 ○	70 ○
13 ○	39 ○	73 - 45 ○	62 ○	82 - 47 ○

Game 2: ĐỪNG ĐỂ ĐIỂM RƠI

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5dm = ...cm.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 40cm = ...dm.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 80cm = ...dm.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 9dm = ...cm.

Câu 5. Tính: 93 – 58 = ...

Câu 6. Tính: 83 – 36 = ...

Câu 7. Biết tổng số tuổi của hai bố con là 53 tuổi và tuổi con là 14 tuổi.

- Vậy tuổi bố là ..... tuổi.

Câu 8. Tổng của hai số bằng 83. Biết một trong hai số là 45.

- Vậy số còn lại là .....

Câu 9. Nhà bác An nuôi tất cả 63 con vừa gà vừa vịt, trong đó có 25 con gà.

- Vậy nhà bác An nuôi ..... con vịt.

Câu 10. Có ..... số có hai chữ số có tổng các chữ số bằng 13.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Tổng của số chẵn lớn nhất và bé nhất có 1 chữ số là .....

Câu 2. Tổng của số lớn nhất và bé nhất có 1 chữ số là .....

Câu 3. Số trừ đi 5 rồi cộng với 6 được 7 là .....

Câu 4. Số trừ đi 2 rồi trừ tiếp đi 3 được 4 là .....

Câu 5. Số cộng với 3 rồi cộng tiếp với 5 được 9 là .....

Câu 6. Số cộng với 4 rồi trừ đi 2 được 6 là .....

Câu 7. Bao gạo thứ nhất đựng 25kg gạo, bao thứ hai đựng 28kg, bao thứ ba đựng 30kg. Cả ba bao đựng .....kg gạo.

Câu 8. Tính: $14l + 86l =$ .....

Câu 9. Tính: $25l + 57l =$ .....

Câu 10. Tính: $28l + 15l =$ .....

Câu 11. Hai can chứa lượng nước bằng nhau. Nếu đổ từ can thứ nhất sang can thứ hai $5l$ thì can thứ hai nhiều hơn can thứ nhất bao nhiêu lít nước:

A. $10l$ B. $5l$ C. $5l$ D. $20l$.

Câu 12. Có hai can nước mắm. Can thứ nhất chứa $5l$, can thứ hai chứa $16l$. Cả hai can chứa số nước mắm là:

A. $21l$ B. $12l$ C. $15l$ D. $25l$.

Câu 13. Có hai can chứa tất cả $45l$ nước mắm. Biết can thứ nhất chứa $27l$. Can thứ hai chứa bao nhiêu lít nước mắm:

A. $15l$ B. $18l$ C. $25l$ D. $28l$.

Câu 14. Có ba can nước mắm. Can thứ nhất chứa $15l$, can thứ hai chứa $27l$, can thứ ba chứa $19l$. Cả ba can chứa số nước mắm là:

A. $41l$ B. $51l$ C. $45l$ D. $61l$.

Câu 15. Có ba can chứa tất cả $75l$ nước mắm. Can thứ nhất chứa $26l$, can thứ hai chứa $28l$. Can thứ ba chứa số nước mắm là:

A. $31l$ B. $23l$ C. $21l$ D. $35l$.

Câu 16. Một can chứa $50l$ nước mắm. Lần thứ nhất bán $15l$, lần thứ hai bán $25l$. Vậy còn lại số lít nước mắm là:

A. $15l$ B. $12l$ C. $10l$ D. $25l$.

Câu 17. Một can chứa $20l$ nước mắm. Lần thứ nhất bán đi $6l$. Lần thứ hai bán đi một số lít nước mắm. Sau hai lần bán trong can còn lại $6l$. Số lít nước mắm đã bán đi ở lần thứ hai là:

A. $16l$ B. $10l$ C. $8l$ D. $5l$.

Câu 18. Lớp 2A có 38 học sinh trong đó có 16 bạn nữ, lớp 2B có 32 học sinh trong đó có 18 bạn nam. Nếu chuyển 2 bạn nữ từ lớp 2B sang lớp 2A thì:

A. Lớp 2A có 22 bạn nam. B. Lớp 2B có 12 bạn nữ.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 19. Huy có 11 viên bi xanh và đỏ. Biết số bi xanh là 2 viên. Vậy:

A. Số bi đỏ là 9 viên. B. Số bi đỏ hơn số bi xanh là 6 viên.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 20. Tổ 1 trồng được 21 cây, tổ 2 trồng được ít hơn tổ 1 là 5 cây. Nếu tổ 2 trồng thêm 2 cây nữa thì:

A. Tổ 2 trồng được tất cả 18 cây. B. Cả hai tổ trồng được 49 cây.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 21. Tính: 46*l* + 19*l* = ...

Câu 22. Hai can nước mắm loại 5*l* có tổng số lít nước mắm là .....

Câu 23. Một can rượu 10*l* nhiều hơn 2 can rượu 3*l* số lít rượu là .....

Câu 24. Hai can 3*l* và 1 can 4*l* có tổng số lít là .....

Câu 25. Một can 5*l* ít hơn 2 can 4*l* số lít là .....

Câu 26. Nếu 1*l* sữa nặng 2kg thì 3*l* sữa nặng là .....

Câu 27. Biết 1*l* nước khoáng nặng 1kg. Vậy 5*l* nước khoáng nặng là .....

Câu 28. Cứ 2 gói đường thì nặng 1kg. Vậy 10 gói đường nặng .....

Câu 29. Cứ 5*l* dầu hoả thì nặng 4kg. Vậy ..... dầu hoả thì nặng 8kg.

Câu 30. Nếu x + 35 = 79 thì x = ...

Câu 31. Khối 1 có 81 học sinh trong đó có 43 bạn nam. Khối 2 có 91 học sinh trong đó có 52 bạn nữ. Nếu khối 1 có thêm 3 bạn nữ nữa thì:

A. Tổng số bạn nữ của khối 1 là 40 bạn.

B. Số bạn nữ của khối 1 nhiều hơn số bạn nam của khối 2.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 32. Lớp 2A trồng được 25 cây, lớp 2B trồng được 18 cây. Vậy:

A. Lớp 2A trồng nhiều hơn lớp 2B là 8 cây.

B. Lớp 2B trồng ít hơn lớp 2A là 7 cây.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 33. Hai lớp 2A và 2B có 12 học sinh giỏi. Biết lớp 2A có 5 bạn. Vậy:

A. Số học sinh giỏi của lớp 2B là 7 bạn.

B. Số học sinh giỏi của lớp 2A ít hơn của lớp 2B là 2 bạn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 34. Khối 2 có 82 học sinh trong đó có 47 bạn nam. Sau đó có thêm 2 bạn nữ đến thêm. Vậy:

A. Khối 2 có số bạn nữ là 37 bạn.

B. Khối 2 có số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là 10 bạn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 35. Khối 2 gồm ba lớp có tất cả 92 học sinh trong đó có 52 bạn nam. Biết lớp 2A có 33 học sinh. Vậy:

A. Hai lớp 2B và 2C có tất cả 59 học sinh.

B. Số học sinh của lớp 2A ít hơn số bạn nam của cả khối 2 là 19 bạn.

C. Số học sinh của lớp 2A ít hơn số học sinh của hai lớp kia là 26 bạn.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 36. Lớp 2A có 42 học sinh, lớp 2B có 32 học sinh. Nếu chuyển 6 học sinh từ lớp 2A sang lớp 2B thì:

A. Lớp 2A còn lại 36 học sinh.

B. Số học sinh của lớp 2B nhiều hơn của lớp 2A là 2 bạn .

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 37. Nếu $x - 23 = 45$ thì:

A. x là một số chẵn.

B. x là một số bé hơn 68.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 38. Huy có 13 viên bi, Huyền có 4 viên bi, Hoàng có 6 viên bi. Nếu Hoàng và Huyền mỗi bạn có thêm 1 viên bi nữa thì:

A. Huy hơn Hoàng 7 viên bi.

B. Huy hơn Huyền 8 viên bi.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 39. Huy có 23 viên bi xanh, 33 viên bi đỏ, 7 viên bi vàng. Vậy Huy có:

A. Số bi xanh hơn số bi vàng là 16 viên.

B. Số bi đỏ hơn số bi vàng là 25 viên.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 40. Lớp 3A có 33 học sinh trong đó có 19 bạn nữ. Lớp 3B có 43 học sinh trong đó có 25 bạn nam. Nếu lớp 3A có thêm 4 bạn nữ thì:

A. Lớp 3A có số bạn nam ít hơn số bạn nữ là 9 bạn.

B. Số bạn nữ của lớp 3A nhiều hơn của lớp 3B là 5 bạn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 41. Chu vi của tam giác có ba cạnh dài 34cm, 45cm và 56cm là .....

Câu 42. Một hình tam giác có ba cạnh bằng nhau, mỗi cạnh dài 15cm.

- Chu vi của tam giác đó là .....

Câu 43. Một tứ giác có 4 cạnh bằng nhau, mỗi cạnh dài 12dm.

- Chu vi của tứ giác đó là .....

Câu 44. Tính chu vi hình tứ giác có các cạnh dài 1dm, 25cm, 3dm và 42cm.

- *Trả lời*: .....

Câu 45. Tính: $3 \times 4 + 56 =$ .....

Câu 46. Trong vườn có trồng 3 hàng cây hoa hồng, mỗi hàng 6 cây và 4 hàng cây hoa cúc, mỗi hàng 8 cây.

- Trong vườn có tất cả .....cây hai loại.

Câu 47. Lớp 2A xếp thành 4 hàng tập thể dục. Biết 2 hàng nữ, mỗi hàng có 10 bạn và 2 hàng nam, mỗi hàng có 12 bạn. Vậy lớp 2A có tất cả ..... học sinh.

Câu 48. Khối 2 trồng được 4 hàng cây hoa hồng, mỗi hàng có 7 cây và 6 hàng cây hoa cúc, mỗi hàng có 5 cây.

- Vậy Khối 2 trồng được số cây hoa cúc nhiều hơn số cây hoa hồng là .....cây.

Câu 49. Khối 3 trồng được 4 hàng cây hoa hồng, mỗi hàng có 8 cây và 5 hàng cây hoa cúc, mỗi hàng có 7 cây.

- Vậy khối 3 trồng được số cây hoa cúc nhiều hơn số cây hoa hồng là .....cây.

Câu 50. Khối 4 trồng được 3 hàng cây hoa hồng và 4 hàng cây hoa cúc, mỗi hàng có 6 cây.

- Vậy khối 4 trồng được tất cả .....cây.

Câu 51. Một cửa hàng bán gạo trong 2 ngày đầu bán được 93kg, ngày thứ ba bán được 73kg. Biết ngày thứ nhất bán được 35kg. Vậy ngày thứ hai bán được:

A. 58kg.
B. ít hơn ngày thứ ba là 15kg.
C. Cả A và B đều đúng.
D. Cả A và B đều sai.

Câu 52. Có ba can đựng dầu. Can thứ nhất có 14*l*, can thứ hai có 8*l* và can thứ ba có 7*l*. Nếu giót từ can thứ nhất sang can thứ hai 6*l* thì can thứ hai nhiều hơn:

A. can thứ nhất là 8*l*.
B. can thứ ba là 7*l*.
C. Cả A và B đều đúng.
D. Cả A và B đều sai.

Câu 53. Huy có 24 viên bi, Huyền có 7 viên bi, Hoàng có 6 viên bi. Nếu Huy cho Huyền 7 viên thì:

A. Huy còn lại số bi là 17 viên.

B. Huyền có số bi nhiều hơn Hoàng là 8 viên.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 54. Khối 2 có 84 học sinh trong đó có 49 bạn nữ. Khối 1 có 94 học sinh trong đó có 55 bạn nam. Nếu khối 2 có thêm 5 bạn nữ thì:

A. Khối 2 có số bạn nam ít hơn số bạn nữ là 19 bạn.

B. Số bạn nữ của khối 2 nhiều hơn của khối 1 là 15 bạn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 55. Hai kho chứa gạo. Kho thứ nhất có 94 bao trong đó có 36 bao gạo nếp. Kho thứ hai có 84 bao trong đó có 45 bao gạo tẻ. Nếu nhập thêm vào kho thứ nhất 28 bao gạo nếp thì kho thứ nhất có số gạo nếp:

A. hơn số gạo tẻ là 6 bao. B. hơn kho thứ hai là 25 bao.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 56. Huy có 29 viên bi, Huyền có 7 viên bi, Hoàng có 8 viên bi. Nếu Huy cho Huyền 2 viên thì:

A. Huy còn lại số bi nhiều hơn của Huyền là 18 viên.

B. Huy còn lại số bi nhiều hơn của Hoàng là 16 viên.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 57. Bao thứ nhất đựng 47kg gạo, bao thứ hai đựng 38kg gạo và bao thứ ba đựng 29kg gạo. Nếu đổ từ bao thứ nhất sang bao thứ hai 19kg thì:

A. Bao thứ nhất còn lại 38kg gạo.

B. Bao thứ hai nhiều hơn bao thứ ba 28kg.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 58. Hai kho chứa gạo nếp và gạo tẻ. Kho thứ nhất có 95 bao trong đó có 38 bao gạo nếp. Kho thứ hai có 86 bao gạo trong đó có 49 bao gạo tẻ. Nếu lấy ra ở kho thứ nhất 19 bao gạo nếp thì:

A. Kho thứ nhất có số gạo nếp ít hơn số gạo tẻ là 36 bao.

B. Số gạo nếp ở kho thứ nhất ít hơn ở kho thứ hai là 18 bao.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 59. Hai số nào dưới đây có hiệu là một số có 1 chữ số:

A.18 và 9. B. 198 và 189.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 60. Hai số nào dưới đây có hiệu là một số tròn chục:

A. 135 và 79. B. 246 và 80.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 61. Lớp 2A có 4 bàn dài và 6 bàn ngắn. Mỗi bàn dài có 4 học sinh, mỗi bàn ngắn có 3 học sinh.

- Lớp 2A có tất cả .....học sinh.

Câu 62. Lớp 2A xếp thành 2 hàng nam và 2 hàng nữ. Mỗi hàng nam có 10 học sinh, mỗi hàng nữ có 9 học sinh.

- Lớp 2A có tất cả .....học sinh.

Câu 63. Lớp 2A xếp thành 2 hàng nam và 2 hàng nữ. Mỗi hàng nam có 10 học sinh, mỗi hàng nữ có 8 học sinh.

- Lớp 2A có số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ là .....học sinh.

Câu 64. Lớp 2A xếp thành 4 hàng, mỗi hàng có 5 bạn nam và 4 bạn nữ.

- Lớp 2A có tất cả .....học sinh.

Câu 65. Lớp 2A xếp thành 4 hàng, mỗi hàng có 5 bạn nam và 4 bạn nữ.

- Lớp 2A có số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là .....bạn.

Câu 66. Trong một lán để xe có 4 xe ô tô và 6 xe máy. Mỗi xe ô tô có 4 bánh, mỗi xe máy có 2 bánh.

- Có tất cả .....bánh xe.

Câu 67. Số bánh xe của 8 chiếc xe máy nhiều hơn số bánh xe của 3 chiếc xe ô tô con là .....bánh xe.

Câu 68. Nhà Hoàng nuôi 2 con chó và 8 con gà. Số chân của tất cả 10 con vừa gà vừa chó là .....chân.

Câu 69. Nhà Hoàng nuôi 2 con chó và 8 con thỏ. Số chân của tất cả 10 con vừa chó vừa thỏ là .....chân.

Câu 70. Nhà Hoàng nuôi 2 con chó và 8 con gà. Số chân của 8 con gà nhiều hơn số chân của 2 con chó là .....chân.

Câu 71. Hai số nào dưới đây có hiệu là một số có 2 chữ số giống nhau:

A. 45 và 34. B. 77 và 55.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 72. Hai số nào dưới đây có hiệu là một số có chữ số hàng chục bằng 1:

A. 37 và 16. B. 37 và 19.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 73. Hai số nào dưới đây có hiệu bằng 23:

A. 100 và 77. B. 100 và 87.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 74. Hai số nào dưới đây có hiệu lớn hơn 45:

A. 100 và 55. B. 100 và 45.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 75. Hai số nào dưới đây có hiệu bé hơn 67:

A. 100 và 67. B. 100 và 33.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 76. Hai số nào dưới đây có hiệu là số tròn chục:

A. 100 và 30. B. 100 và 50.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 77. Huy có 34 viên bi. Huy cho Hoàng 8 viên, cho Huyền một số viên và còn lại 19 viên. Vậy:

A. Huy cho Huyền số bi nhiều hơn cho Hoàng là 1 viên.

B. Huy cho Huyền số bi ít hơn cho Hoàng là 1 viên.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 78. Từ 5 điểm cho trước có thể vẽ được nhiều nhất bao nhiêu đoạn thẳng:

A. 5 đoạn B. 10 đoạn C. 12 đoạn D. Đáp án khác.

Câu 79. Từ 3 điểm cho trước có thể vẽ được nhiều nhất bao nhiêu đoạn thẳng:

A. 3 đoạn. B. 4 đoạn. C. 5 đoạn. D. 2 đoạn.

Câu 80. Từ 4 điểm cho trước có thể vẽ được nhiều nhất bao nhiêu đoạn thẳng:

A. 5 đoạn. B. 6 đoạn. C. 8 đoạn. D. 10 đoạn.

Câu 81. Nhà Hoàng nuôi 6 con vịt và 8 con gà. Số chân của tất cả 14 con vừa gà vừa vịt là .....chân.

Câu 82. Nhà Hoàng nuôi 10 con vịt và 5 con gà. Số chân của 5 con gà ít hơn số chân của 10 con vịt là .....chân.

Câu 83. Lớp Hoàng có 5 bạn đạt giải Trạng nguyên, mỗi bạn được thưởng 8 quyển vở và 4 bạn đạt giải Thám hoa, mỗi bạn được thưởng 6 quyển vở.

- Cô giáo phải mua tất cả số vở thưởng đủ cho các bạn là .....quyển.

Câu 84. Đường gấp khúc ABCD có AB = 1cm, BC = 2cm, CD = 3cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 85. Đường gấp khúc ABCD có AB = 2cm, BC = 3cm, CD = 4cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 86. Đường gấp khúc ABCD có AB = 3cm, BC = 4cm, CD = 5cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 87. Đường gấp khúc ABCD có AB = 4cm, BC = 5cm, CD = 6cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 88. Đường gấp khúc ABCD có AB = 1cm, BC = 2cm và CD = 4cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 89. Đường gấp khúc ABCD có AB = BC = 2cm và CD = 3cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 90. Đường gấp khúc ABCD có AB = 2cm và BC = CD = 4cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 91. Chu vi tam giác có 3 cạnh dài 1dm, 23cm và 4dm là:

A. 123cm. B. 234cm. C. 73cm. D. 28dm.

Câu 92. Cho AB = 21cm; MN = 18cm. Vậy AB dài hơn MN là:

A. 3cm. B. 8cm. C. 5cm. D. 39cm.

Câu 93. Biết CD = 12cm; AB = 7cm. Vậy AB ngắn hơn CD là:

A. 1cm. B. 3cm. C. 5cm. D. 4cm.

Câu 94. Biết CD = 24cm; MN = 16cm. Vậy CD dài hơn MN là:

A. 5cm. B. 6cm. C. 7cm. D. 8cm.

Câu 95. Biết AB = 12cm; BC = 23cm. Vậy độ dài đoạn AC là:

A. 11cm. B. 25cm. C. 35cm. D. 15cm.

Câu 96. Cho AB = 5cm; BC = 2cm; CD = 3cm. Vậy ABC dài hơn BCD là:

A. 2cm. B. 3cm. C. 4cm. D. 5cm.

Câu 97. Cho AB = 2cm; BC = 3cm; CD = 4cm. Vậy ABC ngắn hơn BCD là:

A. 2cm. B. 4cm. C. 6cm. D. 8cm.

Câu 98. Cho AB = 5cm; BC = 2cm; CD = 3cm; DE = 4cm.

Vậy ABCD dài hơn BCDE là:

A. 1cm. B. 2cm. C. 3cm. D. 4cm.

Câu 99. Cho AB = 5cm; BC = 2cm; CD = 3cm; DE = 4cm.

Vậy ABC ngắn hơn BCDE là:

A. 3cm. B. 2cm. C. 4cm. D. 5cm.

Câu 100. Nếu hôm nay là Thứ sáu ngày 23 tháng 8 thì Thứ sáu tuần sau là:

A. ngày 24 B. ngày 30 C. ngày 31 D. 17.

VÒNG 6

Game 1: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

61 - 49 ◯	30 - 17 ◯	41 - 30 ◯	60 - 45 ◯	31 - 23 ◯
73 - 16 ◯	33 - 8 ◯	91 - 82 ◯	25 ◯	81 - 72 ◯
18 ◯	34 ◯	40 - 25 ◯	83 - 49 ◯	20 - 7 ◯
93 - 75 ◯	40 - 28 ◯	30 - 19 ◯	57 ◯	71 - 63 ◯

Game 2: ĐỈNH NÚI TRÍ TUỆ

Câu 1. Phép nhân 5 × 6 có tích là:

A. 56 B. 65 C. 11 D. 30.

Câu 2. Tích của 5 × 8 là:

A. 58 B. 13 C. 40 D. 85.

Câu 3. 45 là tích của 5 và số nào:

A. 6 B. 5 C. 7 D. 9.

Câu 4. Tích của số nào với 8 bằng 40:

A. 3 B. 4 C. 5 D. 2.

Câu 5. Nếu thừa số thứ nhất là 4, thừa số thứ hai là 8 thì tích là:

A. 48 B. 32 C. 84 D. 23.

Câu 6. Tích của 2 và 8 lớn hơn tích của 3 và 4 là:

A. 12 B. 4 C. 8 D. 16.

Câu 7. Tích của 3 và 5 bé hơn tích của 2 và 9 là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5.

Câu 8. Tích của 3 và 6 bằng tích của 9 và số nào:

A. 2 B. 3 C. 1 D. Đáp án khác.

Câu 9. Lớp 2A có 6 học sinh giỏi, lớp 2B có 8 học sinh giỏi. Mỗi bạn được thưởng 5 quyển vở. Vậy lớp 2A được thưởng số vở ít hơn của lớp 2B là:

A. 10 quyển. B. 8 quyển. C. 6 quyển. D. Đáp án khác.

Câu 10. Đường gấp khúc ABCDE có 5 đoạn đều bằng 4 cm dài là:

A. 12cm B. 15cm C. 20cm. D. 16cm.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Đường gấp khúc ABCD có AB = BC = CD = 3cm.

- Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là .....

Câu 2. Tổ 1 trồng được 2 hàng cây, tổ 2 trồng được 3 hàng cây, tổ 3 trồng được 4 hàng cây và tổ 4 trồng được 5 hàng cây. Biết mỗi hàng trồng 6 cây.

- Cả 4 tổ trồng được số cây là .....

Câu 3. Huy có 3 hộp bi xanh và 4 hộp bi đỏ. Biết mỗi hộp bi có 8 viên.

- Huy có tất cả .....viên bi.

Câu 4. Huy có 3 hộp bi xanh và 5 hộp bi đỏ. Biết mỗi hộp bi có 9 viên.

- Huy có số bi xanh ít hơn số bi đỏ là .....viên bi.

Câu 5. Huy có 36 viên bi xanh, 24 viên bi đỏ. Biết mỗi hộp bi có 4 viên.

- Huy có tất cả .....hộp bi.

Câu 6. Huy có 25 viên bi xanh, 40 viên bi đỏ. Biết mỗi hộp bi có 5 viên.

- Huy có số hộp bi xanh ít hơn số hộp bi đỏ là .....hộp bi.

Câu 7. Huy có 3 hộp bi, mỗi hộp bi có 8 viên.

- Nếu Huy lấy bớt ở mỗi hộp ra 2 viên thì còn lại tất cả .....viên bi.

Câu 8. Huy có 3 hộp bi xanh, mỗi hộp bi có 5 viên và 2 hộp bi đỏ, mỗi hộp có 6 viên. Huy đem tất cả số bi đó chia đều vào 3 hộp.

- Mỗi hộp có số viên bi là .....viên bi.

Câu 9. Huy có 2 hộp bi xanh, mỗi hộp bi có 6 viên và 3 hộp bi đỏ, mỗi hộp có 5 viên. Huy cho em 2 viên rồi đem số bi còn lại chia đều vào 5 hộp.

- Mỗi hộp có .....viên bi.

Câu 10. Huy có 3 hộp bi xanh, mỗi hộp bi có 7 viên và 4 hộp bi đỏ, mỗi hộp có 6 viên. Huy đem tất cả số bi đó chia đều vào 5 hộp.

- Mỗi hộp có .....viên bi.

Câu 11. 21 giờ hay còn gọi là:

A. 8 giờ đêm. B. 9 giờ tối. C. 10 giờ đêm. D. 7 giờ tối.

Câu 12. 12 giờ đêm hay còn gọi là:

A. 0 giờ. B. 24 giờ. C. 21 giờ. D. 22 giờ.

Câu 13. 3 giờ sáng hay còn gọi là:

A. 27 giờ. B. 15 giờ.

C. 18 giờ. D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 14. Trường em vào học lúc:

A. 7 giờ sáng. B. 7 giờ chiều. C. 19 giờ. D. Cả A và C.

Câu 15. Trường em tan học lúc:

A. 22 giờ. B. 10 giờ. C. 17 giờ. D. Cả B và C.

Câu 16. Lúc 8 giờ các ngày từ thứ hai đến thứ sáu em làm gì:

A. Đi học. B. Đi ngủ. C. Đi chơi. D. Đáp án khác.

Câu 17. Lúc 12 giờ trưa các ngày em thường làm gì:

A. Đi ngủ. B. Thả diều. C. Học bài. D. Đáp án khác.

Câu 18. Số ngày trong 1 tháng có thể là:

A. 30 ngày. B. 31 ngày. C. 29 ngày. D. Cả A, B và C.

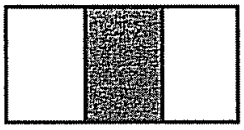
Câu 19. Nếu ngày 3 là thứ 3 thì thứ tư trong tháng có thể là:

A. Ngày 10. B. Ngày 18. C. Ngày 11. D. Cả B và C.

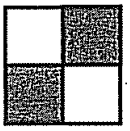
Câu 20. Hôm nay là thứ hai ngày 3. Thứ ba tuần sau sẽ là:

A. Ngày 10. B. Ngày 12. C. Ngày 9. D. Ngày 11.

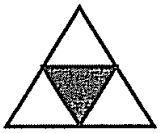
Câu 21. Đã tô màu ..... hình chữ nhật.



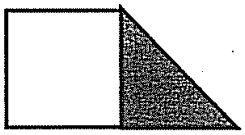
Câu 22. Đã tô màu .....hình vuông.



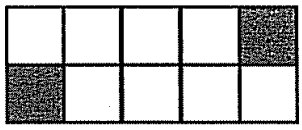
Câu 23. Đã tô màu .....hình tam giác.



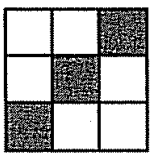
Câu 24. Đã tô màu .....hình tứ giác.



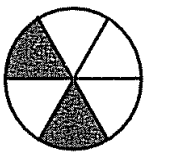
Câu 25. Đã tô màu .....số ô vuông.



Câu 26. Đã tô màu .....số ô vuông.

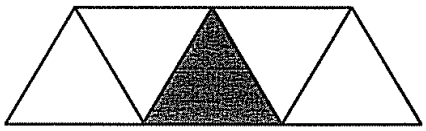


Câu 27. Đã tô màu .....hình tròn.

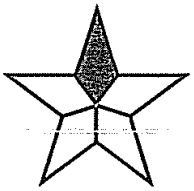


Câu 28. Đã tô màu .....hình vẽ.

Câu 29. Đã tô màu .....hình vẽ.



Câu 30. Đã tô màu .....hình vẽ.



Câu 31. Nếu hôm nay là thứ năm ngày 6. Chủ nhật tuần trước là:

A. Ngày 2. B. Ngày 3. C. Ngày 4. D. Ngày 5.

Câu 32. Nếu hôm qua là thứ bảy ngày 8. Ngày 20 của tháng đó sẽ là:

A. Thứ hai. B. Thứ năm. C. Thứ sáu. D. Thứ tư.

Câu 33. Nếu ngày mai là thứ tư ngày 5. Ngày 30 của tháng đó sẽ là:

A. Thứ bẩy. B. Chủ nhật. C. Thứ hai. D. Thứ ba.

Câu 34. Từ thứ hai tuần này đến thứ ba tuần sau có số ngày là:

A. 9 ngày. B. 10 ngày. C. 8 ngày. D. 6 ngày.

Câu 35. Nếu hôm qua là chủ nhật. Vậy trước hôm nay 5 ngày là:

A. Thứ hai. B. Thứ năm. C. Thứ ba. D. Thứ tư.

Câu 36. Hiện nay bà 68 tuổi, bố 37 tuổi. Bà hơn bố số tuổi là:

A. 33 tuổi. B. 43 tuổi. C. 31 tuổi. D. Đáp án khác.

Câu 37. Hiện nay ông 72 tuổi, mẹ 29 tuổi. Ông hơn mẹ số tuổi là:

A. 35 tuổi. B. 43 tuổi. C. 45 tuổi. D. 38 tuổi.

Câu 38. Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B có 35 học sinh, lớp 2C có 39 học sinh và lớp 2D có 42 học sinh. Số học sinh của hai lớp 2A và 2B ít hơn của hai lớp 2C và 2D là:

A. 25 bạn. B. 22 bạn. C. 21 bạn. D. Đáp án khác.

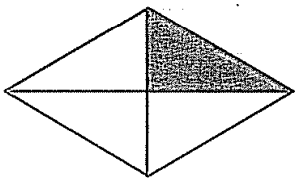
Câu 39. Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B có 35 học sinh, lớp 2C có 39 học sinh và lớp 2D có 42 học sinh. Số học sinh của hai lớp 2B và 2D nhiều hơn của hai lớp 2A và 2C là:

A. 14 bạn. B. 12 bạn. C. 9 bạn. D. 11 bạn.

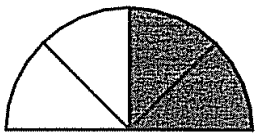
Câu 40. Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B có 35 học sinh, lớp 2C có 39 học sinh và lớp 2D có 42 học sinh. Tổng số học sinh của 3 lớp 2A, 2B và 2C ít hơn của 3 lớp 2B, 2C và 2D là:

A. 13 bạn. B. 18 bạn. C. 23 bạn. D. 20 bạn.

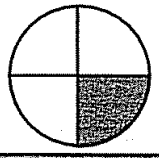
Câu 41. Đã tô màu .....hình vẽ.



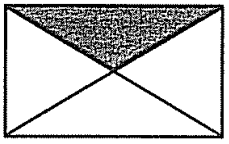
Câu 42. Đã tô màu .....hình vẽ.



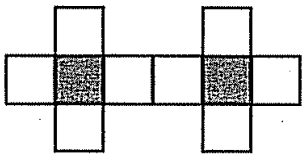
Câu 43. Đã tô màu .....hình vẽ.



Câu 44. Đã tô màu .....hình vẽ.



Câu 45. Đã tô màu .....hình vẽ.



Câu 46. Biết $y \times 4 = 16 + 8$. Vậy: $y =$ .....

Câu 47. Biết $5 \times y = 27 - 12$. Vậy: $y =$ .....

Câu 48. Biết $y \times 2 = 2 + 12$. Vậy: $y =$ .....

Câu 49. Biết $3 \times y = 13 + 5$. Vậy: $y =$ .....

Câu 50. Biết $4 \times y = 17 - 5$. Vậy: $y =$ .....

Câu 51. Bố cao hơn mẹ 2dm, mẹ cao hơn Huy 4dm. Vậy bố cao hơn Huy:

A. 6dm. B. 8dm. C. 4dm. D. 5dm.

Câu 52. Bố cao hơn mẹ 2dm, mẹ cao hơn Huy 4dm, Huy cao hơn Hoàng 2dm. Vậy bố cao hơn Hoàng:

A. 4dm. B. 6dm. C. 8dm. D. 1m.

Câu 53. Biết mẹ cao hơn anh Huy 4dm, anh Huy cao hơn em Hoàng 2dm. Vậy mẹ cao hơn em Hoàng:

A. 2dm. B. 4dm. C. 6dm. D. 8dm.

Câu 54. Bố cao hơn mẹ 2dm, mẹ cao hơn Huy 4dm, Huy cao hơn Hoàng 2dm. Biết bố cao 18dm. Vậy Hoàng cao:

A. 8dm. B. 10dm. C. 9dm. D. 12dm.

Câu 55. Lớp 2A có 35 học sinh, lớp 2B có 38 học sinh, lớp 2C có 40 học sinh và lớp 2D có 42 học sinh. Vậy lớp 2C có số học sinh ít hơn 3 lớp kia là:

A. 65 bạn. B. 70 bạn. C. 75 bạn. D. 60 bạn.

Câu 56. Lớp 2A có 35 học sinh, lớp 2B có 38 học sinh, lớp 2C có 40 học sinh. Hai lớp 2A và 2B có số học sinh ít hơn hai lớp 2B và 2C là:

A. 5 bạn. B. 3 bạn. C. 2 bạn. D. 4 bạn.

Câu 57. Tổng nào dưới đây bằng 140:

A. 46 + 47 + 48. B. 33 + 34 + 36 + 37.

C. Cả A và B. D. Đáp án khác.

Câu 58. Tổng nào dưới đây bằng 270:

A. 82 + 83 + 85. B. 51 + 52 + 53 + 54 + 55.

C. 89 + 90 + 91. D. Cả A, B và C.

Câu 59. Tổng nào dưới đây lớn hơn 200:

A. 21 + 23 + 25 + 27 + 29. B. 52 + 54 + 56 + 58.

C. Cả A, B và C. D. Đáp án khác.

Câu 60. Tổng nào dưới đây bé hơn 100:

A. 21 + 23 + 25 + 27. B. 33 + 35 + 37.

C. 12 + 23 + 34 + 45. D. Cả A, B và C.

Câu 61. Biết $y \times 5 = 28 - 3$. Vậy : $y =$ .....

Câu 62. Lúc 7 giờ, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 12.

- Sau 15 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 63. Lúc 8 giờ, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 12.

- Sau 30 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 64. Lúc 9 giờ, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 12.

- Sau 45 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 65. Lúc 10 giờ, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 12.

- Sau 1giờ nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 66. Lúc 1 giờ 15 phút, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 3.

- Sau 15 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 67. Lúc 1 giờ 15 phút, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 3.

- Sau 30 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 68. Lúc 1 giờ 15 phút, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 3.

- Sau 45 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 69. Lúc 1 giờ 15 phút, kim phút của đồng hồ chỉ vào số 3.

- Sau 1giờ nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số .....

Câu 70. Biết $x : 2 = 3 + 5$. Vậy: $x =$ .....

Câu 71. Tổng nào dưới đây viết được dưới dạng phép nhân:

A. 6 + 6 + 6 + 6 + 6. B. 3 + 3 + 6 + 6.

C. Cả A và B. D. Đáp án khác.

Câu 72. Tổng nào dưới đây không viết được dưới dạng phép nhân:

A. 2 + 2 + 4 + 4. B. 5 + 5 + 5 + 5.

C. 4 + 5 + 5 + 5. D. Cả A và C.

Câu 73. Tổng 2 + 3 + 5 + 1 + 4 có thể viết dưới dạng phép nhân nào sau đây:

A. 5×3. B. 4×4. C. 3×4. D. Đáp án khác..

Câu 74. Phép nhân 4 × 5 có kết quả bằng kết quả của tổng nào dưới đây:

A. 5 + 4 + 4 + 5. B. 3 + 4 + 5 + 3 + 5.

C. 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7. D. Cả B và C.

Câu 75. Tổng nào viết được dưới dạng phép nhân có thừa số là 4:

A. 3 + 3 + 3 + 3. B. 4 + 4 + 4 + 4 + 4.

C. 8 + 4 + 2. D. Cả A và B.

Câu 76. Tích của 2 × 5 có thể viết dưới dạng phép cộng nào dưới đây:

A. 2 + 2 + 2 + 2 + 2. B. 5 + 5 + 5.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 77. Tích của 2 thừa số nào dưới đây bằng 20:

A. 5 × 3 B. 4 × 5 C. 5 × 4. D. Cả C và B.

Câu 78. Phép nhân 4 × 3 có kết quả bằng kết quả của phép nhân nào sau đây:

A. 2 x 6 B. 5 × 4 C. 2 × 8. D. 5 × 3.

Câu 79. Mỗi can đựng 5*l* nước mắm. Vậy 2 can đó đựng số lít nước mắm là:

A. 10*l*. B. 12*l*. C. 14*l*. D. 15*l*.

Câu 80. Mỗi túi gạo chứa 4kg. Vậy 5 túi đó nặng là:

A. 24kg. B. 16kg. C. 20kg. D. 25kg.

Câu 81. Biết $x : 5 = 9 - 3$. Vậy: x = ...

Câu 82. Tam giác ABC có: AB = 2cm, BC = 3cm và AC = 4cm.

- Chu vi tam giác ABC là .....

Câu 83. Tam giác ABC có: AB = BC = 3cm, AC = 2cm.

- Chu vi tam giác ABC là .....

Câu 84. Tứ giác ABCD có: AB = 2cm, BC = 3cm, CD = 4cm và AD = 5cm.

- Chu vi tứ giác ABCD là .....

Câu 85. Tứ giác ABCD có: AB = BC = 3cm, CD = AD = 4cm.

- Chu vi tứ giác ABCD là .....

Câu 86. Tam giác ABC có các cạnh: AB = 2cm, BC = 3cm và chu vi là 10cm.

- Cạnh AC dài là .....

Câu 87. Tam giác ABC có các cạnh: AB = BC = 3cm và chu vi là 8cm.

- Cạnh AC dài là .....

Câu 88. Tứ giác ABCD có: AB = 2cm, BC = 3cm, CD = 4cm và chu vi 15cm.

- Cạnh AD dài là .....

Câu 89. Tứ giác ABCD có: AB = BC = CD = 2cm và chu vi là 9cm.

- Cạnh AD dài là .....

Câu 90. Tích của 1 và 5 lớn hơn thương của 4 và 1 là .....

Câu 91. Một lớp có 2 dãy bàn, mỗi dãy bàn có 8 bàn. Lớp đó có số bàn là:

A. 18 bàn. B. 16 bàn. C. 15 bàn. D. 20 bàn.

Câu 92. Một lớp có 2 dãy bàn, mỗi dãy bàn có 5 bàn, mỗi bàn có 2 học sinh. Lớp đó có số học sinh là:

A. 18 bạn. B. 20 bạn. C. 24 bạn. D. 21 bạn.

Câu 93. Mỗi can đựng 6*l* nước mắm. Vậy 3 can đó đựng số lít nước mắm là:

A. 18*l*. B. 15*l*. C. 12*l*. D. 21*l*.

Câu 94. Mỗi túi gạo chứa 4kg. Vậy 5 túi gạo đó có số gạo là:

A. 12kg. B. 15kg. C. 18kg. D. 20kg.

Câu 95. Huy có 3 hộp bi xanh và 3 hộp bi đỏ. Biết mỗi hộp bi xanh có 4 viên và mỗi hộp bi đỏ có 3 viên. Số bi xanh nhiều hơn số bi đỏ là:

A. 3 viên. B. 6 viên. C. 5 viên. D. 8 viên.

Câu 96. Một trường học có 5 khối lớp. Biết mỗi khối lớp đều có 4 lớp học. Vậy trường đó có tất cả bao nhiêu lớp học:

A. 18 lớp. B. 15 lớp. C. 16 lớp. D. 20 lớp.

Câu 97. Khối 2 của một trường có 4 lớp 2. Biết mỗi lớp có 8 học sinh giỏi. Vậy khối 2 của trường đó có số học sinh giỏi là:

A. 26 học sinh. B. 30 học sinh.

C. 32 học sinh. D. Đáp án khác.

Câu 98. Sân trường có 4 hàng cây bóng mát và 4 hàng cây ăn quả. Mỗi hàng cây bóng mát có 2 cây, mỗi hàng cây ăn quả có 3 cây. Vậy:

A. Số cây bóng mát ít hơn số cây ăn quả là 4 cây.

B. Tổng số cây cả 2 loại là 24 cây.

C. Cả A và B đều sai.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 99. Có một số gạo chứa đều trong 5 bao nhỏ. Biết mỗi bao chứa 5kg. Có tất cả số gạo là:

A. 25kg. B. 30kg. C. 20kg. D. Đáp án khác.

Câu 100. Có 3 bao gạo, mỗi bao chứa 8kg. Nếu đem số gạo đó chia vào 4 bao thì mỗi bao chứa số gạo là:

A. 15kg. B. 24kg. C. 6kg. D. 4kg.

VÒNG 7

Game 1: SẮP XẾP

(Ghi số thứ tự vào vòng tròn theo giá trị tăng dần từ 1 đến 20)

51 ◯	24 ◯	76 ◯	84 - 16 ◯	94 - 9 ◯
64 - 17 ◯	94 - 36 ◯	43 ◯	54 - 25 ◯	20 ◯
82 ◯	84 - 45 ◯	63 ◯	32 ◯	84 - 49 ◯
34 - 18 ◯	94 - 15 ◯	74 - 19 ◯	40 ◯	72 ◯

Game 2: THẾ GIỚI CÔN TRÙNG

Câu 1. Phép chia nào dưới đây có kết quả bằng 5:

A. 10 : 2. B. 10 : 5. C. 12 : 4. D. Cả A và B.

Câu 2. Phép chia 24 : 3 có kết quả bằng kết quả phép nhân nào sau đây:

A. 3 × 4. B. 2 × 4. C. 3 × 2. D. 4 x 6.

Câu 3. Kết quả của phép tính 12 + 12 : 4 là:

A. 6 B. 4 C. 15 D. 16.

Câu 4. Kết quả của phép chia nào dưới đây bé hơn 6:

A. 12 : 2. B. 24 : 4. C. 15 : 5. D. 21 : 3.

Câu 5. Số nào điền được vào chỗ chấm: 35 – ..... : 4 = 31.

A. 6 B. 8 C. 12 D. 16.

Câu 6. Số nào điền được vào chỗ chấm: 15 : 3 + ... = 100.

A. 5 B. 95 C. 9 D. 59.

Câu 7. Số 4 là kết quả của phép chia nào dưới đây:

A. 25 : 5. B. 16 : 4. C. 18 : 3. D. 12 : 2.

Câu 8. Nếu số bị chia là 16, số chia là 2 thì thương là:

A. 6. B. 8. C. 7. D. 9.

Câu 9. Nếu số bị chia bằng số chia thì thương là:

A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 10. Có 14kg gạo chia đều vào 3 bao nhỏ, còn thừa 2kg. Vậy mỗi bao chứa số gạo là:

A. 5kg. B. 6kg. C. 4kg. D. 3kg.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Tìm số lớn nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 14.

Trả lời: .....

Câu 2. Có bao nhiêu số có 2 chữ số mà tổng các chữ số của mỗi số bằng 14?

Trả lời: .....

Câu 3. Tổng của hai số bằng 94. Biết số bé là 28, tìm số lớn.

Trả lời:.....

Câu 4. Tổng của hai số bằng 84, biết một số bằng 68. Tìm số hạng còn lại.

Trả lời: .....

Câu 5. Trong vườn có 34 cây vải. Biết số cây nhãn ít hơn số cây vải là 9 cây. Tính số cây nhãn trong vườn.

Trả lời: .....

Câu 6. Hà có 64 con tem, Hồng có ít hơn Hà 15 con tem. Hỏi Hồng có bao nhiêu con tem?

Trả lời:.....

Câu 7. Biết tuổi của bà nội An hiện nay là 74 tuổi và bà nội nhiều hơn An 65 tuổi. Tính tuổi của An hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 8. Có hai mảnh vải. Biết mảnh vải xanh dài 94cm, vải mảnh tím ngắn hơn mảnh vải xanh 19cm. Hỏi mảnh vải tím dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời: .....

Câu 9. Hai bao thóc cân nặng tất cả 94kg. Biết bao bé cân nặng 35kg. Hỏi bao to cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời:.....

Câu 10. Hai thùng dầu đựng tất cả 95*l* dầu. Biết thùng bé đựng 38*l*. Hỏi thùng to đựng bao nhiêu lít dầu?

Trả lời: .....

Câu 11. Điền kết quả vào phép tính: 14 + 15 + 26 + 35 = ...

Câu 12. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 24 + a = ... + a + 12.

Câu 13. Biết cái thước dài 3dm, cái chì dài 15cm.

- Cái thước dài hơn cái chì .....cm.

Câu 14. Tổng của hai số bằng 43. Biết số lớn là 34. Số bé là .....

Câu 15. Hiệu của hai số bằng 18. Biết số lớn bằng 30. Số bé là .....

Câu 16. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 43cm = 3dm + ...cm.

Câu 17. So sánh: a + b ..... a + 1. (Biết a và b là số tự nhiên và b > 2.)

Câu 18. Điền số bé nhất vào chỗ chấm: 52 + ... > 53.

Câu 19. Từ các chữ số: 12, 3, 45, 54 và các dấu phép tính +; –; = hãy lập phép tính đúng: .....

Câu 20. Biết Năm ngoái tổng số tuổi của Hà và Tú là 12 tuổi.

- Vậy ..... năm nữa thì tổng số tuổi của Hà và Tú là 20 tuổi.

Câu 21. Biết cha hơn con 27 tuổi và tuổi cha hiện nay là 41 tuổi. Tính tuổi của con hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 22. Ông hơn cháu 58 tuổi. Biết tuổi của ông hiện nay là 71 tuổi. Hỏi năm nay cháu bao nhiêu tuổi?

Trả lời: .....

Câu 23. Bà hơn cháu 59 tuổi. Biết tuổi của bà hiện nay là 74 tuổi. Tính tuổi của cháu hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 24. Lớp 2A trồng được 92 cây, lớp 2B trồng được ít hơn lớp 2A là 38 cây. Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây?

Trả lời: .....

Câu 25. Lớp 2A trồng được 38 cây, lớp 2B trồng được ít hơn lớp 2A là 15 cây. Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây?

Trả lời:.....

Câu 26. An có nhiều hơn Bình 20 viên bi. Hỏi nếu An cho Bình 5 viên bi thì An sẽ còn nhiều hơn Bình mấy viên bi?

Trả lời:.....

Câu 27. Hoàng có nhiều hơn Tùng 8 viên bi. Hỏi nếu Hoàng cho Tùng 3 viên bi thì Hoàng còn nhiều hơn Tùng mấy viên bi?

Trả lời:.....

Câu 28. Sơn có nhiều hơn Nam 40 viên bi. Sau đó Sơn cho Nam một số bi vì thế số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi Sơn đã cho Nam mấy viên bi?

Trả lời: .....

Câu 29. Hùng có nhiều hơn Dũng 20 viên bi. Sau đó Hùng cho Dũng một số bi nên số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi Hùng đã cho Dũng mấy viên bi?

Trả lời:.....

Câu 30. Tùng có nhiều hơn Tuấn 25 viên bi. Sau đó Tùng cho Tuấn 10 viên bi. Hỏi sau khi cho Tuấn thì Tùng còn nhiều hơn của Tuấn mấy viên?

Trả lời:.....

Câu 31. An có nhiều hơn Bình 15 viên bi. Hỏi nếu An cho Bình 5 viên bi thì An còn nhiều hơn Bình mấy viên bi?

Trả lời: .....

Câu 32. Hồng có nhiều hơn Hà 10 viên bi. Hỏi nếu Hồng cho Hà 4 viên bi thì Hồng còn nhiều hơn Hà mấy viên bi?

Trả lời:.....

Câu 33. Thắng có nhiều hơn Lợi 20 viên bi. Hỏi nếu Thắng cho Lợi 8 viên bi thì Thắng còn nhiều hơn Lợi mấy viên bi?

Trả lời: .....

Câu 34. Mai có nhiều hơn Lan 25 con tem. Hỏi nếu Mai cho Lan 5 con tem thì Mai còn nhiều hơn Lan mấy con tem?

Trả lời: .....

Câu 35. Hồng có nhiều hơn Bình 16 cái kẹo. Hỏi Hồng phải cho Bình mấy cái kẹo để số kẹo của hai bạn bằng nhau?

Trả lời: .....

Câu 36. Nga có nhiều hơn Bình 30 nhãn vở. Hỏi Nga phải cho Bình mấy nhãn vở để số nhãn vở của hai bạn bằng nhau?

Trả lời:.....

Câu 37. An có nhiều hơn Thái 50 viên bi. Hỏi An phải cho Thái bao nhiêu viên bi để số bi của hai bạn bằng nhau?

Trả lời:.....

Câu 38. Lan có nhiều hơn Huệ 10 bông hoa. Sau đó Lan cho Huệ 6 bông hoa. Hỏi Lan còn ít hơn Huệ mấy bông hoa?

Trả lời: .....

Câu 39. Nga có nhiều hơn Hạnh 15 quyển vở. Sau đó Nga cho Hạnh 10 quyển vở. Hỏi Nga còn ít hơn Hạnh mấy quyển vở?

Trả lời: .....

Câu 40. An có nhiều hơn Tuấn 20 viên bi. Hỏi nếu An cho Tuấn 11 viên bi thì số bi của An còn lại ít hơn của Tuấn khi đó là bao nhiêu viên?

Trả lời: .....

Câu 41. Tính: 24 + 36 = ...

Câu 42. Tính: 24cm = ...dm .....cm.

Câu 43. Biết con lợn nặng 86kg, con lợn nặng hơn con chó 7chục kg.

- Con chó nặng .....kg.

Câu 44. Năm nay Huy 8 tuổi. Mẹ hơn Huy 3chục tuổi.

- Tuổi mẹ năm ngoái là ..... tuổi.

Câu 45. Một số cộng với 24 được bao nhiêu trừ đi 6 thì được 80.

- Số đó là .....

Câu 46. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4dm = 15cm + ...cm.

Câu 47. So sánh: a + 1 ..... a - 1. (Biết a > 1.)

Câu 48. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 25 + ... < 26

Câu 49. Điền dấu +; – thích hợp vào chỗ chấm: 39 ..... 5 ..... 9 = 43.

Câu 50. Biết Huy có nhiều hơn Hoàng 12 cái kẹo. Nếu Huy có thêm 5 cái và Hoàng có thêm 10 cái thì Huy có nhiều hơn Hoàng số kẹo là ..... cái.

Câu 51. Đức, Hải và Huy có tất cả 5 chục viên bi. Biết số bi của Đức và Hải là 3 chục viên, số bi của Hải và Huy là 35 viên. Số bi của Đức và Huy là ..... viên.

Câu 52. Số bé nhất có 2 chữ số và hàng chục lớn hơn hàng đơn vị là .....

Câu 53. So sánh: 12 + 34 ..... 87 – 65.

Câu 54. Tổng của 12 và ..... bằng 56.

Câu 55. Hiệu của 48 và ..... bằng 26.

Câu 56. Tổng của số lớn nhất và số bé nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 5 là .....

Câu 57. Lớp 2A có 15 bạn nữ. Sau khi có thêm 2 bạn nam và 1 bạn nữ thì số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là 5 bạn.

- Lúc đầu lớp 2A có ..... bạn nam.

Câu 58. Số bé nhất có hiệu 2 chữ số bằng 2 là .....

Câu 59. Từ các chữ số: 1, 2, 3, có thể viết được ..... số có 2 chữ số.

Câu 60. Biết cách đây 2 năm, anh Huy học lớp 4. Nếu anh Huy không bị lưu ban năm nào thì ..... năm nữa anh Huy sẽ học lớp 12.

Câu 61. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 47 + 38 = ... + 26.

Câu 62. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 49 + ... = 68 + 25.

Câu 63. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... – 37 = 53 – 28.

Câu 64. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 91 – 46 = ... – 19.

Câu 65. Một cửa hàng buổi sáng bán được 48*l* dầu, buổi chiều bán được 39*l* dầu. Hỏi cả ngày hôm đó cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu?

Trả lời: .....

Câu 66. Có hai thùng hàng. Biết thùng to cân nặng 95kg, thùng bé nhẹ hơn thùng to 18kg. Hỏi thùng bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời: .....

Câu 67. Hồng và Hà có một số con tem. Biết rằng sau khi Hồng cho Hà 15 con tem thì số tem của hai bạn bằng nhau. Hỏi trước khi cho Hà thì Hồng có nhiều hơn Hà bao nhiêu con tem?

Trả lời: .....

Câu 68. Lan và Huệ có một số tem thư. Biết rằng nếu Lan cho Huệ 5 con tem thì số tem của Lan vẫn còn nhiều hơn của Huệ là 5 con tem. Hỏi Lan có nhiều hơn Huệ bao nhiêu con tem?

Trả lời: .....

Câu 69. Biết hôm nay là ngày 21. Hỏi bằng giờ tuần trước là ngày bao nhiêu?

Trả lời: .....

Câu 70. Biết thứ tư tuần trước là ngày 14. Hỏi thứ sáu tuần này là ngày nào?

Trả lời: .....

Câu 71. Biết tuổi của An hiện nay là 5 tuổi và tuổi bố gấp 7 lần tuổi An. Tính tuổi của bố An hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 72. Biết Mai 4 tuổi và tuổi mẹ gấp 8 lần tuổi Mai. Tính tuổi của mẹ Mai.

Trả lời: .....

Câu 73. Nhà Minh nuôi 5 con thỏ và một số con gà. Biết số con gà gấp 8 lần số con thỏ. Hỏi nhà Minh nuôi bao nhiêu con gà?

Trả lời: .....

Câu 74. Băng giấy màu đỏ dài 4dm, băng giấy màu xanh dài gấp 9 lần băng giấy màu đỏ. Hỏi băng giấy màu xanh dài bao nhiêu đề-xi-mét?

Trả lời: .....

Câu 75. Xuân có 5 con tem, Hạ có số con tem nhiều gấp 6 lần số con tem của Xuân. Hỏi Hạ có bao nhiêu con tem?

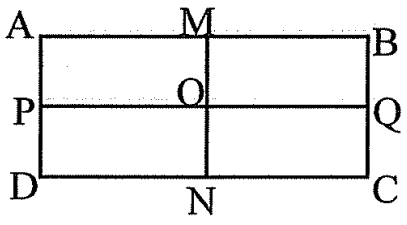
Trả lời: .....

Câu 76. Mỗi túi gạo nặng 5kg. Hỏi 9 túi gạo đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

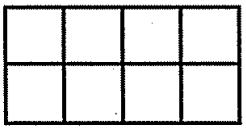
Trả lời: .....

Câu 77. Hình bên có mấy hình chữ nhật?

Trả lời:.....

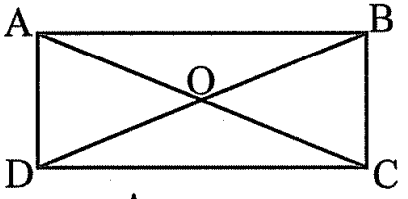


Câu 78. Hình sau có mấy hình vuông?



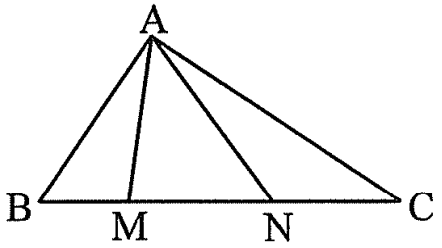
Trả lời: .....

Câu 79. Hình bên có mấy hình tam giác?



Trả lời: .....

Câu 80. Hình bên có mấy hình tam giác?



Trả lời:.....

Câu 81. Người ta cắt một sợi dây thành 5 đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 4dm. Tính chiều dài của sợi dây đó khi chưa cắt ra.

Trả lời:.....

Câu 82. Chia đều 1 túi kẹo cho 5 bạn, mỗi bạn được 5 chiếc. Tính số kẹo trong túi kẹo đó.

Trả lời:.....

Câu 83. Hoàng có một sợi dây. Hoàng đem sợi dây đó cắt thành 5 đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 5dm và còn lại một đoạn dài 1dm. Tính độ dài của sợi dây đó trước khi cắt ra.

Trả lời:.....

Câu 84. Chia một bao gạo đều vào trong 8 túi nhỏ, mỗi túi chứa 3kg và còn thừa 2kg. Tính số gạo trong bao đó.

Trả lời:.....

Câu 85. Có một số lít dầu, nếu đựng vào các can 3lít thì phải cần 10 can và vẫn còn thừa 1*l*. Hỏi có tất cả bao nhiêu lít dầu?

Trả lời:.....

Câu 86. Có một số gạo, nếu chia vào các túi, mỗi túi 4kg thì được 6 túi và còn thừa 1kg. Hỏi có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Trả lời:.....

Câu 87. Có một túi kẹo, đem chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được 5 chiếc và thừa 2 chiếc. Hỏi túi kẹo đó có bao nhiêu chiếc?

Trả lời: .....

Câu 88. Chia một bao gạo vào các túi nhỏ, mỗi túi 5kg thì cần 7 túi và còn thừa 2kg. Tính số gạo có trong bao đó.

Trả lời:.....

Câu 89. Chia một thùng dầu vào các can 5 lít thì phải cần 9 can và còn thừa 3*l*. Hỏi thùng dầu đó chứa tất cả bao nhiêu lít dầu?

Trả lời:.....

Câu 90. Chia một bao gạo vào các túi đều nhau, mỗi túi 5kg thì phải cần 10 túi và còn lại 4kg. Tính số gạo trong bao gạo đó.

Trả lời: .....

Câu 91. Có hai bao gạo nặng như nhau cân nặng tất cả 20kg. Hỏi mỗi bao gạo đó cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời: .....

Câu 92. Lớp học Toán dự thi Viôlympíc của một trường có tất cả 20 bạn. Hỏi cần có bao nhiêu bàn để các bạn ngồi, biết mỗi bàn chỉ ngồi 2 bạn?

Trả lời: .....

Câu 93. Có một số gạo được chia đều vào 6 bao, mỗi bao có 5kg và còn thừa 3kg. Hỏi có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Trả lời: .....

Câu 94. Có một túi kẹo đem chia đều cho 5 bạn, mỗi bạn được 5 cái và còn thừa 4 cái. Hỏi túi kẹo có bao nhiêu cái?

Trả lời:.....

Câu 95. Chia đều một bao gạo vào 9 túi, mỗi túi 3kg và còn thừa 1kg. Tính số gạo có trong bao gạo đó.

Trả lời: .....

Câu 96. Có một số quả táo đem chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được 10 quả và còn thừa 1 quả. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả táo?

Trả lời: .....

Câu 97. Chia một bao gạo vào các túi đều nhau, mỗi túi 5kg thì được 8 túi và còn thừa 4kg. Tính số gạo có trong bao gạo đó.

Trả lời: .....

Câu 98. Có một số sách được xếp thành 8 chồng như nhau, mỗi chồng đều có 5 quyển và còn thừa 2 quyển. Hỏi có tất cả bao nhiêu quyển sách?

Trả lời:.....

Câu 99. Có một số gạo biết rằng nếu chia đều vào 9 túi thì mỗi túi đựng 5kg và còn thừa 4kg. Hỏi có tất cả bao nhiêu gạo?

Trả lời: .....

Câu 100. Lớp 2A có 10 bàn. Biết rằng nếu xếp mỗi bàn 3 học sinh thì có 1 bàn chỉ có 2 bạn ngồi. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh?

Trả lời: .....

VÒNG 8

Game 1: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

95 - 18 ◯	85 - 36 ◯	91 - 36 ◯	95 - 27 ◯	66 ◯
60 - 44 ◯	90 - 39 ◯	91 - 18 ◯	42 - 24 ◯	57 ◯
49 + 28 ◯	92 - 35 ◯	55 ◯	56 + 17 ◯	82 - 16 ◯
51 ◯	63 - 47 ◯	49 ◯	47 - 29 ◯	68 ◯

Game 2: ĐỪNG ĐỂ ĐIỂM RƠI

Câu 1. Số nào nhân với 4 được kết quả bằng 16:

A. 8 B. 6 C. 4 D. 5.

Câu 2. Số nào nhân với 3 được kết quả bằng 24:

A. 3 B. 5 C. 7 D. 8.

Câu 3. Tích của 5 với số nào có kết quả bằng 35:

A. 8 B. 7 C. 6 D. 5.

Câu 4. Tích của số nào với 2 có kết quả là 18:

A. 9 B. 7 C. 4 D. 6.

Câu 5. Cho: $y \times 4 = 16 + 8$. Giá trị của y là:

A. 4 B. 6 C. 5 D. 7.

Câu 6. Cho: $5 \times y = 27 - 12$. Giá trị của y là:

A. 2 B. 3 C. 5 D. 4.

Câu 7. Kết quả của phép chia 32 : 4 bé hơn 32 số đơn vị là:

A. 14 B. 26 C. 15 D. 24.

Câu 8. Thương của 24 : 4 bé hơn thương của 36 : 4 là:

A. 4 B. 3 C. 5 D. 1.

Câu 9. Tổ 1 trồng 20 cây, tổ 2 trồng 25 cây, mỗi hàng trồng 5 cây. Nếu tổ 1 trồng 5 cây nữa thì cả 2 tổ trồng được số hàng cây là:

A. 5 hàng. B. 10 hàng. C. 9 hàng. D. 6 hàng.

Câu 10. Huy có 18 viên bi xanh và 24 viên bi đỏ được đựng trong các hộp. Biết mỗi hộp đựng 3 viên. Số hộp bi xanh ít hơn số hộp bi đỏ là:

A. 2 hộp. B. 3 hộp. C. 4 hộp. D. Đáp án khác.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 3 × ..... = 18.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 3 × ..... = 27.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 × ..... = 24.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 × ..... = 32.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5 × ..... = 30.

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5 × ..... = 40.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:..... : 2 = 8.

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:..... : 2 = 10.

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5 × 9 – 28 = ...

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 4 × 7 + 15 = ...

Câu 11. Một túi kẹo có 15 chiếc. Chia đều số kẹo đó cho 3 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy cái kẹo?

Trả lời:.....

Câu 12. Mẹ có 30 cái kẹo. Mẹ chia đều cho 3 anh em số kẹo đó. Hỏi mỗi người được mấy cái kẹo?

Trả lời:.....

Câu 13. Một đàn bò có 8 con thì có tất cả bao nhiêu cái chân?

Trả lời:.....

Câu 14. Có 27 học sinh chia đều thành 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh.

Trả lời:.....

Câu 15. Có 3 túi gạo cân nặng 27kg. Hỏi mỗi túi gạo đó cân nặng bao nhiêu?

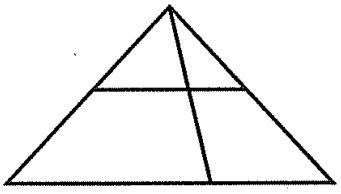
Trả lời: .....

Câu 16. Mẹ mua 24kg gạo, mỗi túi nặng 3kg. Hỏi mẹ mua bao nhiêu túi gạo?

Trả lời:.....

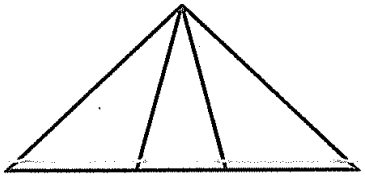
Câu 17. Hình bên có bao nhiêu tam giác?

Trả lời:.....

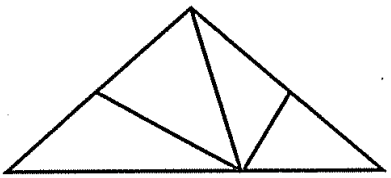


Câu 18. Hình bên có bao nhiêu tam giác?

Trả lời:.....

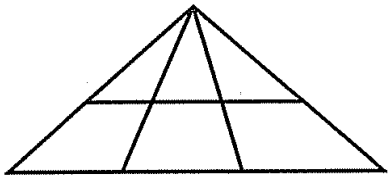


Câu 19. Hình bên có bao nhiêu tam giác?



Trả lời: .....

Câu 20. Hình bên có bao nhiêu tam giác?



Trả lời:.....

Câu 21. Biết mỗi túi gạo đựng 4kg. Hỏi muốn lấy 20kg gạo thì cần phải lấy bao nhiêu túi gạo đó?

Trả lời: .....

Câu 22. Lớp 2A có 28 học sinh được chia đều thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?

Trả lời: .....

Câu 23. Lớp 2B có 32 học sinh xếp thành 4 hàng bằng nhau. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Trả lời:.....

Câu 24. Có 30 bông hoa được cắm đều vào các lọ hoa. Biết mỗi lọ cắm 5 bông hoa. Hỏi cắm được tất cả bao nhiêu lọ hoa?

Trả lời:.....

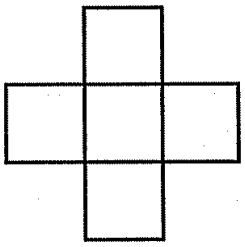
Câu 25. Có 45*l* dầu chia đều vào các can, mỗi can 5*l*. Hỏi cần bao nhiêu can?

Trả lời:.....

Câu 26. 5 bạn có tất cả 50 viên bi. Biết số bi của mỗi bạn đều bằng nhau. Hỏi mỗi bạn có mấy viên bi?

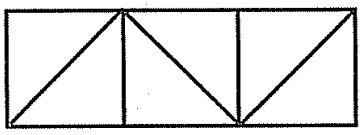
Trả lời:.....

Câu 27. Hình bên có bao nhiêu tứ giác?



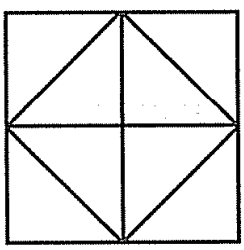
Trả lời: .....

Câu 28. Hình bên có bao nhiêu tứ giác?



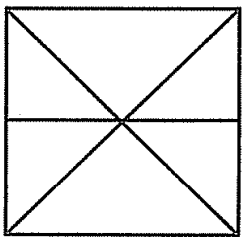
Trả lời: .....

Câu 29. Hình bên có bao nhiêu tứ giác?



Trả lời: .....

Câu 30. Hình bên có bao nhiêu tứ giác?



Trả lời: .....

Câu 31. Nhà bác An nuôi 27 con gà. Bác đã bán đi $\frac{1}{3}$ số gà đó. Hỏi bác An đã bán đi bao nhiêu con gà?

Trả lời:.....

Câu 32. Biết hiện nay tuổi của bố bằng 40 tuổi và tuổi của con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tính tuổi của con hiện nay,

Trả lời:.....

Câu 33. Biết tuổi của bố hiện nay là 45 tuổi và tuổi của con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi bố. Tính tuổi của con hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 34. Có một số gạo đựng vào các túi nhỏ, nếu mỗi túi 3kg thì được 8 túi. Hỏi nếu mỗi túi đựng 4kg thì được bao nhiêu túi?

Trả lời:.....

Câu 35. Có một số gạo đựng vào các túi nhỏ, nếu mỗi túi 5kg thì được 8 túi. Hỏi nếu mỗi túi đựng 4kg thì được bao nhiêu túi?

Trả lời:.....

Câu 36. Có một số bông hoa biết rằng nếu cắm vào mỗi lọ 3 bông thì được tất cả 8 lọ và còn thừa 1 bông. Hỏi nếu đem cắm vào mỗi lọ 5 bông thì cắm được tất cả bao nhiêu lọ?

Trả lời: .....

Câu 37. Biết hiện nay tuổi của bố là 40 tuổi và tuổi của con là 9 tuổi. Hỏi khi bố 52 tuổi thì con bao nhiêu tuổi?

Trả lời:.....

Câu 38. Biết hiện nay bố Mai 41 tuổi và ông nội Mai 70 tuổi. Hỏi khi ông nội bằng tuổi bố hiện nay thì bố bao nhiêu tuổi?

Trả lời:.....

Câu 39. Hà và Bình có một số viên bi. Biết nếu Hà cho Bình 9 viên bi thì Hà vẫn còn nhiều hơn Bình 8 viên. Hỏi Hà có nhiều hơn Bình bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 40. Hà và Lan có một số bi. Biết nếu Hà cho Lan 10 viên thì số bi của Lan sẽ nhiều hơn của Hà là 2 viên. Hỏi Hà có nhiều hơn Lan bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 41. Biết mảnh vải đỏ dài 95cm và dài hơn mảnh vải xanh 16cm. Hỏi mảnh vải xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời: .....

Câu 42. Tính tổng của tất cả các số chẵn có 2 chữ số khác nhau và có tổng 2 chữ số bằng 5.

Trả lời: .....

Câu 43. Một số cộng với 43 được 75. Hỏi số đó trừ đi 15 sẽ được kết quả bằng bao nhiêu ?

Trả lời: .....

Câu 44. Hoà có 12 cái kẹo. Sau đó Hoà cho Bình 3 cái nên số kẹo của Hoà ít hơn của Bình là 5 cái. Hỏi Bình có bao nhiêu cái kẹo ?

Trả lời: .....

Câu 45. Hiệu hai số bằng 16. Nếu thêm vào số bị trừ 22 và giữ nguyên số trừ thì hiệu hai số đó bằng bao nhiêu ?

Trả lời: .....

Câu 46. Tìm số tiếp theo trong dãy: 2, 5, 8, 11, ...

Trả lời: .....

Câu 47. Mỗi hộp bánh có 4 chiếc. Tính số bánh có trong 5 hộp bánh đó.

Trả lời: .....

Câu 48. Tìm y, biết: $3 \times 4 < y \times 4 < 4 \times 5$. ($y$ là số có 1 chữ số).

Trả lời: .....

Câu 49. Khi xoá chữ số 7 của số 47 thì số này giảm đi bao nhiêu?

Trả lời: .....

Câu 50. Tìm một số, biết rằng nếu lấy số đó trừ đi 35 thì được 91.

Trả lời: .....

Câu 51. Một hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là 9dm, 12dm và 8dm. Tính chu vi của hình tam giác đó.

Trả lời:.....

Câu 52. Một hình tam giác có chu vi 18dm. Tăng đều mỗi cạnh của tam giác đó thêm 3dm thì được một tam giác mới có chu vi là bao nhiêu?

Trả lời:.....

Câu 53. Một hình tam giác có chu vi 30cm. Giảm đều mỗi cạnh của tam giác đó đi 4cm thì được một tam giác mới có chu vi là bao nhiêu?

Trả lời:.....

Câu 54. Một hình tam giác có chu vi bằng 27cm. Người ta giảm đều mỗi cạnh của hình tam giác đó đi 2cm thì được một hình tam giác mới. Tính chu vi của hình tam giác mới.

Trả lời:.....

Câu 55. Một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 8dm, 13dm, 7dm và 14dm. Tính chu vi của hình tứ giác đó.

Trả lời: .....

Câu 56. Một hình tứ giác có chu vi bằng 28cm. Người ta tăng đều mỗi cạnh của hình tứ giác đó thêm 2cm thì được một hình tứ giác mới. Tính chu vi của hình tứ giác mới.

Trả lời: .....

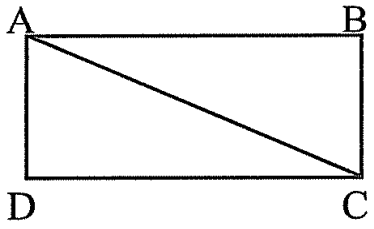
Câu 57. Một hình tứ giác có chu vi 40cm. Giảm đều mỗi cạnh của hình tứ giác đó đi 2cm thì được một hình tứ giác mới. Tính chu vi của hình tứ giác mới.

Trả lời: .....

Câu 58. Cho một hình tam giác có độ dài 3 cạnh bằng nhau và bằng 15cm và một hình vuông có cạnh 11cm. Hỏi hình nào có chu vi lớn hơn?

Trả lời: .....

Câu 59. Cho hình vẽ bên.



Biết AB = CD = 4cm; AD = BC = 3cm và AC = 5cm.

Tính tổng chu vi tất cả các tam giác có trong hình vẽ.

Trả lời:.....

Câu 60. Huy cắt một mảnh bìa hình vuông có cạnh 4cm thành 2 mảnh hình chữ nhật bằng nhau. Tính chu vi của mỗi mảnh hình chữ nhật cắt ra.

Trả lời:.....

Câu 61. Có 2 túi bi. Biết số bi trong mỗi túi bằng nhau và đều gồm 2 màu khác nhau, mỗi loại đều có 5 viên. Hỏi 2 túi bi đó có tất cả bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 62. Có 3 túi bi. Biết số bi trong mỗi túi bằng nhau và đều gồm 2 màu khác nhau, mỗi loại đều có 4 viên. Hỏi 3 túi bi đó có tất cả bao nhiêu viên bi?

Trả lời:.....

Câu 63. Biết khi Mai 8 tuổi thì mẹ Mai 35 tuổi. Tính tổng số tuổi của hai mẹ con Mai khi Mai 20 tuổi.

Trả lời:.....

Câu 64. Cô giáo nhận về một số sách. Biết rằng nếu cô xếp số sách đó thành 4 chồng, mỗi chồng 10 quyển thì vừa hết. Tính số sách cô gáo đã nhận về.

Trả lời:.....

Câu 65. Có 8 xe ô tô như nhau, mỗi xe đều có 4 bánh và một xe ô tô khác có 6 bánh. Hỏi 9 xe ô tô đó có tất cả bao nhiêu bánh xe?

Trả lời: .....

Câu 66. Một hình tam giác có chu vi 90cm. Biết số đo 2 trong 3 cạnh của hình đó là 21cm và 30cm. Tính số đo cạnh còn lại của tam giác đó.

Trả lời: .....

Câu 67. Biết ngày thứ năm tuần trước là ngày 19. Hỏi ngày thứ sáu tuần này sẽ là ngày bao nhiêu?

Trả lời:.....

Câu 68. Biết hôm nay là thứ sáu ngày 18 tháng 8. Hỏi ngày thứ tư của tuần sau sẽ là ngày bao nhiêu của tháng 8?

Trả lời:.....

Câu 69. Tìm một số biết rằng lấy số đó cộng với 27 sẽ được kết quả bằng 72.

Trả lời:.....

Câu 70. Biết ngày thứ hai tuần trước là ngày 14. Hỏi ngày thứ tư tuần này sẽ là ngày bao nhiêu?

Trả lời:.....

Câu 71. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... : 3 + 16 = 20.

Câu 72. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... : 4 + 36 = 41.

Câu 73. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... : 5 – 4 = 4.

Câu 74. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ..... : 4 – 2 = 5.

Câu 75. Hiện nay anh 21 tuổi và em 12 tuổi. Hỏi khi em bằng tuổi anh hiện nay thì tổng số tuổi của hai anh em là bao nhiêu tuổi?

Trả lời:.....

Câu 76. Hiện nay bố Lan 42 tuổi còn ông nội 71 tuổi. Tính tổng số tuổi của bố Lan và ông nội Lan khi tuổi của ông nội Lan bằng tuổi của bố Lan hiện nay.

Trả lời:.....

Câu 77. Có một số gạo nếu chia vào mỗi túi 5kg thì được 8 túi.

- Vậy nếu chia số gạo đó vào mỗi túi 4kg thì sẽ được tất cả ..... túi.

Câu 78. Có một số gạo đem chia vào mỗi túi 5kg thì được 6 túi.

- Vậy nếu chia số gạo đó vào mỗi túi 3kg thì sẽ được tất cả ..... túi.

Câu 79. Tìm số lớn nhất mà khi đem số đó nhân với 3 thì được kết quả vẫn nhỏ hơn 20. Số đó là .....

Câu 80. Số lớn nhất nhân với 4 được kết quả bé hơn 35 là .....

Câu 81. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $3 \times 6 + 27 =$ .....

Câu 82. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $4 \times 8 - 19 =$ .....

Câu 83. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $5 \times 8 - 22 =$ .....

Câu 84. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $36 : 4 + 39 =$ .....

Câu 85. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $40 : 5 + 47 =$ .....

Câu 86. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $15 : 5 \times 5 =$ .....

Câu 87. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $20 : 4 \times 5 =$ .....

Câu 88. Số lớn nhất mà khi lấy 4 nhân với nó được tích nhỏ hơn 25 là .....

Câu 89. Số lớn nhất mà khi lấy 5 nhân với nó được tích nhỏ hơn 36 là .....

Câu 90. Số lớn nhất mà khi lấy 5 nhân với nó được tích nhỏ hơn 50 là .....

Câu 91. Viết số bé nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng 3 chữ số đó bằng 11.

Trả lời: .....

Câu 92. Viết số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau mà tổng 3 chữ số đó bằng 9.

Trả lời:.....

Câu 93. Có một số lít dầu, nếu đựng vào các can, mỗi can 5*l* thì được vừa đúng 6 can. Hỏi đem số dầu đó chia đều vào các can, mỗi can 3*l* thì phải dùng tất cả bao nhiêu can?

Trả lời:.....

Câu 94. Biết tổng số tuổi của bố Lan và mẹ Lan hiện nay là 68 tuổi. Tính tổng số tuổi của bố Lan và mẹ Lan sau 3 năm nữa.

Trả lời:.....

Câu 95. Biết khi An 20 tuổi thì mẹ của An 49 tuổi. Tính tổng số tuổi của hai mẹ con An khi An lên 9 tuổi.

Trả lời:.....

Câu 96. Biết khi Mai 10 tuổi thì mẹ của Mai 38 tuổi. Tính tổng số tuổi của hai mẹ con Mai khi mẹ của Mai 42 tuổi.

Trả lời:.....

Câu 97. Ba bạn Hùng, Cường và Minh có một số bi. Biết rằng sau khi Hùng cho Cường 2 viên, Cường cho Minh 4 viên và Minh lại cho Hùng 3 viên thì mỗi bạn đều có 10viên bi. Hỏi lúc đầu Cường có bao nhiêu viên?

Trả lời: .....

Câu 98. Huy và Hoàng, mỗi bạn có một số viên bi. Biết rằng sau khi Huy cho Hoàng 2 viên thì mỗi bạn đều có 10 viên bi. Hỏi lúc đầu Huy có nhiều hơn Hoàng bao nhiêu viên?

Trả lời:.....

Câu 99. Trong hình vẽ sau: Biết AB = 1cm; BC = 3cm và CD = 2cm. Tính tổng độ dài của tất cả các đoạn thẳng có trong hình vẽ.



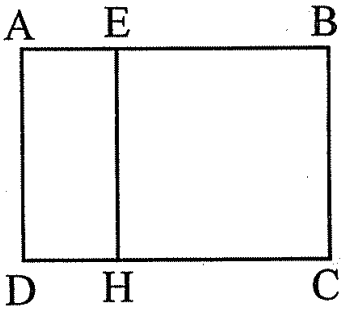
Trả lời:.....

Câu 100. Trong hình vẽ bên:

Biết AB = CD = 4cm; AD = BC = EH = 3cm.

Tính tổng chu vi 2 hình AEHD và BCHE.

Trả lời:.....



VÒNG 9

Game 1: SẮP XẾP

(Ghi số thứ tự vào vòng tròn theo giá trị tăng dần từ 1 đến 20)

21 ○	91 - 17 ○	61 - 45 ○	46 - 19 ○	37 + 49 ○
81 - 25 ○	41 ○	73 + 17 ○	18 + 17 ○	9 ○
90 - 32 ○	93 - 25 ○	50 ○	17 + 29 ○	18 + 8 ○
91 - 43 ○	50 - 32 ○	79 ○	60 ○	30 ○

Game 2: MƯỜI HAI CON GIÁP

Câu 1. Số nào chia cho 2 được kết quả bằng 5:

A. 15 B. 20 C. 25 D. 10.

Câu 2. Trong phép chia có số chia là 5 và thương là 6 thì số bị chia là:

A. 25 B. 30 C. 35 D. 40.

Câu 3. Phép chia có thương bằng số chia và bằng 4 thì số bị chia là:

A. 12 B. 16 C. 25 D. 36.

Câu 4. Trong phép chia có số chia bằng số bị chia thì thương là:

A. 1 B. 2 C. 0 D. Đáp án khác.

Câu 5. Biết: $x : 4 = 4 + 4$. Giá trị của x là:

A. 2. B. 4. C. 16 D. 32.

Câu 6. Biết: $x : 5 = 67 - 58$. Giá trị của x là:

A. 25. B. 45. C. 36 D. 12.

Câu 7. Biết: $y : 3 = 4 \times 2$. Giá trị của y là:

A. 24 B. 27 C. 30 D. Đáp án khác.

Câu 8. Biết: $y : 3 = 24 : 4$. Giá trị của y là:

A. 20 B. 18 C. 10 D. 16.

Câu 9. Chu vi của tam giác có 3 cạnh đều dài 3cm là:

A. 6cm. B. 8cm. C. 9cm. D. 10cm.

Câu 10. Hình tứ giác có 2 cạnh bằng nhau, mỗi cạnh dài 5cm và hai cạnh còn lại bằng nhau, mỗi cạnh dài 3cm. Chu vi hình tứ giác đó là:

A. 10cm. B. 18cm. C. 12cm. D. 16cm.

Câu 11. Ba số tròn chục nào dưới đây có tổng bằng 100:

A. 20 + 30 + 50. B. 32 + 48 + 20.

C. Cả A và B đều sai.

Câu 12. Khối 2 có 124 học sinh, khối 3 có 135 học sinh, khối 4 có 122 học sinh và khối 5 có 126 học sinh. Tổng số học sinh của khối 2 và khối 3 nhiều hơn tổng số học sinh của khối 4 và khối 5 là:

A. 16 học sinh. B. 12 học sinh. C. 11 học sinh. D. 15 học sinh.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: .....cm = 2 dm.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 1m = ...cm.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:.....m = 50 dm.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: .....dm = 1 m.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 95m – 68m = ...m.

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 28m + 17m = ...m.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 30m – .....m = 16m.

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: .....m – 29m = 26m.

Câu 9. Băng giấy màu xanh dài 5m, băng giấy màu đỏ dài 8m.

- Vậy cả hai băng giấy dài .....m.

Câu 10. Một mảnh đất hình tam giác có độ dài các cạnh là 6m, 8m và 10m.

- Chu vi mảnh đất đó là .....m.

Câu 11. Một người phải đi quãng đường 90km. Biết rằng người đó đã đi được 26km. Hỏi người đó còn phải đi bao nhiêu ki-lô-mét nữa?

Trả lời: .....

Câu 12. Vụ trước nhà em thu hoạch được 825kg thóc. Vụ này nhà em thu nhiều hơn vụ trước 150kg thóc. Tính số thóc vụ này nhà em đã thu hoạch được.

Trả lời:.....

Câu 13. Cô giáo nhận về một số sách. Biết rằng nếu phát cho 4 tổ, mỗi tổ 10 quyển thì vừa hết số sách. Hỏi cô giáo đã nhận về bao nhiêu quyển sách?

Trả lời:.....

Câu 14. Mẹ mua về một số bông hoa. Sau đó mẹ đem cắm số hoa đó vào các lọ. Biết rằng mẹ cắm được vào 8 lọ, mỗi lọ 5 bông và còn thừa 3 bông. Hỏi mẹ đã mua về tất cả bao nhiêu bông hoa?

Trả lời:.....

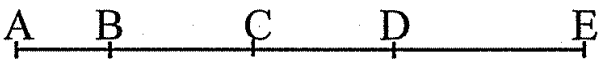
Câu 15. Cô giáo nhận về một số sách. Biết rằng nếu cô nhận thêm 1 quyển thì đủ phát cho 4 tổ, mỗi tổ 5 quyển. Hỏi cô đã nhận về bao nhiêu quyển sách?

Trả lời:.....

Câu 16. Cô giáo nhận về một số sách. Biết rằng nếu cô nhận thêm 2 quyển thì đủ phát cho 5 tổ, mỗi tổ 7 quyển. Hỏi cô đã nhận về bao nhiêu quyển sách?

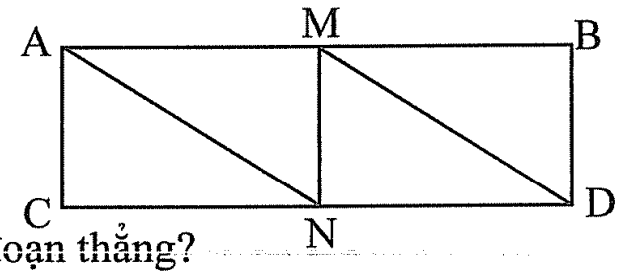
Trả lời: .....

Câu 17. Trong hình vẽ sau có tất cả bao nhiêu đoạn thẳng?



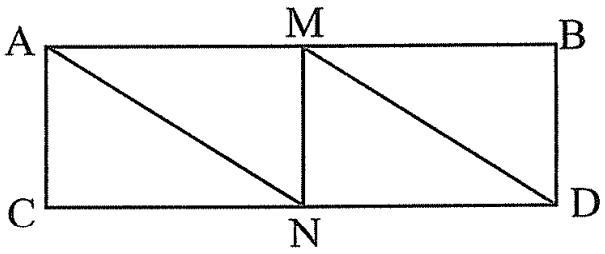
Trả lời:.....

Câu 18. Trong hình vẽ sau có bao nhiêu hình tứ giác?



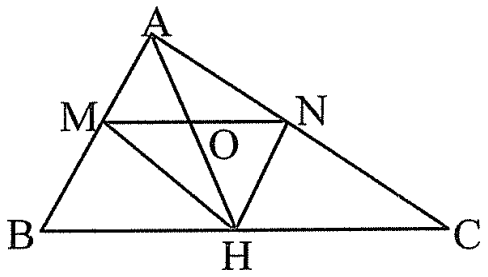
Trả lời:.....

Câu 19. Trong hình vẽ sau có bao nhiêu đoạn thẳng?



Trả lời:.....

Câu 20. Trong hình vẽ sau có bao nhiêu hình tam giác?



Trả lời:.....

Câu 21. Lớp 2A có 4 nhóm học tập. Biết rằng mỗi nhóm có 8 bạn. Hỏi lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Trả lời:.....

Câu 22. Có một số gạo, biết rằng nếu đựng vào các túi nhỏ, mỗi túi 4kg thì được tất cả 9 túi và còn lại 2kg. Hỏi có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Trả lời:.....

Câu 23. Một cửa hàng có một thùng nước mắm 40*l*. Cửa hàng đem số nước mắm đó đựng vào các can nhỏ, mỗi can 5*l*. Hỏi cửa hàng phải dùng bao nhiêu can để chứa hết số nước mắm đó?

Trả lời:.....

Câu 24. Người ta đựng một số bánh vào 4 thùng như nhau. Biết mỗi thùng có 2 hộp, mỗi hộp có 5 gói. Tính số gói bánh đựng trong 4 thùng đó.

Trả lời:.....

Câu 25. Người ta đựng một số bánh vào 5 thùng như nhau. Biết mỗi thùng có 2 hộp, mỗi hộp có 5 gói. Tính số gói bánh đựng trong 5 thùng đó.

Trả lời:.....

Câu 26. Số nào đem nhân với 5 rồi trừ đi 4 thì được 41?

Trả lời:.....

Câu 27. Số nào đem chia cho 5 rồi nhân với 4 thì được 28?

Trả lời:.....

Câu 28. Tìm số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 7.

Trả lời:.....

Câu 29. Tìm số nhỏ nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 9.

Trả lời:.....

Câu 30. Tìm số lẻ lớn nhất có 3chữ số khác nhau có tổng 3chữ số bằng 10.

Trả lời:.....

Câu 31. Một hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau. Biết độ dài mỗi cạnh bằng 8cm. Tính chu vi hình tam giác đó.

Trả lời:.....

Câu 32. Trường An Bình có tất cả 985 học sinh, trường Kim Liên có ít hơn trường An Bình 85 học sinh. Tính số học sinh của trường Kim Liên.

Trả lời:.....

Câu 33. Chia một bao gạo nặng 45kg vào các túi nhỏ bằng nhau, mỗi túi đều chứa 5kg. Tính số túi gạo sau khi chia hết bao gạo đó.

Trả lời:.....

Câu 34. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó đem nhân với 5 rồi trừ đi 3 thì được kết quả bằng 32.

Trả lời:.....

Câu 35. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó đem chia cho 5 rồi cộng với 2 thì được kết quả bằng 10.

Trả lời:.....

Câu 36. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó đem chia cho 3 rồi nhân với 4 thì được kết quả bằng 40.

Trả lời:.....

Câu 37. Số nhỏ nhất có 3 chữ số là số nào?

Trả lời:.....

Câu 38. Số lớn nhất có 3 chữ số là số nào?

Trả lời:.....

Câu 39. Tìm số lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số của số đó bằng 16.

Trả lời:.....

Câu 40. Tìm số nhỏ nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số của số đó bằng 12.

Trả lời:.....

Câu 41. Trường Hoà Bình có 931 học sinh, trường Kim Đồng có nhiều hơn trường Hoà Bình 64 học sinh. Tính số học sinh của trường Kim Đồng.

Trả lời:.....

Câu 42. Đem chia một bao gạo nặng 36kg vào các túi nhỏ như nhau, mỗi túi 4kg. Tính số túi gạo sau khi chia.

Trả lời:.....

Câu 43. Nhà bác An nuôi tất cả 350 con vừa gà vừa vịt, trong đó có 110 con gà. Hỏi nhà bác An nuôi bao nhiêu con vịt?

Trả lời:.....

Câu 44. Tìm một số tự nhiên biết rằng nếu lấy số đó nhân với 4 rồi trừ đi 5 ta sẽ được kết quả bằng 35.

Trả lời:.....

Câu 45. Tìm một số tự nhiên biết rằng nếu lấy số đó chia cho 5 rồi cộng với 3 ta sẽ được kết quả bằng 12.

Trả lời:.....

Câu 46. Tìm một số tự nhiên biết rằng nếu lấy số đó chia cho 4 rồi nhân với 3 ta sẽ được kết quả bằng 24.

Trả lời:.....

Câu 47. Tìm số nhỏ nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 5.

Trả lời:.....

Câu 48. Tìm số nhỏ nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 15.

Trả lời:.....

Câu 49. Tìm số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau và có tổng các chữ số bằng 6.

Trả lời:.....

Câu 50. Tìm số bé nhất có 3 chữ số khác nhau và có tổng các chữ số bằng 8.

Trả lời:.....

Câu 51. Trường Bình Minh có tất cả 965 học sinh, trong đó có 510 bạn nam. Hỏi trường Bình Minh có bao nhiêu bạn nữ?

Trả lời:.....

Câu 52. Có 30 quả táo đem chia đều cho 5 bạn. Hỏi mỗi bạn được chia bao nhiêu quả táo?

Trả lời:.....

Câu 53. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó đem chia cho 4 rồi trừ đi 5 thì sẽ được kết quả bằng 1.

Trả lời:.....

Câu 54. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó đem chia cho 5 rồi trừ đi 5 thì sẽ được kết quả bằng 5.

Trả lời:.....

Câu 55. Số ..... chia cho 3 rồi nhân với 5 thì sẽ được kết quả bằng 40?

Câu 56. Số ..... nhân với 3 rồi chia cho 5 thì sẽ được kết quả bằng 6.

Câu 57. Có ..... số có 3 chữ số mà mỗi số đều nhỏ hơn 175.

Câu 58. Số nhỏ nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 18 là .....

Câu 59. Số lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 10 là .....

Câu 60. Có ..... nhiêu số có 3 chữ số và tổng các chữ số bằng 3.

Câu 61. Trường Hoa Sen có tất cả 955 học sinh, trong đó có 505 học sinh nam. Hỏi trường Hoa Sen có bao nhiêu học sinh nữ?

Trả lời:.....

Câu 62. Có 35 quả táo chia đều cho 5 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy quả?

Trả lời:.....

Câu 63. Cô giáo có một túi kẹo. Cô đem chia cho 10 bạn, mỗi bạn được 4 cái và cô còn lại 2 cái. Hỏi cô giáo có bao nhiêu cái kẹo?

Trả lời:.....

Câu 64. Tìm một số biết rằng nếu lấy số đó chia cho 4 rồi trừ đi 4 thì được kết quả cũng bằng 4.

Trả lời:.....

Câu 65. Tìm số bé nhất có 3 chữ số biết tổng các chữ số của số đó bằng 10.

Trả lời:.....

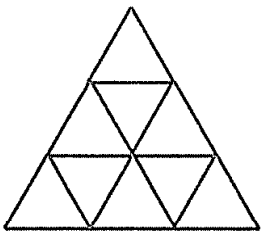
Câu 66. Có ..... số có 3 chữ số có chữ số hàng trăm bằng 2.

Câu 67. Số lớn nhất có 3 chữ số có các chữ số bằng 20 là .....

Câu 68. Số chẵn bé nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng các 3 số bằng 12 là .....

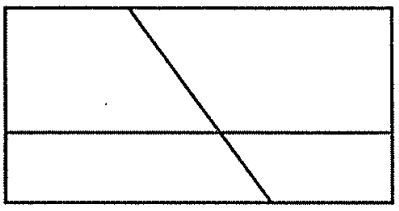
Câu 69. Trong hình vẽ có bao nhiêu tam giác?

Trả lời:.....



Câu 70. Trong hình vẽ có bao nhiêu tứ giác?

Trả lời:.....



Câu 71. Biết a = 5. Vậy: 125 – a × 4 + 35 : a = ...

Câu 72. Tính tổng của số bé nhất và số lớn nhất có 2 chữ số mà tổng các chữ số bằng 12.

Trả lời:.....

Câu 73. Tìm x: $86 - (x + x) = 68$.

Trả lời:.....

Câu 74. Khi thực hiện phép cộng một số với 45, một bạn đã viết nhầm số 45 thành số 54.

- Vậy tổng sẽ tăng thêm là .....

Câu 75. Một thùng có 24*l* dầu được chia đầy vào các can 2 lít và 3 lít.

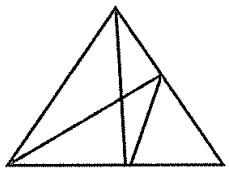
- Vậy có 6 can 2 lít và .... can 3 lít.

Câu 76. Tính: b × 1 – b : 1 + 246 = ...

Câu 77. Hồng và Hà có một số bi. Biết Hồng có nhiều hơn Hà 10 viên. Sau đó Hồng cho Hà một số bi nên số bi của hai bạn bằng nhau.

- Hồng đã cho Hà .....viên.

Câu 78. Hình vẽ sau có bao nhiêu tam giác, bao nhiêu tứ giác?



Trả lời:.....

Câu 79. Viết các số tự nhiên từ 1 đến 20 phải viết tất cả bao nhiêu chữ số 1 và bao nhiêu chữ số 2.

Trả lời:.....

Câu 80. Tổng số tuổi của hai anh em 3 năm trước đây là 18 tuổi. Vậy 2 năm sau nữa thì tổng số tuổi của hai anh em là ..... tuổi.

Câu 81. Có hai bao đựng gạo. Biết bao thứ nhất có 65kg. Nếu đổ từ bao thứ nhất sang bao thứ hai 15kg thì bao thứ hai sẽ nhiều hơn bao thứ nhất 25kg. Vậy bao thứ hai có số gạo là:

A. 40kg B. 45kg C. 50kg D. 60kg.

Câu 82. Một tổng có hai số hạng đều lớn hơn 57, nếu tăng số hạng thứ nhất 35 đơn vị và giảm số hạng thứ hai đi 57 đơn vị thì tổng đó thay đổi thế nào?

A. Tăng thêm 22 đơn vị B. Giảm đi 22 đơn vị

C. Tăng thêm 92 đơn vị D. Giảm đi 92 đơn vị.

Câu 83. Khối 2 có số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là 15 bạn. Sau đó có thêm 4 bạn nam và chuyển đi 2 bạn nữ. Khi đó số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là:

A. 11 bạn B. 9 bạn C. 13 bạn D. 15 bạn.

Câu 84. Hà có một số bi gồm 2 màu. Biết 3 lần số bi xanh là một số lớn hơn số bé nhất có 2 chữ số là 5 viên. Số bi xanh ít hơn 2 lần số bi đỏ là 3 viên. Vậy số bi của Hà là:

A. 5 bi xanh và 6 bi đỏ B. 6 bi xanh và 5 bi đỏ.

C. 4 bi xanh và 5 bi đỏ D. 5 bi xanh và 4 bi đỏ.

Câu 85. Tuấn dùng một sợi dây đồng dài 26cm để uốn thành một hình tứ giác có độ dài các cạnh là 4 số tự nhiên liên tiếp với đơn vị đo là cm. Độ dài cạnh bé nhất và cạnh lớn nhất của tứ giác là:

A. 2cm và 5cm B. 4cm và 9cm

C. 5cm và 8cm D. 3cm và 6cm.

Câu 86. Hai thửa ruộng thu được tất cả 456kg thóc. Biết số thóc thu được từ thửa ruộng thứ nhất kém số thóc thu được từ cả hai thửa ruộng là 276kg. Thửa ruộng thứ hai thu được nhiều hơn thửa ruộng thứ nhất số thóc là:

A. 180kg B. 146kg C. 90kg D. 96kg.

Câu 87. Biết tuổi của anh hiện nay là 12 tuổi và tổng số tuổi của hai anh em gấp 4 lần tuổi của em. Vậy anh hơn em số tuổi là:

A. 3 tuổi B. 5 tuổi C. 6 tuổi D. 8 tuổi.

Câu 88. Chia một số gạo vào các túi. Nếu chia thành 4 túi nhỏ, mỗi túi 7kg thì thừa ra 3kg. Hỏi nếu chia vào 5 túi nhỏ, mỗi túi 6kg thì thừa ra số gạo là:

A. 1kg B. 2kg C. 3kg D. 4kg.

Câu 89. Hai anh em có một số bi. Biết rằng nếu anh cho em 5 viên thì số bi của anh vẫn nhiều hơn của em là 5 viên. Vậy anh có nhiều hơn em số bi là:

A. 5 viên B. 10 viên C. 15 viên D. 20 viên.

Câu 90. Hiệu bé nhất của một số có 3 chữ số khác nhau và một số có 2 chữ số khác nhau là:

A. 4 B. 5 C. 93 D. 91.

Câu 91. Số lớn nhất có một chữ số đem nhân với 5 vẫn được kết quả bé hơn 33 là số nào?

Trả lời:.....

Câu 92. Ba bạn Lan, Huệ, Hồng bằng tuổi nhau và hiện nay đều 8 tuổi. Tính tổng số tuổi của ba bạn sau 3 năm nữa.?

Trả lời:.....

Câu 93. Một hình tam giác có chu vi 11cm. Biết tam giác đó có 2 cạnh bằng nhau và cạnh còn lại dài hơn 2 cạnh kia là 2cm. Tính độ dài 2 cạnh bằng nhau của tam giác.

Trả lời:.....

Câu 94. Tìm một số có 3 chữ số. Biết rằng nếu lấy số lớn nhất có 3 chữ số trừ đi số đó rồi cộng với số lớn nhất có 2 chữ số sẽ được kết quả bằng số bé nhất có 3 chữ số khác nhau.

Trả lời:.....

Câu 95. Có 3 can đựng dầu. Nếu giót can thứ nhất 8*l* sang can thứ hai 3*l* và can thứ ba 5*l* thì lượng dầu trong ba can bằng nhau và đều bằng nửa số dầu có trong can thứ nhất lúc đầu. Tính tổng số dầu có trong cả 3 can đó.

Trả lời:.....

Câu 96. Tìm hiệu của hai số. Biết tổng của hai số đó lớn gấp 4 lần số bé và số lớn bé hơn số bé nhất có 2 chữ số khác nhau 1 đơn vị.

Trả lời:.....

Câu 97. Tìm một số, biết rằng nếu đem số đó cộng với 26 thì được kết quả là một số bé hơn hiệu của 2 số 42 và 15.

Trả lời:.....

Câu 98. Biết tuổi của anh hiện nay là một số lớn nhất có 1 chữ số, tuổi em 8 năm nữa sẽ là số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau. Hỏi trước đây bao nhiêu năm thì tổng số tuổi của hai anh em là một số bé nhất có 2 chữ số khác nhau?

Trả lời:.....

Câu 99. Mai có một số tiền. Nếu mua 5 bông hồng loại 5 nghìn một bông thì thừa 3 nghìn đồng. Hỏi nếu mua 6 bông hồng loại 6 nghìn một bông thì thừa hay thiếu bao nhiêu tiền ?

Trả lời:.....

Câu 100. Chia hình vuông cạnh 4cm thành 2 hình chữ nhật. Hỏi tổng chu vi 2 hình chữ nhật hơn chu vi hình vuông là bao nhiêu ?

Trả lời:.....

VÒNG 10

Game 1: BỨC TRANH BÍ ẨN

(Ghi vào 2 ô có giá trị bằng nhau cùng một số theo cặp từ 1 đến 10)

2 x 3 ◯	31 - 12 ◯	14 ◯	28 ◯	45 ◯
82 ◯	13 + 21 + 32 ◯	2 x 5 ◯	93 - 25 ◯	41 - 13 ◯
6 ◯	68 ◯	28 + 17 ◯	10 ◯	68 + 14 ◯
19 ◯	2 x 10 ◯	66 ◯	2 x 7 ◯	20 ◯

Game 2: ĐỪNG ĐỂ ĐIỂM RƠI

Câu 1. Bể thứ nhất chứa 221*l* nước, bể thứ hai chứa 323*l* nước. Nếu tháo ra ở mỗi bể 121*l* nước thì:

A. Bể thứ hai còn 112*l* nước. B. Cả hai bể còn 422*l* nước.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 2. Có 3 can rượu và 5 can nước mắm. Nếu mỗi can đựng đều 4*l* thì:

A. Có 18*l* nước mắm. B. Có 12*l* rượu.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 3. Có 3 can rượu và 5 can nước mắm. Nếu mỗi can rượu đựng 6*l* và mỗi can nước mắm đựng 3*l* thì:

A. Có 15*l* nước mắm và 18*l* rượu. B. Tổng số cả mắm và rượu là 43*l*.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 4. Tổ 1 trồng được 20 cây, tổ 2 trồng được 24 cây. Biết mỗi hàng trồng 4 cây. Vậy số hàng cây cả hai tổ trồng được là:

A. 5 hàng. B. 6 hàng. C. 10 hàng. D. 11 hàng.

Câu 5. Một sợi dây dài 1dm có thể cắt được 2 sợi dây nào dưới đây:

A. 3cm và 7cm. B. 2dm và 8mm.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 6. Một sợi dây dài 17dm có thể cắt được 2 sợi dây nào dưới đây:

A. 13cm và 4cm. B. 14dm và 30cm.

C. 14cm và 3dm. D. Đáp án khác.

Câu 7. Có 2 xe thồ tất cả 10 bao gạo. Nếu xe thứ nhất chở 6 bao loại 40kg và xe thứ 2 chở 4 bao loại 50kg thì:

A. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 40kg.

B. Xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai 80kg.

C. Hai xe chở tất cả 540kg.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 8. Tứ giác ABCD có chu vi 15cm. Nếu AB = 5cm thì các cạnh còn lại của tứ giác có thể là:

A. BC = CD = 3cm, DA = 5cm. B. BC = 3cm, CD = DA = 4cm.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 9. Ba số lẻ nào dưới đây có tổng bằng 79:

A. 21 + 33 + 45. B. 11 + 23 + 45.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 10. Ba số nào dưới đây có tổng bằng 87:

A. 21 + 32 + 44. B. 22 + 33 + 44.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Bài 3: LEO DỐC

Câu 1. Biết: $42 < x + 31 - 6 < 44$: Vậy: x = ...

Câu 2. Có tất cả bao nhiêu số có 3 chữ số khác nhau có tích các chữ số bằng tổng các chữ số.

Trả lời: .....

Câu 3. Tổng các số có 2 chữ số khác nhau có tổng các chữ số bằng 3 là .....

Câu 4. Khoảng thời gian ngắn nhất từ khi kim phút dịch chuyển từ số 11 đến số 3 trên mặt đồng hồ là .....phút.

Câu 5. Mai có 20 viên bi. Biết rằng cứ có 3 viên bi xanh thì có 2 viên bi đỏ. Vậy Mai có bao nhiêu viên bi xanh và bao nhiêu viên bi đỏ ?

Trả lời: .....

Câu 6. Điền các dấu thích hợp vào chỗ chấm: 5.....5.....5.....5.....5 = 55.

Câu 7. Biết năm nay mẹ 38 tuổi và 2 năm sau thì tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con.

- Vậy hiện nay con ..... tuổi.

Câu 8. Biết: $15 < 21 - x - x < 18$. Vậy: x = ...

Câu 9. Nam có 45 viên bi. Biết rằng sau khi cho Hà $\frac{1}{5}$ số bi thì Nam vẫn có nhiều hơn hơn Hà 4 viên.

- Vậy Hà có ..... viên bi.

Câu 10. Huy có 27 que tính. Sau đó Hoàng cho Huy thêm 5 que tính nên số que tính của Huy gấp 4 lần của Hoàng.

- Vậy Hoàng có ..... que tính.

Câu 11. Một trường có 234 học sinh nam. Biết rằng nếu có thêm 23 học sinh nữ thì số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 45 học sinh. Hỏi trường đó có tất cả bao nhiêu học sinh?

Trả lời: .....

Câu 12. Tìm a, biết: $a \times 3 = 18 - 6$.

Trả lời: .....

Câu 13. Hai số có hiệu là 118. Nếu giữ nguyên số lớn và tăng số bé thêm 25 đơn vị thì hiệu hai số là bao nhiêu?

Trả lời: .....

Câu 14. Tính tổng của các số chẵn bé hơn 20.

Trả lời: .....

Câu 15. Tìm một số, biết rằng nếu lấy số đó cộng với 135 rồi trừ đi 246 sẽ được kết quả bằng số lớn nhất có 2 chữ số.

Trả lời: .....

Câu 16. Một hình chữ nhật có chu vi 2dm. Biết hình đó có 2 cạnh dài bằng nhau và dài 6cm. Tính độ dài của mỗi cạnh còn lại.

Trả lời: .....

Câu 17. Tổng của 2 số gấp 3 lần số bé. Tìm số bé, biết số lớn bằng 18.

Trả lời: .....

Câu 18. Hai anh em có một số viên bi. Biết rằng nếu anh cho em 5 viên thì anh có số bi bằng em và bằng 10 viên. Tính số bi của em.

Trả lời: .....

Câu 19. Có một số gạo, nếu chia đều vào 4 túi thì mỗi túi chứa 7kg và còn thừa 2kg. Hỏi nếu chia đều vào 5 túi thì mỗi túi chứa bao nhiêu ki-lô-gam?

Trả lời: .....

Câu 20. Tổ 1 có 4 bạn nữ và 5 bạn nam. Trong một buổi lao động trồng được tất cả 41 cây. Biết mỗi bạn nữ trồng được 4 cây. Hỏi mỗi bạn nam trồng được bao nhiêu cây ?

Trả lời: .....

Câu 21. Có thể viết được bao nhiêu số chẵn có 3 chữ số khác nhau từ các chữ số 0; 1; 2 và 4.

Trả lời: .....

Câu 22. Tuổi của ông hiện nay là 72 tuổi. Biết tuổi bố kém tuổi ông là 32 tuổi và gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi con hiện nay.

Trả lời: .....

Câu 23. Một cửa có 345kg gạo. Ngày đầu bán được 128kg. Ngày thứ hai bán ít hơn số gạo còn lại là 107kg. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

Trả lời: .....

Câu 24. Biết trước ngày hôm nay 3 ngày là thứ tư ngày 12. Hỏi sau ngày hôm nay 3 ngày sẽ là ngày bao nhiêu và là thứ mấy ?

Trả lời: .....

Câu 25. Một hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là 1dm; 12cm và 2dm 3cm. Hỏi chu vi của hình tam giác đó lớn hơn chu vi của một hình vuông có cạnh 9cm bao nhiêu xăng-ti-mét?

Trả lời: .....

Câu 26. Trong một giờ học thể dục, Lớp 2A xếp thành 3 hàng dọc thì có 1 hàng có nhiều hơn 2 hàng kia là 1 bạn. Vì vậy cô giáo cho các bạn xếp thành 4 hàng dọc thì vừa đủ. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh ?

Trả lời: .....

Câu 27. Ba bạn gấp được một số thuyền. Biết rằng nếu Huy cho Hoàng 12 chiếc, Hoàng cho Huyền 15 chiếc thì mỗi bạn đều có 25 chiếc thuyền. Hỏi Hoàng đã gấp được bao nhiêu chiếc ?

Trả lời: .....

Câu 28. Tìm hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có 3 chữ số khác nhau viết được bởi các chữ số từ 0 đến 5.

Trả lời: .....

Câu 29. Tính tổng bé nhất của 1 số có 2 chữ số và 1 số có 3 chữ số.

Trả lời: .....

Câu 30. Biết anh có ít hơn em 10 viên bi. Hỏi nếu anh cho em 5 viên bi thì anh sẽ ít hơn em bao nhiêu viên bi ?

Trả lời: .....

Câu 31. Tìm tổng bé nhất của 2 số lẻ khác nhau có 3 chữ số.

Trả lời: .....

Câu 32. Nếu tăng cạnh của một hình vuông thêm 1dm 2cm thì chu vi của hình vuông đó sẽ tăng thêm bao nhiêu xăng-ti-mét ?

Trả lời: .....

Câu 33. Cho các chữ số: 0, 2 và 1. Tính tổng của tất cả các số có 3 chữ số khác nhau viết được từ các chữ số đã cho đó.

Trả lời: .....

Câu 34. Một thùng dầu nếu chứa vào 4 can loại 5 lít thì có một can phải thêm 2*l* nữa mới đầy. Tính số dầu có trong thùng đó.

Trả lời: .....

Câu 35. Cho sơ đồ:



- Biết quãng đường AD dài 98km. Vậy:

A. Quãng đường CD dài là 32km.

B. Quãng đường CD dài hơn quãng đường AB là 11km.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 36. Cho sơ đồ:



- Biết quãng đường AD dài 869km thì có thể:

A. AB = 112km; CD = 201km. B. AB = 111km; CD = 302km.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 37. Cho sơ đồ:



- Biết: AB = 2cm, BC = 5cm và CD = 3cm. Vậy:

A. AC = 7cm và BD = 8cm. B. BD dài hơn AB là 6cm.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 38. Các số: 241, 124, 214, 421, 142, 412.

A. Viết theo thứ tự tăng dần là: 124, 142, 214, 241, 412, 421.

B. Có số các số chẵn bằng số các số lẻ.

C. Có số các số chẵn ít hơn số các số lẻ.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 39. Bể thứ nhất chứa 345*l* nước, bể thứ hai chứa 578*l* nước. Nếu bơm thêm vào bể thứ nhất 121*l* nước thì:

A. Bể thứ nhất chứa 466*l*. B. Bể thứ hai hơn bể thứ nhất 112*l*.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 40. Bể thứ nhất chứa 345*l* nước, bể thứ hai chứa 578*l* nước. Nếu tháo ra ở bể thứ nhất132*l* nước thì:

A. Bể thứ nhất còn 212*l*. B. Bể thứ hai hơn bể thứ nhất 365*l*.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 41. Bể thứ nhất chứa 221*l* nước, bể thứ hai chứa 323*l* nước. Nếu bơm thêm vào mỗi bể 122*l* nước thì:

A. Bể thứ nhất chứa hơn bể thứ hai 112*l* nước.

B. Bể thứ nhất chứa ít hơn bể thứ hai 121*l* nước.

C. Hai bể chứa tổng số 666*l* nước.

D. Cả A, B và C đều sai.

Câu 42. Biết: $2 \times a = 10 + 6$. Vậy a = ...

Câu 43. Biết: $b \times 3 = 52 - 25$. Vậy b = ...

Câu 44. Biết: $c : 4 = 51 - 48$. Vậy c = ...

Câu 45. Biết: $d : 5 = 63 - 57$. Vậy d = ...

Câu 46. Biết: $25 - 3 \times a = 7$. Vậy a = ...

Câu 47. Biết: $34 + b \times 4 = 42$. Vậy b = ...

Câu 48. Biết: $54 - c : 3 = 45$. Vậy c = ...

Câu 49. Biết: $36 + d : 2 = 44$. Vậy d = ...

Câu 50. Số gồm 200 và 34 đơn vị được viết là .....

Câu 51. Số gồm 5 trăm và 5 đơn vị được viết là .....

Câu 52. Sơi dây dài 32cm ngắn hơn sợi dây dài 1m là .....

Câu 53. Sợi dây dài 1m dài hơn sợi dây dài 2dm là .....

Câu 54. Tổng của số lớn nhất bé hơn 234 với 342 là .....

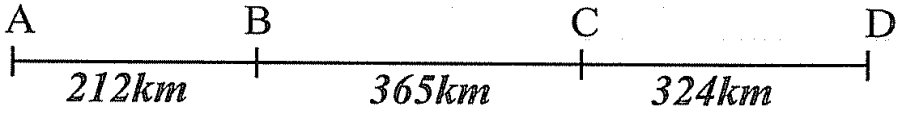
Câu 55. Tổng của số bé nhất lớn hơn 345 với 412 là .....

Câu 56. Thửa ruộng thứ nhất thu được 353kg thóc. Thửa ruộng thứ hai thu được 214kg và thửa ruộng thứ ba thu được 232kg. Thửa thứ nhất và thửa thứ hai thu được nhiều hơn thửa thứ hai và thửa thứ ba số thóc là .....

Câu 57. Hiệu của số lớn nhất bé hơn 345 với 123 là .....

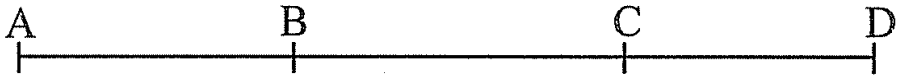
Câu 58. Hiệu của số bé nhất lớn hơn 456 với 321 là .....

Câu 59. Quãng đường AD gồm 3 đoạn. (hình vẽ)



- Vậy đoạn AC ngắn hơn đoạn BD là .....

Câu 60. Quãng đường AD gồm 3 đoạn. (hình vẽ)



- Biết AB = 23km, BC = 25km và CD = 21km. Vậy:

A. Độ dài đoạn AC là 48km. B. Độ dài đoạn BD là 46km.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 61. Chu vi của tam giác có các cạnh bằng 23mm, 25mm và 32mm là:

A. 8mm. B. 8cm. C. 8dm. D. 8m.

Câu 62. Chu vi của tam giác có các cạnh bằng 12mm, 3cm và 45mm là:

A. 60mm. B. 60cm. C. 87cm. D. 87mm.

Câu 63. Chu vi của tam giác có các cạnh bằng 123mm, 4cm và 5dm là:

A. 129dmm. B. 129mm. C. 663mm. D. 663cm.

Câu 64. Chu vi của tam giác có các cạnh bằng 32cm, 4dm và 5m là:

A. 41m. B. 41dm. C. 572cm. D. 86dm.

Câu 65. Số 234 có thể viết được dưới dạng tổng nào:

A. 200 + 30 + 4. B. 230 + 4.

C. 200 + 34. D. Cả A, B và C.

Câu 66. Tam giác ABC có các cạnh là AB, BC và AC. Nếu chu vi của tam giác là 5cm thì các cạnh của tam giác có thể là:

A. AB = 12mm, BC = 23mm và AC = 15mm.

B. AB = 1cm, BC = 2cm và AC = 3cm.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

Câu 67. Số 340 có thể viết được dưới dạng tổng nào:

A. 300 + 4 + 10. B. 300 + 40.

C. 304 + 10. D. 300 + 4.

Câu 68. Số 408 có thể viết được dưới dạng tổng nào:

A. 400 + 80 + 1. B. 400 + 80.

C. 400 + 8. D. 400 + 10 + 8.

Câu 69. Số 654 có thể viết được dưới dạng tổng nào:

A. 600 + 5 + 40. B. 600 + 5 + 4.

C. 400 + 56. D. 600 + 54.

Câu 70. Số 456 là tổng của 2 số nào dưới đây:

A. 145 + 451. B. 231 + 225. C. 123 + 343. D. 234 + 312.

Câu 71. Số 348 là tổng của 2 số nào dưới đây:

A. 132 + 231. B. 212 + 136. C. 234 + 123. D. Cả A, B và C.

Câu 72. Số 487 là tổng của 2 số nào dưới đây:

A. 135 + 242. B. 154 + 333. C. 222 + 345. D. 123 + 456.

Câu 73. Số 659 là tổng của 2 số nào dưới đây :

A. 234 + 425. B. 321 + 333. C. 234 + 432. D. 134 + 423.

Câu 74. Số 987 là tổng của 3 số nào dưới đây:

A. 135 + 321 + 543. B. 234 + 341 + 412.

C. 521 + 466.

Câu 75. Số 876 là tổng của 3 số nào dưới đây:

A. 131 + 212 + 515. B. 313 + 232 + 341.

C. Cả A và B đều sai.

Câu 76. Số 123 là hiệu của 2 số nào dưới đây:

A. 456 – 321. B. 345 – 222. C. Cả A và B đều sai.

Câu 77. Số 234 là hiệu của 2 số nào dưới đây:

A. 345 – 111. B. 357 – 123. C. Cả A và B đều đúng.

Câu 78. Số 345 là hiệu của 2 số nào dưới đây:

A. 468 – 123. B. 579 – 234. C. Cả A và B đều đúng.

Câu 79. Số 456 là hiệu của 2 số nào dưới đây :

A. 654 – 123. B. 678 – 222. C. Cả A và B đều sai.

Câu 80. Hiệu 342 – 211 bằng hiệu nào dưới đây:

A. 563 – 221. B. 457 – 326. C. Cả A và B đều sai.

Câu 81. Tổng các số lẻ có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 4 là .....

Câu 82. Tổng các số chẵn có 2 chữ số và tổng các chữ số bằng 5 là .....

Câu 83. Tính tổng của số lớn nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng sáu và số bé nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 6.

Trả lời: .....

Câu 84. Tổng của 23 và 45 lớn hơn hiệu của 89 và 67 là .....

Câu 85. Tổng của 34 và 51 bé hơn tổng của 64 và 33 là .....

Câu 86. Tổng của 325 và 254 lớn hơn tổng của 231 và 214 là .....

Câu 87. Tổng của 421 và 212 bé hơn hiệu của 987 và 123 là .....

Câu 88. Tổng của số lớn nhất và số bé nhất có 3 chữ số mà mỗi số đều có tổng các chữ số bằng 5 là .....

Câu 89. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có 3 chữ số mà mỗi số đều có tổng các chữ số bằng 6 là .....

Câu 90. Tổng của số lẻ lớn nhất và số chẵn bé nhất có 3 chữ số mà mỗi số đều có tổng các chữ số bằng 7 là .....

Câu 91. Hiệu 425 – 312 bằng hiệu nào dưới đây:

A. 465 – 352. B. 757 – 523. C. Cả A và B đều đúng.

Câu 92. Hiệu 328 – 125 bằng hiệu nào dưới đây:

A. 478 – 275. B. 596 – 393. C. Cả A và B đều đúng.

Câu 93. Hiệu 645 – 232 bằng hiệu nào dưới đây :

A. 547 – 134. B. 758 – 522. C. Cả A và B đều sai.

Câu 94. Ba thửa ruộng thu hoạch được tất cả 788kg thóc. Biết thửa ruộng thứ nhất thu được 212kg. Nếu thửa thứ hai thu được 323kg thì:

A. Thửa thứ ba thu được 253kg. B. Thửa thứ ba thu được ít nhất.

C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 95. Em đi học lúc 6 giờ 30 phút và đến trường khi kim phút chỉ vào số 9. Vậy em đi từ nhà đến trường hết số phút là:

A. 15 phút. B. 30 phút. C. 45 phút. D. 1 giờ.

Câu 96. Huy có một số bi đựng trong các hộp đều nhau. Biết có 2 hộp bi xanh, mỗi hộp đựng 5 viên và 1 hộp bi đỏ có 14 viên. Vậy Huy có:

A. Số bi xanh ít hơn số bi đỏ. B. Tất cả 24 viên.

C. Cả A và B đều sai. D. Cả A và B đều đúng.

Câu 97. Lớp 2A có 8 bàn và lớp 2B có 9 bàn. Nếu mỗi bàn của lớp 2A ngồi 4 bạn và mỗi bàn của lớp 2B ngồi 3 bạn thì:

A. Lớp 2A có 32 học sinh. B. Lớp 2B có 27 học sinh.

C. Hai lớp có tất cả 59 học sinh. C. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 98. Tam giác ABC có các cạnh là: AB = BC = 2AC. Biết AB = 1dm. Vậy chu vi tam giác ABC là:

A. 40cm. B. 4dm. C. 2dm. D. 25cm.

Câu 99. Huy có 25 que tính, Hoàng có 20 que tính. Các que tính được chia đều thành các bó, mỗi bó có 5 que tính. Vậy:

A. Hoàng có 5 bó que tính. B. Huy hơn Hoàng 1 bó que tính.

C. Hai bạn có tất cả 10 bó que tính. D. Hoàng hơn Huy 2 bó que tính.

Câu 100. Lớp 2A có 5 bạn học sinh giỏi, lớp 2B có 6 bạn học sinh giỏi, lớp 2C có 7 bạn học sinh giỏi, lớp 2D có 8 bạn học sinh giỏi. Biết mỗi bạn học giỏi được thưởng 4 quyển vở. Vậy:

A. Các bạn của 2 lớp 2A và 2B được thưởng tất cả 24 quyển.

B. Các bạn lớp 2C được thưởng ít hơn lớp 2D là 12 quyển.

C. Tổng số vở các bạn của cả 4 lớp được thưởng là 104 quyển.

D. Cả A, B và C đều đúng.

ĐÁP ÁN

VÒNG 1

Game 1: Sắp xếp

22 (4)	58 (13)	26 (5)	46 (9)	64 (15)
10 (1)	69 (16)	73 (18)	55 (12)	50 (10)
33 (7)	87 (19)	17 (3)	71 (17)	94 (20)
13 (2)	61 (14)	29 (6)	42 (8)	53 (11)

Game 2: Bức tranh bí ẩn

83 - 43 (1)	84 (2)	87 - 63 (3)	86 - 57 (4)	22 (5)
43 - 12 (6)	77 - 54 (7)	31 + 15 (8)	65 - 57 (9)	63 - 41 (5)
45 - 37 (9)	41 + 22 (10)	24 (3)	63 (10)	11 + 12 (7)
40 (1)	46 (8)	29 (4)	66 - 35 (6)	60 + 24 (2)

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là 98.

Câu 2. Số đó phải có hàng chục bằng 9. Chữ số hàng đơn vị là: $10 - 9 = 1$.

- Số đó là: 91.

Câu 3. Số đó phải có hàng chục bằng 1. Chữ số hàng đơn vị là: $1 + 2 = 3$.

- Số đó là: 13.

Câu 4. Lớp 2A có tổng số học sinh là: $15 + 13 = 28$ (bạn).

Câu 5. Tổng số cả gà và vịt nhà bác An nuôi là: $32 + 45 = 77$ (con).

Câu 6. Hôm đó cửa hàng bán được số quạt là: $20 + 15 = 35$ (chiếc).

Câu 7. Trong hộp có tất cả số viên bi là: $25 + 21 = 46$ (viên).

Câu 8. Cô giáo nhận về số sách là: $35 + 33 = 68$ (quyển sách).

Câu 9. Có 8 số có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 8 là:
17, 71, 26, 62, 35, 53, 44 và 80.

Câu 10. Có 7 số có 2 chữ số có hiệu các chữ số bằng 6 là:
17, 71, 28, 82, 39, 93 và 60.

Câu 11. Trên bãi có có tất cả số trâu và bò là:19 + 15 = 34 (con).

Câu 12. Lớp học đó có tất cả số học sinh là:18 + 12 = 30 (bạn).

Câu 13. Trong sân có tất cả số con gà là: 29 + 16 = 45 (con).

Câu 14. Cả hai bố con nặng là: 29 + 64 = 93 (kg).

Câu 15. Trong hình vẽ có 3 đoạn thẳng: AB, BC và AC.

Câu 16. Cả hai bạn cân nặng là: 26 + 24 = 50kg.

Câu 17. Trong hình vẽ có 6 đoạn thẳng: AB, BC, CD, AC, BD và AD.

Câu 18. Số đó là: 92.

Câu 19. Số đó là: 93.

Câu 20. Số đó là: 49.

Câu 21. Tuổi của anh hiện nay là: 9 + 6 = 15 (tuổi).

Trả lời: 15 tuổi.

Câu 22. Tuổi của bố hiện nay là: 39 + 5 = 44 (tuổi).

Trả lời: 44 tuổi.

Câu 23. Bình cân nặng số ki-lô-gam là: 29 + 5 = 34 (kg).

Trả lời: 34kg.

Câu 24. Số con tem của Lan có là: 28 + 14 = 42 (con tem).

Trả lời: 42 con tem.

Câu 25. Có 3 hình chữ nhật đó là: AMND, MBCN và ABCD.

Trả lời: 3 hình.

Câu 26. Có 6 hình tứ giác đó là:
AMND, MPQN, PBCQ, APQD, MBCN và ABCD.

Trả lời: 6 hình.

Câu 27. Tổng số điểm kiểm tra của Lan là: 48 + 5 = 53 (điểm).

Trả lời: 53 điểm.

Câu 28. Bạn Hà cao số xăng-ti-mét là: 93 + 6 = 99 (cm).

Trả lời: 99cm.

Câu 29. Khối 2 trường Kim Đồng có số học sinh là: 49 + 47 = 96 (học sinh).

Trả lời: 96 học sinh.

Câu 30. Hai bố con An cân nặng tất cả số ki-lô-gam là: 28 + 67 = 95 (kg).

Trả lời: 95 kg.

Câu 31. Tuổi của An hiện nay là: 45 – 33 = *12* (tuổi).

Câu 32. Khối 1 của trường Hoà Bình có số học sinh là: 98 – 6 = *92* (học sinh).

Câu 33. Bình cân nặng là: 36 – 5 = *31* (kg).

Câu 34. Nhà Lan nuôi số thỏ là: 28 – 7 = *21* (con).

Câu 35. Bình có số viên bi là: 18 + 5 = *23* (viên).

Câu 36. Tổng số điểm kiểm tra của Hồng là: 57 – 5 = *52* (điểm).

Câu 37. Lan có số con tem là: 45 – 12 = *33* (con).

Câu 38. Trong một hộp đựng số quả quýt là: 86 – 41 = *45* (quả).

Câu 39. Trong hộp có số quả lê là: 35 – 5 = *30* (quả).

Câu 40. Lớp 2A có số bạn nữ là: 18 – 5 = *13* (bạn).

Câu 41. B. 35 (25 + 5 + 5 = 35).

Câu 42. B. 24 (12 + 34 = 46; 34 – 12 = 22; 46 – 22 = 24).

Câu 43. B. 7 tuổi

- Hai năm nữa, anh có số tuổi là: 16 + 2 = 18 (tuổi).
- Hai năm nữa, em có số tuổi là: 18 : 2 = 9 (tuổi).
- Tuổi em năm nay là: 9 – 2 = 7 (tuổi).

Câu 44. B. 21 (1 + 2 = 3; 3 + 3 = 6; 6 + 4 = 10; 10 + 5 = 15; 15 + 6 = 21).

Câu 45. D. 18 số (100, 101, 102, 110, 111, 112, 120, 121, 122, 200, 201, 202, 210, 211, 212, 220, 221 và 222.

Câu 46. B. 16 (Số trừ = số bị trừ – hiệu số).

Câu 47. C. 11 hình (5 hình đơn, 3 hình đôi, 2 hình ba, 1 hình bốn)

Câu 48. A. 9kg (25 – 8 – 8 = 9)

Câu 49. B. 19 (Số bé nhất có 2 chữ số giống nhau là 11; 19 – 15 = 15 – 11).

Câu 50. A. 74 (9 × 3 = 27; 100 + 1 = 101; 101 – 27 = 74)

Câu 51. Số chẵn liền sau số 50 là **52**.

Câu 52. Số chẵn lớn nhất có 2 chữ số là **98**.

Câu 53. Số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau là **13**.

Câu 54. Số lớn nhất trong các số: 34, 45, 57, 78, 85, 59 là **85**.

Câu 55. Số lẻ bé nhất trong các số 45, 23, 46, 12, 21, 10. là **21**.

Câu 56. Số hạng thứ nhất là 12, số hạng thứ hai là 21 thì tổng là **33**.

Câu 57. Số hạng thứ nhất là 32, số hạng thứ hai là 23 thì tổng là **55**.

Câu 58. Số hạng thứ nhất là 42, số hạng thứ hai là 24 thì tổng là **66**.

Câu 59. Số hạng thứ nhất là 52, số hạng thứ hai là 25 thì tổng là **77**.

Câu 60. 4dm + 5dm = **9dm**.

Câu 61. C. 45. (Có 90 số có 2 chữ số, gồm 45 số chẵn và 45 số lẻ)

Câu 62. D. 45. (Có 90 số có 2 chữ số, gồm 45 số chẵn và 45 số lẻ)
Câu 63. B. 9. (11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99)
Câu 64. D. 81 (Có 90 số có 2 chữ số, trong đó có 9 số có 2 chữ số giống nhau)
Câu 65. A. 1dm và 5dm. (1dm + 5dm = 6dm = 60cm; 1cm + 5cm = 6cm)
Câu 66. C. Cả A và B. (4cm + 3cm = 7cm; 4dm + 3dm = 7dm)
Câu 67. C. Cả A và B đều sai. (4dm + 5cm = 45cm; 4cm + 5dm = 54cm)
Câu 68. B. 7dm và 5cm. (7cm + 5dm = 57cm; 7dm + 5cm = 75cm)
Câu 69. A. 4 và 5. (4 + 5 = 9)
Câu 70. B. 2; 3 và 5. (2 + 3 + 5 = 10)
Câu 71. D. 66. (8 + 23 + 35 = 66)
Câu 72. C. 72. (19 + 21 + 32 = 72)
Câu 73. D. 54. (8 + 18 + 28 = 54)
Câu 74. 28 và 7. (28 + 7 = 35)
Câu 75. D. Cả A, B và C. (8 + 39 = 47; 19 + 27 = 46; 29 + 18 = 47)
Câu 76. D. 58. (19 + 38 = 57)
Câu 77. B. 13 tuổi (7 + 2 = 9; 9 + 2 + 2 = 13)
Câu 78. C. 23 viên (19 + 2 + 2 = 23)
Câu 79. B. 98 học sinh (34 + 35 + 29 = 98)
Câu 80. B. 75 (59 + 24 – 8 = 75)
Câu 81. 14dm + 25dm = **39dm.**
Câu 82. 8dm – 5dm = **3dm.**
Câu 83. 26dm – 4dm = **22dm.**
Câu 84. 4dm + 5cm = **45cm.**
Câu 85. 15cm + 25cm = **4dm.**
Câu 86. 85cm – 5cm = **8dm.**
Câu 87. 26cm – 2dm = **6cm.**
Câu 88. Số bị trừ là 27, số trừ là 12 thì hiệu số là **15.**
Câu 89. Số bị trừ là 38, số trừ là 26 thì hiệu số là **12.**
Câu 90. Số bị trừ là 49, số trừ là 25 thì hiệu số là **24.**
Câu 91. C. 70. (24 + 15 + 31 = 70)
Câu 92. B. 20kg và 2kg. (12 + 9 = 21)
Câu 93. A. 12kg và 3kg. (2 + 30 = 32)
Câu 94. B. 23kg. (35kg + 14kg – 26kg = 23kg)
Câu 95. D. 58kg. (85kg – 52kg + 25kg = 58kg)
Câu 96. C. Cả A và B. (4 + 6 = 10; 5 + 5 = 10)

Câu 97. A. Can 24*l* và can 26*l*. (24 + 26 = 50; 26 + 26 = 52)

Câu 98. D. 9*l*. (25 – 16 = 9)

Câu 99. C. 63. (12 + 21 + 30 = 63)

Câu 100. C. 16cm. (5dm = 50cm; 50 – 34 = 16)

VÒNG 2

Game 1: Bức tranh bí ẩn

49 + 25 (1)	33 (2)	56 + 5 (3)	87 - 35 (4)	76 + 8 (5)
58 + 27 (6)	78 + 17 (7)	74 (1)	54 (8)	86 - 65 (9)
39 + 27 (10)	16 + 5 (9)	86 + 9 (7)	89 - 28 (3)	48 + 36 (5)
38 + 14 (4)	26 + 7 (2)	85 (6)	46 + 8 (8)	66 (10)

Game 2: Mười hai con giáp

Câu 1. Lớp 2A có tất cả số học sinh là: 18 + 16 = 34 (học sinh).

Trả lời: 34 học sinh.

Câu 2. Đàn gà đó có tất cả số con gà là: 56 + 29 = 85 (con).

Trả lời: 85 con.

Câu 3. Cả hai lớp có số bạn học sinh giỏi là: 18 + 15 = 33 (bạn).

Trả lời: 33 bạn.

Câu 4. Tổng số tuổi của bố An và mẹ An hiện nay là: 45 + 38 = 83 (tuổi).

Trả lời: 83 tuổi.

Câu 5. Tổng số tuổi của hai bố con Huy hiện nay là: 43 + 9 = 52 (tuổi).

Trả lời: 52 tuổi.

Câu 6. Tổng khối lượng của cả hai bạn là: 28 + 34 = 62 (kg).

Trả lời: 62 kg.

Câu 7. Tuổi của mẹ Mai hiện nay là: 28 + 8 = 36 (tuổi).

Trả lời: 36 tuổi.

Câu 8. Bao to cân nặng số ki-lô-gam là: 38 + 27 = 65 (kg).

Trả lời: 65 kg.

Câu 9. Có 18 đoạn thẳng là: AM, MB, BQ, QC, AP, PD, DN, NC, PO, OQ, MO, ON, AB, BC, AD, DC, PQ và MN.

- Có 9 hình chữ nhật là: AMOP, MBQO, POND, OQCN, ABQP, PQCD, AMND, MBCN và ABCD.

Trả lời: 18 đoạn thẳng, 9 hình chữ nhật.

Câu 10. Có 10 đoạn thẳng: AB, AM, AN, AC, BM, MN, NC, BN, MC và BC.

- Có 6 hình tam giác là: ABM, AMN, ANC, ABN, AMC và ABC.

Trả lời: 10 đoạn thẳng, 6 hình tam giác.

Câu 11. Số bị trừ là 56, số trừ là 41 thì hiệu số là 15. (56 – 41 = 15)

Câu 12. Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất có 2 chữ số là 89. (99 – 10 = 89)

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. B. 93 (67 + 26 = 93)

Câu 2. C. 43 (100 – 57 = 43)

Câu 3. D. 48 + 6 (48 + 6 = 54; 54 < 56)

Câu 4. C. 4 hình (3 hình đơn, 1 hình đôi)

Câu 5. A.71 (86 – 6 – 9 = 80 – 9 = 71)

Câu 6. B. 29kg (56 – 27 = 29)

Câu 7. 13 + 29 = 28 + 14 (13 + 29 = 42; 28 + 14 = 42).

Câu 8. 97 – 58 > 32 + 5 (97 – 58 = 39; 32 + 5 = 37).

Câu 9. B. Ngày 27 tháng 12 (20 + 7 = 27).

Câu 10. C. = (3 + 5 + 7 = 15; 5 + 7 + 3 = 15).

Câu 11. B. Thứ Ba (24 + 7 = 31; tháng 12 có 31 ngày)

Câu 12. C. 98.

Câu 13. Hiệu của số bé nhất có 2 chữ số và số lớn nhất có 1 chữ số là 1 (10 – 9).

Câu 14. Hiệu của số tròn chục lớn nhất có 2 chữ số với số chẵn bé nhất có 2 chữ số giống nhau là 68 (90 – 22).

Câu 15. Hiệu của số lẻ lớn nhất có 2 chữ số khác nhau với số số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau là 86 (97 – 13).

Câu 16. Anh Huy hơn em Hoàng số tuổi là **4 tuổi** (7 – 3 = 4).

Câu 17. Năm ngoái, tổng số tuổi của 2 anh em là **8 tuổi** (7 + 3 – 1 – 1 = 8).

Câu 18. Sang năm, tổng số tuổi của 2 anh em là **12 tuổi** (7 + 3 + 1 + 1 = 12).

Câu 19. Khi anh Huy **10** tuổi thì tổng số tuổi của 2 anh em là 16 tuổi (10 + 6).

Câu 20. Huy hơn Huyền số tấm ảnh là **3 tấm**. (15 – 12 = 3)

Câu 21. D. 25cm (5dm = 50cm; 50 – 25 = 25)

Câu 22. A. 79 (79 + 1 = 80)

Câu 23. B. 6 (1dm = 10cm)
Câu 24. C. 52; 46; 37; 28 (52 > 46 > 37 > 28)
Câu 25. C. 75 (74 < 75 < 76)
Câu 26. A. 33 (64 – 31 = 33)
Câu 27. B. 17 quyển (22 – 5 = 17)
Câu 28. B. 36 (73 – 37 = 36)
Câu 29. C. 37 và 55 (37 + 55 = 92)
Câu 30. B. 3 hình (2 hình ghép bởi 2 tam giác, 1 hình ghép bởi 3 tam giác)
Câu 31. Cả 2 bạn có số tấm ảnh là **27 tấm** (15 + 12 = 27)
Câu 32. Huyền có nhiều hơn Huy **1** tấm. (Huy còn 13 tấm, Huyền có 14 tấm)
Câu 33. Huy có nhiều hơn Huyền **7** tấm. (Huyền còn 10 tấm, Huy có 17 tấm)
Câu 34. Cả hai lớp có số học sinh giỏi là **9 bạn**. (3 + 6 = 9)
Câu 35. Cả hai lớp có số học sinh giỏi là **11 bạn**. (4 + 7 = 11)
Câu 36. Cả hai lớp có **11** học sinh giỏi. (3 + 4 + 2 + 2 = 11)
Câu 37. Cả hai lớp có **17** học sinh giỏi. (6 + 7 + 2 + 2 = 17)
Câu 38. Hai bạn có tất cả **30 viên** bi. (12 + 18 = 30)
Câu 39. Hai bạn có tất cả **30 viên** bi. (14 + 16 = 30)
Câu 40. Tổng số bi của ba bạn là **39 viên**. (18 + 14 + 16 – 9 = 39)
Câu 41. D. 59 – 31 – 21 (28 : 4 = 7; 59 – 30 – 20 = 9)
Câu 42. D. 113cm (456 – 343 = 113)
Câu 43. D. 30 viên (18 + 12 = 30)
Câu 44: A. 12 (12 + 34 = 46; 46 < 56)
Câu 45: A. 2 cái (8 – 3 – 3 = 2)
Câu 46. A. Thứ hai (27 = 20 + 7)
Câu 47. A. Tháng 1 có 31 ngày.
Câu 48. C. 89 (99 – 10 = 89)
Câu 49. D. 5 hình (4 hình nhỏ và 1 hình lớn)
Câu 50. B. 65 (48 + 17 = 65)
Câu 51. Tổng số bi của cả ba bạn là **44 viên**. (12 + 18 + 14 = 44)
Câu 52. Tổng số tuổi hiện nay của hai anh em là **20 tuổi**. (8 + 12 = 20)
Câu 53. Tổng số tuổi của hai anh em là **10 tuổi**. (8 + 12 – 5 – 5 = 10).
Câu 54. Tổng số tuổi của hai anh em là **30 tuổi**. (8 + 12 + 5 + 5 = 30).
Câu 55. Sau đây **10** năm (8 + 12 + 10 + 10 = 40)
Câu 56. Nếu số hạng thứ hai là 2 thì tổng là **11**. (9 + 2 = 11)
Câu 57. Nếu số hạng thứ hai là 8 thì tổng là **17**. (9 + 8 = 17)

Câu 58. Tổng là **10**. (9 + 1 = 10)
Câu 59. Tổng là **18**. (9 + 9 = 18)
Câu 60. Tổng là **31**. (29 + 2 = 31)
Câu 61. C. 14 (14 + 16 = 30)
Câu 62. A. 71 (86 – 6 – 9 = 80 – 9 = 71)
Câu 63 . B. 35 quả (55 – 20 = 35)
Câu 64. D. 24 (24 – 6 + 18 = 24 + 36 – 24)
Câu 65. B. 11 (11 + 37 + 25 = 73)
Câu 66. D. 70kg (52 + 18 = 70)
Câu 67. C. 6 tuổi (31 – 25 = 6)
Câu 68. D. 60 (60 – 36 = 24)
Câu 69. B. 3 hình (1 hình đơn, 1 hình đôi và 1 hình ba)
Câu 70: B. 15kg (24kg – 13kg + 4kg = 11kg + 4kg = 15kg)
Câu 71. Tổng là **43**. (39 + 4 = 43)
Câu 72. Tổng là **54**. (49 + 5 = 54)
Câu 73. Tổng là **65**. (59 + 6 = 65)
Câu 74. Tổng là **41**. (29 + 12 = 41)
Câu 75. Tổng là **62**. (39 + 23 = 62)
Câu 76. Tổng là **83**. (49 + 34 = 83)
Câu 77. Tổng là **64**. (19 + 45 = 64)
Câu 78. Tổng là **71**. (28 + 43 = 71)
Câu 79. Tổng là **64**. (48 + 16 = 64)
Câu 80. Tổng là **87**. (85 + 2 = 87)
Câu 81. B. 100 (11 + 28 + 24 + 16 + 12 + 9 = 20 + 40 + 40 = 100)
Câu 82. C. 37 (37 + 28 + 17 = 82)
Câu 83. D. 56 (12 + 34 + 56 = 102; 102 > 100)
Câu 84. B. 67 (98 – 67 + 54 = 85; 85 > 84)
Câu 85. B. 78 (28 + 36 + 14 = 78)
Câu 86. D. 16 (76 – 22 – 38 = 16)
Câu 87. C. 8 số (92; 29; 83; 38; 74; 47; 65; 56)
Câu 88. D. 20 số (Từ 80 đến 99)
Câu 89. A. 10 số (10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19)
Câu 90. C. 45 số (Có 90 số có 2 chữ số)
Câu 91. B. 22 (22 + 34 = 56)
Câu 92. C. 18 (18 + 57 = 75)

Câu 93. C. 22 (22 + 23 = 45)
Câu 94. D. 9 (45 + 9 = 54)
Câu 95. D. 22 bạn (38 – 16 = 22)
Câu 96. B. 2 bạn (32 – 17 = 15; 17 – 15 = 2)
Câu 97. C. 38cm (4dm 2cm = 42cm; 42cm – 4cm = 38cm)
Câu 98. C. 44 (52 – 8 = 44)
Câu 99. D. 26 (35 – 9 = 26)
Câu 100. D. 70 (46 + 12 + 12 = 70)

VÒNG 3

Game 1: Sắp xếp

50 - 28 (4)	42 (11)	51 - 14 (10)	26 (6)	49 (13)
61 - 36 (5)	68 (19)	91 - 26 (18)	41 - 28 (2)	34 (9)
71 - 19 (14)	71 - 43 (7)	31 (8)	90 - 18 (20)	30 - 21 (1)
70 - 24 (12)	80 - 22 (16)	31 - 12 (3)	61 (17)	54 (15)

Game 2: Đi tìm kho báu

Câu 1. Tổng là 16. (8 + 8 = 16)
Câu 2. Tổng là 101. (78 + 23 = 101)
Câu 3. Tổng là 92. (58 + 34 = 92)
Câu 4. Tổng là 83. (38 + 45 = 83)
Câu 5. Tổng là 74. (18 + 56 = 74)
Câu 6. Hoàng có 30 quyển vở. (18 + 12 = 30)
Câu 7. Huy có 18 quyển vở. (30 – 12 = 18)
Câu 8. Hình bên có 2 hình vuông. (2 hình nhỏ)
Câu 9. Hình bên có 3 hình chữ nhật. (2 hình nhỏ và 1 hình to)
Câu 10. Lớp 3E có 34 học sinh. (32 + 3 + 2 + 1 – 4 = 34)

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Tính: 32 – 18 = 14.

Câu 2. Tính: 52 – 25 = 27.

Câu 3. Tính: 62 – 43 = 19.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 92 – 47 = 45.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 82 – 43 = 39.

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 72 – 18 = 54.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 39 + 53 = 92.

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 58 + 17 = 75.

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 33 + 48 = 81.

Câu 10. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: Ta có: 38 + 57 = 95.

Câu 11. Lớp 2A có số học sinh nam là: 30 – 14 = 16 (học sinh).

Trả lời: 16 học sinh.

Câu 12. Bình cân nặng số ki-lô-gam là: 70 – 34 = 36 (kg).

Trả lời: 36 kg.

Câu 13. Hồng còn lại số viên bi là: 50 – 12 = 38 (viên).

Trả lời: 38 viên.

Câu 14. Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam đường là: 50 – 29 = 21 (kg).

Trả lời: 21 kg.

Câu 15. Tuổi của mẹ An hiện nay là: 51 – 12 = 39 (tuổi).

Trả lời: 39 tuổi.

Câu 16. Tuổi của Mai hiện nay là: 41 – 28 = 13 (tuổi).

Trả lời: 13 tuổi.

Câu 17. Sau khi lấy ra, trong thùng còn lại số lít dầu là: 80 – 25 = 55 (*l*).

Trả lời: 55 l.

Câu 18. Can to đựng số lít dầu là: 40 – 15 = 25 (*l*).

Trả lời: 25 l.

Câu 19. Số bé là: 91 – 68 = 23.

Trả lời: 23.

Câu 20. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là: 98.

Số lớn là: 98 – 29 = 59.

Trả lời: 59.

Câu 21. Tính: 79 – 47 = ***32***.

Câu 22. Tính: 45 – 25 + 25 = ***45***.

Câu 23. Tính: 56 – a + a = ***56***.

Câu 24. Cả hai lớp có số học sinh là: 34 + 28 = ***62*** (học sinh).

Câu 25. Mai còn lại số quyển vở là: 15 – 6 = ***9*** (quyển).

Câu 26. 12 + a < a + 34 (vì a = a và 12 < 34).

Câu 27. Đoạn thứ hai dài là: 1dm – 6cm = ***4cm***. (vì 1dm = 10cm)

Câu 28. Số các số có 2 chữ số bé hơn 54 là: 54 – 10 = 44 (số).

- Số các số có 2 chữ số giống bé hơn 54 là: 4số. (11, 22, 33, 44)
- Số các số có 2 chữ số khác nhau bé hơn 54 là: 44 – 4 = ***40*** (số).

Câu 29. Tổng số gà và vịt nhà An nuôi tất cả là: 32 + 45 = *77* (con).

Câu 30. Tổng số tuổi của hai bố con trước đây là: (7 + 40) – 2 × 2 = ***43*** (tuổi).

Câu 31. Bình có số viên bi là: 20 – 5 = 15 (viên).

Trả lời: 15 viên.

Câu 32. Bình có số viên bi là: 31 – 9 = 22 (viên).

Trả lời: 22 viên.

Câu 33. Hà có số con tem là: 41 – 9 = 32 (con tem).

Trả lời: 32 con tem.

Câu 34. Mai có số quyển truyện là: 40 – 16 = 24 (quyển truyện).

Trả lời: 24 quyển truyện.

Câu 35. Bình có số viên bi là: 52 – 15 = 37 (viên).

Trả lời: 37 viên.

Câu 36. Lan có số bông hồng là: 32 – 13 = 19 (bông hồng).

Trả lời: 19 bông hồng.

Câu 37. Bình có số chiếc kẹo là: 30 – 8 = 22 (chiếc kẹo).

Trả lời: 22 chiếc kẹo.

Câu 38. Minh có số quyển vở là: 42 – 15 = 27 (quyển vở).

Trả lời: 27 quyển vở.

Câu 39. Bao to cân nặng số ki-lô-gam là: 75 – 28 = 47 (kg).

Trả lời: 47 kg.

Câu 40. Bình cân nặng số ki-lô-gam là: 54 – 26 = 28 (kg).

Trả lời: 28 kg.

Câu 41. Tổng là **115**. (35 + 80 = 115).

Câu 42. Tổng là **91**. (24 + 67 = 91).

Câu 43. Em có **39** lá cờ. (27 + 12 = 39).

Câu 44. Em có **24** lá cờ. (39 – 15 = 24).

Câu 45. Kết quả của phép cộng đó là **79**. (67 + 12 = 79).

Câu 46. Kết quả của phép cộng đó là **81**. (57 + 24 = 81).

Câu 47. Số bạn nam trong đội tuyển là **17 bạn**. (29 – 12 = 17).

Câu 48. Số cây tổ 1 trồng được là **13 cây**. (38 – 25 = 13).

Câu 49. Số cây tổ 2 trồng được là **58 cây**. (42 + 16 = 58).
Câu 50. Tính: 14kg + 25kg = **39kg**.
Câu 51. A. 47kg (32 – 17 = 15; 32 + 15 = 47).
Câu 52. B. 30 (27 + 18 = 45; 75 – 45 = 30).
Câu 53. D. 2 cái (11 – 9 = 2)
Câu 54. C. 8 hình (4 hình đơn, 3 hình đôi và 1 hình bốn).
Câu 55. D. 90 (**19 < 66 < 82 < 90**).
Câu 56. B. 26 cái (12 + 14 = 26).
Câu 57. C. 43 (90 – 50 + 3 = 40 + 3 = 43).
Câu 58. A. 57 con (44 + 13 = 57).
Câu 59. C. 73 (92 – 73 = 19).
Câu 60. C. 53 (34 + 53 – 78 = 87 – 78 = 9).
Câu 61. Tính: 28kg – 15kg = **13kg**.
Câu 62. Tính: 42kg + 3kg – 21kg = **24kg**.
Câu 63. Tính: 35kg + 14kg – 26kg = **23kg**.
Câu 64. Tính: 85kg – 52kg + 25kg = **58kg**.
Câu 65. Tính: 76kg – 32kg + 18kg = **62kg**.
Câu 66. Hai bạn có tất cả **68** que tính. (26 + 16 = 42; 26 + 42 = 68).
Câu 67. Tổng của 23 và số lớn nhất bé hơn 38 là **60**. (23 + 37).
Câu 68. Tổng của 34 và số bé nhất lớn hơn 47 là **82**. (34 + 48).
Câu 69. Tổng của 45 và số chẵn lớn nhất bé hơn 56 là **99**. (45 + 54).
Câu 70. Tổng của 56 và số lẻ bé nhất lớn hơn 65 là **123**. (56 + 67 = 123).
Câu 71. Tính: 1 + 2 + 3 + 17 + 18 + 19 = **60**. (1 + 19 + 2 + 18 + 3 + 17).
Câu 72. B. 58 chiếc. (85 – 27 = 58).
Câu 73. D. 66 tuổi. (34 + 6 = 40; 40 + 26 = 66)
Câu 74. A. 40. (50 – 18 + 16 + 14 – 12 – 10 = 40).
Câu 75. B. x = 41. (32 – 8 = 24; 41 – 17 = 24).
Câu 76. B. 54. (98 + 76 = 174; 174 – 54 = 120.
Câu 77. D. 25 bông. (20 + 5 = 25).
Câu 78. D. 46. (76 – 15 – 15 = 46).
Câu 79. C. 75. (100 – 25 = 75).
Câu 80. D. 41. (35 – 24 = 11).
Câu 81. D. 63 cây. (100 – 37 = 63).
Câu 82. D. 39 bông. (24 – 9 = 15; 24 + 15 = 39).
Câu 83. Nếu x + 24 = 68 thì x = **44**. (44 + 24 = 68).

Câu 84. Nếu $34 + x = 56$ thì x = **22**. (34 + 22 = 56).

Câu 85. Nếu $45 + x = 73$ thì x = **28**. (45 + 28 = 73).

Câu 86. Can thứ ba và can thứ tư đựng số mắm là: 56 – 34 = 22 (*l*).

Trả lời: **22***l*.

Câu 87. Can thứ hai và can thứ tư đựng số mắm là: 64 – 36 = 28 (*l*).

Trả lời: **28***l*.

Câu 88. Can thứ hai và can thứ ba đựng số mắm là: 86 – 48 = 38 (*l*).

Trả lời: **38***l*.

Câu 89. Can thứ tư và can thứ năm đựng số mắm là: 95 – 76 = 19 (*l*).

Trả lời: **19***l*.

Câu 90. Nếu $x + 27 = 70$ thì x = **43**. (43 + 27 = 70).

Câu 91. Nếu $x + 36 = 80$ thì x = **44**. (44 + 36 = 80).

Câu 92. Nếu $42 + x = 60$ thì x = **18**. (42 + 18 = 60).

Câu 93. Nếu $54 + x = 90$ thì x = **36**. (54 + 36 = 90).

Câu 94. Bố hơn anh **33** tuổi. (41 – 8 = 33).

Câu 95. Năm nay mẹ **37** tuổi. (41 – 4 = 37).

Câu 96. Năm nay em 7 tuổi. (35 – 28 = 7).

Câu 97. Năm nay bà **61** tuổi. (36 + 25 = 61).

Câu 98. Bao thứ nhất và bao thứ hai hơn bao thứ ba và bao thứ tư 32kg.

Câu 99. Khối 1 và Khối 2 ít hơn khối 3 và khối 4 là **18** học sinh giỏi.

Câu 100. Số cộng với 18 được kết quả bằng 62 là **44**. (44 + 18 = 62).

VÒNG 4

Game 1: Bức tranh bí ẩn

26 + 12 (1)	91 (2)	42 + 6 (3)	85 (4)	68 - 36 (5)
79 - 34 (6)	48 - 32 (7)	23 + 15 (1)	14 (8)	57 + 14 (9)
88 - 22 (10)	71 (9)	28 - 12 (7)	32 (5)	45 (6)
69 - 55 (8)	26 + 22 (3)	46 + 39 (4)	67 + 24 (2)	66 (10)

Game 2: Thế giới côn trùng

Câu 1. D. 112. (112 – 45 = 67).

Câu 2. B. 132. (132 – 57 = 75).

Câu 3. C. 533. (533 + 34 = 567).

Câu 4. A. 378. (456 – 378 = 78).

Câu 5. D. 52 bạn. (138 – 86 = 52).

Câu 6. D. 6 bạn. (36 – 21 = 15; 21 – 15 = 6).

Câu 7. C. 18cm. (2dm 4cm = 24cm; 24 – 6 = 18).

Câu 8. C. 56. (124 – 68 = 56).

Câu 9. C. 214. (135 + 79 = 214).

Câu 10. A. 316. (246 + 35 + 35 = 316).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Số cộng với 45 được kết quả bằng 92 là **47**. (47 + 45 = 92).

Câu 2. Khối 5 và Khối 2 trồng hơn khối 3 và khối 4 là **2** cây.

(62 + 37 = 99; 52 + 45 = 97; 99 – 97 = 2).

Câu 3. Số bi của Hưng và Hà hơn số bi của Thái và Bình là **11 viên**.

(22 + 32 = 54; 14 + 29 = 43; 54 – 43 = 11).

Câu 4. Lúc đầu Huy có số bi là **85 viên**. (7 + 12 + 15 + 24 + 27 = 85).

Câu 5. Số cộng với 28 được kết quả bằng 53 là **25**. (25 + 28 = 53).

Câu 6. Số cộng với 37 được kết quả bằng 63 là **26**. (26 + 37 = 63).

Câu 7. Số cộng với 46 được kết quả bằng 73 là **27**. (27 + 46 = 73).

Câu 8. Số cộng với 55 được kết quả bằng 83 là **28**. (28 + 55 = 73).

Câu 9. Năm nay ông 73 tuổi, bố 38 tuổi. Vậy ông hơn bố **35 tuổi**. (73 – 38).

Câu 10. Năm nay bà 63 tuổi, mẹ 36 tuổi. Vậy bà hơn mẹ **27 tuổi**. (63 – 36).

Câu 11. C. 45 và 54. (45 + 54 = 99).

Câu 12. D. 18 và 81. (18 + 81 = 99).

Câu 13. D. 23, 34, 43. (23 + 34 + 43 = 100).

Câu 14. A. 12 và 18. (12 + 18 = 30).

Câu 15. A. 25 và 25. (25 + 25 = 50).

Câu 16. B. 21 và 19. (21 + 19 = 40).

Câu 17. C. 12, 24, 34. (12 + 24 + 34 = 70).

Câu 18. B. Sợi thứ hai và sợi thứ ba. (32 + 48 = 80; 80cm = 8dm).

Câu 19. C. 42 tuổi. (19 + 15 = 34; 19 – 15 = 4; 34 + 4 + 4 = 42).

Câu 20. D. 9 tuổi. (12 + 7 = 19; 12 – 7 = 5; 19 – 5 – 5 = 9).
Câu 21. Hiệu hai số bằng **8**. (17 – 9 = 8).
Câu 22. Hiệu hai số bằng **8**. (16 – 8 = 8).
Câu 23. Hiệu hai số bằng **8**. (15 – 7 = 8).
Câu 24. Hiệu hai số bằng **8**. (18 – 10 = 8).
Câu 25. Hai số tròn chục liền nhau có hiệu là **10**.
Câu 26. Hai số có 2 chữ số giống nhau liền nhau có hiệu là **11**.
Câu 27. Vậy 3 bao còn lại nặng là **77kg**. (100 – 23 = 77).
Câu 28. Đã bán đi **13***l* nước mắm. (18 + 16 = 34; 9 + 12 = 21; 34 – 21 = 13).
Câu 29. Trong hình vẽ có **24** đoạn thẳng. (16 đoạn đơn, 8 đoạn đôi).
Câu 30. Biết x + 23 + 45 = 100. Vậy: x = **32**. (32 + 23 + 45 = 100).
Câu 31. B. 5 năm. (15 + 10 = 25; 25 – 5 – 5 = 15).
Câu 32. C. 6 năm. (12 + 8 = 20; 20 – 6 – 6 = 8).
Câu 33. A. 10 tuổi. (49 + 9 = 58; 39 + 9 = 48; 58 – 48 = 10).
Câu 34. A. (19 + 59 = 29 + 49 = 78; 29 + 39 = 68).
Câu 35. C. 39 viên. (29 – 5 = 24; 19 + 5 + 39 – 24 = 39).
Câu 36. C. 81 viên. (18 + 27 + 36 = 81).
Câu 37. A. 1kg cá và 1kg thịt. (58 + 85 = 143).
Câu 38. B. 4 bạn. (18 + 19 = 37; 28 + 13 = 41; 41 – 37 = 4).
Câu 39. D. 16 năm. (12 + 8 = 20; 20 + 16 + 16 = 36 + 16 = 52).
Câu 40. Biết 100 – x – 56 = 34. Vậy: x = **10**. (100 – 10 – 56 = 34).
Câu 41. Biết 23 + x + 34 = 98. Vậy: x = **41**. (23 + 41 + 34 = 98).
Câu 42. Biết x + 34 – 56 = 78. Vậy: x = **100**. (100 + 34 – 56 = 78).
Câu 43. Biết x – 12 – 34 = 56. Vậy: x = **102**. (102 – 12 – 34 = 56).
Câu 44. Từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa có số giờ là **5 giờ**. (12 – 7).
Câu 45. Từ 11 giờ trưa đến 5 giờ chiều có số giờ là **6 giờ**. (17 – 11).
Câu 46. Từ 4 giờ chiều đến 10 giờ tối có số giờ là **6 giờ**. (10 – 4).
Câu 47. Từ 8 giờ sáng đến 7 giờ tối có số giờ là **11 giờ**. (19 – 8 = 11).
Câu 48. Lúc 23 giờ thường được gọi là **11 giờ** đêm. (23 – 12 = 11).
Câu 49. Lúc 6 giờ chiều hay còn gọi là **18 giờ**. (12 + 6).
Câu 50. Bây giờ là 11 giờ trưa. Sau 5 giờ nữa sẽ là **4** giờ chiều. (16 giờ).
Câu 51. Khi kim phút chỉ số 12 thì 2số cuối của đồng hồ điện tử là **10**.
Câu 52. Thứ ba tuần trước là ngày 15 thì thứ hai tuần này là ngày **21**. (15 + 6).
Câu 53. Hôm nay là thứ tư ngày 10. Chủ nhật tuần này là ngày **14**. (10 + 4).
Câu 54. Ngày 1 của tháng là thứ năm thì ngày 5 của tháng đó là **Thứ hai**.

Câu 55. Hôm qua là chủ nhật ngày 18 thì ngày 20 tháng đó là **Thứ ba.**
Câu 56. Tổng số ngày của tháng 4, 5 và 6 là **91 ngày.** (30 + 31 + 30).
Câu 57. D. Đáp án khác. (23 + 24 – 25 = 47 – 25 = 22).
Câu 58. C. **110.** (110 > 109).
Câu 59. A. **123 + 45.** (123 + 45 =168; 345 – 67 = 278).
Câu 60. D. Đáp án khác. (45 + 9 = 54; 49 + 9 = 58; 11 + 8 = 19).
Câu 61. A. **50kg.** (con bê là con bò con).
Câu 62. D. Đáp án khác. (gói bánh thường nặng khoảng 1kg trở lại).
Câu 63. B. **25kg.** (Học sinh lớp 3 trung bình nặng khoảng 25kg).
Câu 64. B. **3kg.** (Em bé bình thường lúc mới sinh nặng khoảng 3kg).
Câu 65. C. **Cả A và B đều sai.** (36 + 15 = 51; 36 + 51 = 87).
Câu 66. D. **Cả A và B đều sai.** (36 + 18 = 54; 54 + 36 = 90).
Câu 67. C. **Cả A và B đều đúng.** (45 – 16 = 29; 29 + 45 = 74).
Câu 68. Tháng 4 và tháng 6 hơn tháng 5 là **29 ngày.** (30 + 30 – 31).
Câu 69. Bao thứ ba đựng **47kg** gạo. (46 – 8 = 38; 38 + 9 = 47).
Câu 70. Hình vẽ có 9 tam giác và 6 hình vuông.
- Số hình tam giác nhiều hơn số hình vuông là **3** hình.

Câu 71. Từ 4 điểm có thể vẽ được **6** đoạn thẳng.
Câu 72. C. **65 và 70.** (65 + 70 = 135).
Câu 73. A. **135 và 79.** (135 + 79 = 214; 214 < 246)
Câu 74. B. **35 + 79 + 98.** (35 + 79 + 98 = 114 + 98 = 212).
Câu 75. D. Cả A và B đều đúng.
Câu 76. A. **43 và 57.** (43 + 57 = 100).
Câu 77. B. **57 và 58.** (57 + 58 = 115).
Câu 78. C. **52 và 25.** (52 + 25 = 77).
Câu 79. A. **25, 36 và 39.** (25 + 36 + 39 = 100).
Câu 80. A. **Ba can 10*l* và một can 20*l*.** (10 + 10 + 10 + 20 = 50).
Câu 81. B. **Hai can 25*l* và một can 50*l*.** (25 + 25 + 50 = 100)
Câu 82. A. **Ba can 20*l* và ba can 5*l*.** (60 + 15 = 75)
Câu 83. A. **Ba can 25*l* và một can 50*l*.** (75 + 50 = 125).
Câu 84. B. **10*l*.** (16 – 3 – 3 = 10).
Câu 85. A. **5*l*.** (5 + 5 – 5 = 5).
Câu 86. C. **20*l*.** (10 + 5 + 5 = 20).
Câu 87. Điền dấu >; =; < vào chỗ chấm: 45 – 24 < 17 + 10. (21 < 27)
Câu 88. Điền dấu >; =; < vào chỗ chấm: 32 + 16 = 20 + 28. (48 = 48)

Câu 89. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 32 + **23** = 87 – 32. (55 = 55)

Câu 90. Điền dấu số thích hợp vào chỗ chấm: 72 – 24 = **3** + 45. (48 = 48)

Câu 91. Biết x + 25 + 37 = 100. Vậy: x = **38**. (38 + 25 + 37 = 100)

Câu 92. Biết 34 + x + 17 = 90. Vậy: x = **39**. (34 + 39 + 17 = 90)

Câu 93. Biết x – 26 = 54 + 20. Vậy: x = **100**. (100 – 26 = 54 + 20 = 74)

Câu 94. Biết 82 – x = 45 – 19. Vậy: x = **56**. (82 – 56 = 45 – 19 = 26)

Câu 95. Điền vào chỗ chấm: 68 + 12 – 37 < 23 + 35 + 18. (43 < 76)

Câu 96. Điền vào chỗ chấm: 72 – 26 + 43 > 35 + 42 – 58. (89 > 19)

Câu 97. Điền vào chỗ chấm: 97 – 79 + 36 > 95 – 29 – 34. (54 > 32)

Câu 98. Điền vào chỗ chấm: 12 + 23 + 34 = 100 – 21 – 10. (69 = 69)

Câu 99. Hiệu của hai số bé hơn tổng của hai số là **250**.

(521 – 125 = 396; 125 + 521 = 646; 646 – 396 = 250)

Câu 100. Số chanh nhiều hơn số cam là: 12 – 7 = 5 (quả).

- Nếu có thêm 12 quả chanh thì số chanh nhiều hơn là: 5 + 12 = 17 (quả).
- *Trả lời*: **17 quả.**

VÒNG 5

Game 1: Sắp xếp

63 - 39 (4)	41 (9)	31 (6)	63 - 15 (11)	93 - 16 (19)
83 - 15 (17)	91 - 4 (20)	59 (14)	19 (3)	82 - 38 (10)
43 - 27 (2)	93 - 37 (13)	93 - 28 (16)	51 (12)	70 (18)
13 (1)	39 (8)	73 - 45 (5)	62 (15)	82 - 47 (7)

Game 2: Đừng để điểm rơi

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5dm = **50**cm.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 40cm = **4**dm.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 80cm = **8**dm.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 9dm = **90**cm.

Câu 5. Tính: 93 – 58 = **35**.

Câu 6. Tính: 83 – 36 = **47**.

Câu 7. Tuổi của bố hiện nay là: 53 – 14 = **39** (tuổi).

Câu 8. Số hạng còn lại là: 83 – 45 = **38**.

Câu 9. Số con vịt nhà bác An nuôi là: 63 – 25 = **38** (con).

Câu 10. Có 6 số có 2 chữ số có tổng 2 chữ số bằng 13: **94, 49, 85, 58, 76** và **67**.

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Tổng của số chẵn lớn nhất và bé nhất có 1 chữ số là **8**. (8 + 0).

Câu 2. Tổng của số lớn nhất và bé nhất có 1 chữ số là **9**. (9 + 0).

Câu 3. Số trừ đi 5 rồi cộng với 6 được 7 là **6**. (6 – 5 + 6 = 7).

Câu 4. Số trừ đi 2 rồi trừ tiếp đi 3 được 4 là **9**. (9 – 2 – 3 = 4).

Câu 5. Số cộng với 3 rồi cộng tiếp với 5 được 9 là **1**. (1 + 3 + 5 = 9).

Câu 6. Số cộng với 4 rồi trừ đi 2 được 6 là **4**. (4 + 4 – 2 = 6).

Câu 7. Cả 3 bao đựng **83**kg gạo. (25 + 28 + 30 = 83).

Câu 8. Tính: 14*l* + 86*l* = **100*l***.

Câu 9. Tính: 25*l* + 57*l* = **82*l***.

Câu 10. Tính: 28*l* + 15*l* = **43*l***.

Câu 11. A. 10*l*. (5 + 5 = 10).

Câu 12. A. 21*l*. (5 + 16 = 21).

Câu 13. B. 18*l*. (45 – 27 = 18).

Câu 14. D. 61*l*. (15 + 27 + 19 = 61).

Câu 15. C. 21*l*. (75 – 26 – 28 = 21)

Câu 16. C. 10*l*. (50 – 15 – 25 = 10).

Câu 17. C. 8*l*. (20 – 6 – 6 = 8).

Câu 18. C. Cả A và B đều đúng.

- Lớp 2A có số bạn nam là: 38 – 16 = 22 (bạn).
- Lớp 2B có số bạn nữ là: 32 – 18 = 14 (bạn).
- Nếu chuyển đi 2 bạn nữ thì lớp 2B còn số bạn nữ là: 14 – 2 = 12 (bạn).

Câu 19. A. Số bi đỏ là 9 viên.

- Huy có số bi đỏ là: 11 – 2 = 9 (viên).
- Huy có số bi đỏ hơn số bi xanh là: 9 – 2 = 7 (viên).

Câu 20. A. Tổ 2 trồng được tất cả 18 cây.

- Tổ 2 trồng được số cây là: 21 – 5 = 16 (cây).

- Nếu trồng thêm 2 cây thì tổ 2 trồng được là: 16 + 2 = 18 (cây).
- Nếu trồng thêm 2 cây thì cả hai tổ trồng được là: 18 + 21 = 39 (cây).

Câu 21. Tính: 46*l* + 19*l* = **65***l*.

Câu 22. Hai can nước mắm loại 5*l* có tổng số lít nước mắm là **10***l*. (5 × 2).

Câu 23. Một can rượu 10*l* nhiều hơn 2 can rượu 3*l* số lít rượu là **4***l*. (10 – 3 × 2).

Câu 24. Hai can 3*l* và 1 can 4*l* có tổng số lít là **10***l*. (3 × 2 + 4).

Câu 25. Một can 5*l* ít hơn 2 can 4*l* số lít là **3***l*. (4 × 2 – 5).

Câu 26. Nếu 1*l* sữa nặng 2kg thì 3*l* sữa nặng là **6kg**. (2 × 3).

Câu 27. Vậy 5*l* nước khoáng nặng là **5kg**. (5 × 1).

Câu 28. Vậy 10 gói đường nặng **5kg**. (10 : 2).

Câu 29. Vậy **10***l* dầu hoả thì nặng 8kg. (5 × 2).

Câu 30. Nếu $x + 35 = 79$ thì $x = 44$. (44 + 35 = 79).

Câu 31. B. Số bạn nữ của khối 1 nhiều hơn số bạn nam của khối 2.
- Khối 1 có số bạn nữ là: 81 – 43 = 38 (bạn).
- Khối 2 có số bạn nam là: 91 – 52 = 39 (bạn).
- Nếu có thêm 3 bạn nữ thì Khối 1 có số bạn nữ là: 38 + 3 = 41 (bạn).

Câu 32. B. Lớp 2B trồng ít hơn lớp 2A là 7 cây.
- Lớp 2A trồng được nhiều hơn lớp 2B là: 25 – 18 = 7 (cây).

Câu 33. C. Cả A và B đều đúng.
- Số học sinh giỏi của lớp 2B là: 12 – 5 = 7 (bạn).
- Số học sinh giỏi của lớp 2A ít hơn của lớp 2B là: 7 – 5 = 2 (bạn).

Câu 34. C. Cả A và B đều đúng.
- Khối 2 có số bạn nữ là: 82 – 47 = 35 (bạn).
- Sau khi có thêm 2 bạn nữ thì khối 2 có số bạn nữ là: 35 + 2 = 37 (bạn).
- Khi có thêm 2 bạn nữ thì khối 2 có số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ là: 47 – 37 = 10 (bạn).

Câu 35. D. Cả A, B và C đều đúng.
- Hai lớp 2B và 2C có tất cả số học sinh là: 92 – 33 = 59 (học sinh).
- Số học sinh lớp 2A ít hơn số bạn nam của khối 2 là: 52 – 33 = 19 (bạn).
- Số học sinh lớp 2A ít hơn số học sinh của hai lớp kia là: 59 – 33 = 26 (bạn).

Câu 36. C. Cả A và B đều đúng.
- Lớp 2A còn lại số học sinh là: 42 – 6 = 36 (học sinh).
- Số học sinh của lớp 2B khi đó là: 32 + 6 = 38 (bạn).
- Số học sinh của lớp 2B khi đó nhiều hơn của lớp 2A là: 38 – 36 = 2 (bạn).

Câu 37. A. x là một số chẵn. ($x = 68$).

Câu 38. B. Huy hơn Huyền 8 viên bi.

- Nếu có thêm 1 viên bi nữa thì Hoàng có số bi là: 6 + 1 = 7 (viên).
- Nếu có thêm 1 viên bi nữa thì Huyền có số bi là: 4 + 1 = 5 (viên).
- Khi đó, Huy hơn Hoàng số bi là: 13 – 7 = 6 (viên).
- Khi đó, Huy hơn Huyền số bi là: 13 – 5 = 8 (viên).

Câu 39. A. Số bi xanh hơn số bi vàng là 16 viên.

- Huy có số bi xanh hơn số bi vàng là: 23 – 7 = 16 (viên).
- Huy có số bi đỏ hơn số bi vàng là: 33 – 7 = 26 (viên).

Câu 40. C. Cả A và B đều đúng.

- Lớp 3A có số bạn nam là: 33 – 19 = 14 (bạn).
- Nếu thêm 4 bạn nữ thì Lớp 3A có số bạn nam ít hơn số bạn nữ là: 19 + 4 – 14 = 9 (bạn).
- Số bạn nữ của lớp 3B là: 43 – 25 = 18 (bạn).
- Nếu thêm 4 bạn nữ thì lớp 3A có số bạn nữ nhiều hơn lớp 3B là: 19 + 4 – 18 = 5 (bạn).

Câu 41. Chu vi của tam giác đó là **135cm**. (34 + 45 + 56 = 135).

Câu 42. Chu vi của tam giác đó là **45cm**. (15 + 15 + 15 = 45).

Câu 43. Chu vi của tứ giác đó là **48dm**. (12 + 12 + 12 + 12 = 48).

Câu 44. Đổi: 1dm = 10cm; 3dm = 30cm.

- Chu vi hình tứ giác đó là: 10 + 25 + 30 + 42 = 107 (cm).
- *Trả lời*: ***107cm***.

Câu 45. Tính: 3 × 4 + 56 = **68**. (12 + 56).

Câu 46. Trong vườn có tất cả **50** cây hai loại. (3 x 6 + 4 x 8 = 50).

Câu 47. Lớp 2A có tất cả **44** học sinh. (10 + 10 + 12 + 12 = 44).

Câu 48. Số hoa cúc nhiều hơn số hoa hồng là **2** cây. (5 × 6 – 4 × 7 = 2).

Câu 49. Số hoa cúc nhiều hơn số hoa hồng là **3** cây. (5 × 7 – 4 × 8 = 3).

Câu 50. Khối 4 trồng được tất cả số cây là **42** cây. (3 × 6 + 4 × 6 = 42).

Câu 51. C. Cả A và B đều đúng.

- Ngày thứ hai bán được số gạo là: 93 – 35 = 58 (kg).
- Ngày thứ hai bán được ít hơn ngày thứ ba số gạo là: 73 – 58 = 15 (kg).

Câu 52. B. can thứ ba là 7*l*.

- Sau khi giót, can thứ hai hơn can thứ nhất là: (8 + 6) – (14 – 6) = 6 (*l*).
- Sau khi giót, can thứ hai hơn can thứ ba là: 8 + 6 – 7 = 7 (*l*).

Câu 53. C. Cả A và B đều đúng.

- Nếu Huy cho Huyền 7 viên thì Huy còn lại số bi là: 24 – 7 = 17 (viên).
- Nếu Huy cho Huyền 7 viên thì Huyền có số bi nhiều hơn Hoàng là: 7 + 7 – 6 = 8 (viên).

Câu 54. C. Cả A và B đều đúng.

- Khối 2 có số bạn nam là: 84 – 49 = 35 (bạn).
- Nếu có thêm 5 bạn nữ thì Khối 2 có số bạn nam ít hơn số bạn nữ là: 49 + 5 – 35 = 19 (bạn).
- Khối 1 có số bạn nữ là: 94 – 55 = 39 (bạn).
- Nếu có thêm 5 bạn nữ thì số bạn nữ của khối 2 nhiều hơn của khối 1 là: 49 + 5 – 39 = 15 (bạn).

Câu 55. C. Cả A và B đều đúng

- Nếu thêm 28 bao thì kho thứ nhất có số gạo nếp là: 36 + 28 = 64 (bao).
- Kho thứ nhất có số gạo tẻ là: 94 – 36 = 58 (bao).
- Kho thứ nhất có số gạo nếp hơn số gạo tẻ là: 64 – 58 = 6 (bao).
- Kho thứ hai có số gạo nếp là: 84 – 45 = 39 (bao).
- Số gạo nếp ở kho thứ nhất hơn kho thứ hai là: 64 – 39 = 25 (bao).

Câu 56. A. Huy còn lại số bi nhiều hơn của Huyền là 18 viên.

- Nếu Huy cho Huyền 2 viên thì Huyền có số bi là: 7 + 2 = 9 (viên).
- Huy còn lại số bi nhiều hơn của Huyền là: 29 – 2 – 9 = 18 (viên).
- Huy còn lại số bi nhiều hơn của Hoàng là: 29 – 2 – 8 = 19 (viên).

Câu 57. B. Bao thứ hai nhiều hơn bao thứ ba 28kg.

- Sau khi đổ, bao thứ nhất còn lại là: 47 – 19 = 28 (kg).
- Sau khi đổ, bao thứ hai nhiều hơn bao thứ ba là: 38 + 19 – 29 = 28 (kg).

Câu 58. B. Số gạo nếp ở kho thứ nhất ít hơn ở kho thứ hai là 18 bao.

- Kho thứ nhất có số gạo tẻ là: 95 – 38 = 57 (bao).
- Sau khi lấy ra, kho thứ nhất có số gạo nếp là: 38 – 19 = 19 (bao).
- Khi đó, kho thứ nhất có số gạo nếp ít hơn số gạo tẻ là: 57 – 19 = 38 (bao).
- Kho thứ hai có số gạo nếp là: 86 – 49 = 37 (bao).
- Khi đó, số gạo nếp ở kho thứ nhất ít hơn kho thứ hai là: 37 – 19 = 18 (bao).

Câu 59. D. Cả A và B đều đúng. (18 – 9 = 9; 198 – 189 = 9).

Câu 60. D. Cả A và B đều sai. (135 – 79 = 56; 246 – 80 = 166)

Câu 61. Lớp 2A có tất cả 34 học sinh. (4 × 4 + 3 × 6 = 34).

Câu 62. Lớp 2A có tất cả 38 học sinh. (10 + 10 + 9 + 9 = 38).

Câu 63. Lớp 2A có số bạn nam nhiều hơn là 4 học sinh. ($2 \times 10 - 2 \times 8 = 4$).

Câu 64. Lớp 2A có tất cả 36 học sinh. ($5 + 4 = 9$; $4 \times 9 = 36$).

Câu 65. Lớp 2A có số bạn nam hơn số bạn nữ là 4 bạn. ($4 \times 5 - 4 \times 4 = 4$).

Câu 66. Có tất cả 28 bánh xe. ($4 \times 4 + 6 \times 2 = 28$).

Câu 67. Số bánh xe 8 chiếc xe máy nhiều hơn là 4 bánh xe. ($8 \times 2 - 3 \times 4 = 4$).

Câu 68. Số chân của 10 con vừa gà vừa chó là 24 chân. ($2 \times 4 + 8 \times 2 = 24$).

Câu 69. Số chân của 10 con vừa chó vừa thỏ là 40 chân. ($2 \times 4 + 4 \times 8 = 40$).

Câu 70. Số chân 8 con gà hơn số chân 2 con chó là 8 chân. ($2 \times 8 - 2 \times 4 = 8$).

Câu 71. C. Cả A và B đều đúng. ($45 - 34 = 11$; $77 - 55 = 22$).

Câu 72. B. 37 và 19. ($37 - 16 = 21$; B. $37 - 19 = 18$).

Câu 73. A. 100 và 77. ($100 - 87 = 13$).

Câu 74. B. 100 và 45. ($100 - 55 = 45$).

Câu 75. A. 100 và 67. ($100 - 33 = 67$).

Câu 76. C. Cả A và B đều đúng. ($100 - 30 = 70$; $100 - 50 = 50$).

Câu 77. B. Huy cho Huyền số bi ít hơn cho Hoàng là 1 viên.

- Huy cho Huyền số bi là: $34 - 8 - 19 = 7$ (viên).
- Huy cho Huyền số bi ít hơn cho Hoàng là: $8 - 7 = 1$ (viên).

Câu 78. B. 10 đoạn. (bạn đọc tự vẽ hình)

Câu 79. A. 3 đoạn. (bạn đọc tự vẽ hình)

Câu 80. B. 6 đoạn. (bạn đọc tự vẽ hình)

Câu 81. Số chân của 14 con vừa gà vừa vịt là 28 chân. ($6 \times 2 + 8 \times 2 = 28$).

Câu 82. Số chân 5 con gà ít hơn 10 con vịt là 10 chân. ($2 \times 10 - 2 \times 5 = 10$).

Câu 83. Cô giáo phải mua tất cả số vở là 64 quyển. ($5 \times 8 + 4 \times 6 = 64$).

Câu 84. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 6cm. ($1 + 2 + 3 = 6$)

Câu 85. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 9cm. ($2 + 3 + 4 = 9$).

Câu 86. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 12cm. ($3 + 4 + 5 = 12$).

Câu 87. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 15cm. ($4 + 5 + 6 = 15$).

Câu 88. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 7cm. ($1 + 2 + 4 = 7$).

Câu 89. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 7cm. ($2 + 2 + 3$).

Câu 90. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là 10cm. ($2 + 4 + 4 = 10$).

Câu 91. C. 73cm. (1dm = 10cm; 4dm = 40cm; $10 + 23 + 40 = 73$).

Câu 92. A. 3cm. ($21 - 18 = 3$).

Câu 93. C. 5cm. ($12 - 7 = 5$).

Câu 94. D. 8cm. ($24 - 16 = 8$).

Câu 95. C. 35cm. (AC = AB + BC = 12 + 23 = 35).

Câu 96. A. 2cm. (ABC = 5 + 2 = 7; BCD = 2 + 3 = 5; 7 – 5 = 2).

Câu 97. A. 2cm. (ABC = 2 + 3 = 5; BCD = 3 + 4 = 7; 7– 5 = 2).

Câu 98. A. 1cm. (ABCD = 5 + 2 + 3 = 10; BCDE = 2 + 3 + 4 = 9; 10 – 9 = 1).

Câu 99. B. 2cm. (ABC = 5 + 2 = 7; BCDE = 2 + 3 + 4 = 9; 9 – 7 = 2).

Câu 100. B. ngày 30. (23 + 7 = 30).

VÒNG 6

Game 1: Bức tranh bí ẩn

61 - 49 (1)	30 - 17 (2)	41 - 30 (3)	60 - 45 (4)	31 - 23 (5)
73 - 16 (6)	33 - 8 (7)	91 - 82 (8)	25 (7)	81 - 72 (8)
18 (9)	34 (10)	40 - 25 (4)	83 - 49 (10)	20 - 7 (2)
93 - 75 (9)	40 - 28 (1)	30 - 19 (3)	57 (6)	71 - 63 (5)

Game 2: Đỉnh núi trí tuệ

Câu 1. D. 30. (5 × 6 = 30).

Câu 2. C. 40. (5 × 8 = 40).

Câu 3. D. 9. (5 × 9 = 45).

Câu 4. C. 5. (5 × 8 = 40).

Câu 5. B. 32. (4 × 8 = 32).

Câu 6. B. 4. (2 × 8 = 16; 3 × 4 = 12; 16 – 12 = 4).

Câu 7. B. 3. (3 × 5 = 15; 2 × 9 = 18; 18 – 15 = 3).

Câu 8. A. 2. (3 × 6 = 18; 9 × 2 = 18).

Câu 9. A. 10 quyển.

- Lớp 2A được thưởng số vở là: 5 × 6 = 30 (quyển).
- Lớp 2B được thưởng số vở là: 5 × 8 = 40 (quyển).
- Lớp 2A được thưởng số vở ít hơn của lớp 2B là: 40 – 30 = 10 (quyển).

Câu 10. C. 20cm. (5 × 4 = 20).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Độ dài đường gấp khúc ABCD đó là **9cm**. ($3 \times 3 = 9$).

Câu 2. Cả 4 tổ trồng được số cây là **84**. ($2 \times 6 + 3 \times 6 + 4 \times 6 + 5 \times 6 = 84$).

Câu 3. Huy có tất cả **56** viên bi. ($3 \times 8 + 4 \times 8 = 56$).

Câu 4. Huy có số bi xanh ít hơn số bi đỏ là **18** viên bi. ($5 \times 9 - 3 \times 9 = 18$).

Câu 5. Huy có tất cả **15** hộp bi. ($36 : 4 + 24 : 4 = 9 + 6 = 15$).

Câu 6. Số hộp bi xanh ít hơn số hộp bi đỏ là **3** hộp. ($40 : 5 - 25 : 5 = 3$).

Câu 7. Huy còn lại tất cả **18** viên bi. ($8 - 2 = 6$; $3 \times 6 = 18$).

Câu 8. Mỗi hộp có số viên bi là **9** viên bi. ($3 \times 5 + 2 \times 6 = 27$; $27 : 3 = 9$).

Câu 9. Mỗi hộp có **5** viên bi. ($2 \times 6 + 3 \times 5 - 2 = 25$; $25 : 5 = 5$).

Câu 10. Mỗi hộp có **9** viên bi. ($3 \times 7 + 4 \times 6 = 45$; $45 : 5 = 9$).

Câu 11. B. 9 giờ tối. ($21 - 12 = 9$).

Câu 12. B. 24 giờ. ($12 + 12 = 24$).

Câu 13. D. Cả A, B, C đều sai. (không có cách gọi khác).

Câu 14. A. 7 giờ sáng. (7 giờ chiều hay 19 giờ các trường không học).

Câu 15. D. Cả B và C. (10 giờ sáng và 5 giờ chiều).

Câu 16. A. Đi học. (Lúc đó các em thường ở trường).

Câu 17. A. Đi ngủ. (Lúc 12 giờ trưa mọi người thường ngủ trưa).

Câu 18. D. Cả A, B và C. (Tháng 2 có thể có 28 hoặc 29 ngày).

Câu 19. D. Cả B và C. (Thứ ba là ngày 10 hoặc 17).

Câu 20. D. Ngày 11. (Thứ hai tuần sau là ngày 10).

Câu 21. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình chữ nhật.

Câu 22. Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình vuông.

Câu 23. Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình tam giác.

Câu 24. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình tứ giác.

Câu 25. Đã tô màu $\frac{1}{5}$ số ô vuông.

Câu 26. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông.

Câu 27. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình tròn.

Câu 28. Đã tô màu $\frac{1}{3}$ hình vẽ.

Câu 29. Đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình vẽ.

Câu 30. Đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình vẽ.

Câu 31. A. Ngày 2. (Từ Chủ nhật đến thứ năm có 4 ngày; $6 - 4 = 2$).

Câu 32. B. Thứ năm. (Hôm nay là Chủ nhật, ngày 9. Chủ nhật tuần sau là 16).

Câu 33. B. Chủ nhật. (Ngày 26 cũng là thứ Tư. Ngày 30 sẽ là Chủ nhật).

Câu 34. C. 8 ngày. (Từ thứ Hai tuần này đến thứ Hai tuần sau có 7 ngày).

Câu 35. D. Thứ Tư. (Hôm nay là Thứ Hai. Trước hôm nay 7 ngày là Thứ Hai).

Câu 36. C. 31 tuổi. ($68 - 37 = 31$).

Câu 37. B. 43 tuổi. ($72 - 29 = 43$).

Câu 38. D. Đáp án khác. ($29 + 35 = 64$; $39 + 42 = 81$; $81 - 64 = 17$).

Câu 39. C. 9 bạn. ($35 + 42 = 77$; $29 + 39 = 68$; $77 - 68 = 9$).

Câu 40. A. 13 bạn. ($42 - 29 = 13$).

Câu 41. Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình vẽ.

Câu 42. Đã tô màu $\frac{1}{2}$ hình vẽ.

Câu 43. Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình vẽ.

Câu 44. Đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình vẽ.

Câu 45. Đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình vẽ.

Câu 46. Biết $y \times 4 = 16 + 8$. Vậy: $y = 6$. ($6 \times 4 = 16 + 8 = 24$).

Câu 47. Biết $5 \times \times = 27 - 12$. Vậy: $y = 3$. ($5 \times 3 = 27 - 12 = 15$).

Câu 48. Biết $y \times 2 = 2 + 12$. Vậy: $y = 7$. ($7 \times 2 = 2 + 12 = 14$).

Câu 49. Biết $3 \times y = 13 + 5$. Vậy: $y = 6$. ($3 \times 6 = 15 + 3 = 18$).

Câu 50. Biết $4 \times y = 17 - 5$. Vậy: $y = 3$. ($4 \times 3 = 17 - 5 = 12$).

Câu 51. A. 6dm. (2dm + 4dm = 6dm).

Câu 52. C. 8dm. (2dm + 4dm + 2dm = 8dm).

Câu 53. C. 6dm. (4dm + 2dm = 6dm).

Câu 54. B. 10dm. (Bố cao hơn Hoàng 8dm. $18 - 8 = 10$).

Câu 55. C. 75 bạn. ($35 + 38 + 42 - 40 = 75$).

Câu 56. A. 5 bạn. ($40 - 35 = 5$).

Câu 57. B. $33 + 34 + 36 + 37$. ($33 + 34 + 36 + 37 = 140$).

Câu 58. C. $89 + 90 + 91$. ($89 + 90 + 91 = 270$).

Câu 59. B. $52 + 54 + 56 + 58$. ($52 + 54 + 56 + 58 = 220$).

Câu 60. A. $21 + 23 + 25 + 27$. ($21 + 23 + 25 + 27 = 96$).

Câu 61. Biết $y \times 5 = 28 - 3$. Vậy : y = 5. ($5 \times 5 = 28 - 3 = 25$).

Câu 62. Sau 15 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 3. (Là kim phút)

Câu 63. Sau 30 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 6.

Câu 64. Sau 45 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 9.

Câu 65. Sau 1 giờ nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 12.

Câu 66. Sau 15 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 6.

Câu 67. Sau 30 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 9.

Câu 68. Sau 45 phút nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 12.

Câu 69. Sau 1giờ nữa thì kim dài của đồng hồ chỉ vào số 3.

Câu 70. Biết $x : 2 = 3 + 5$. Vậy: $x = 16$. ($16 : 2 = 3 + 5$).

Câu 71. A. $6 + 6 + 6 + 6 + 6$. (5×6)

Câu 72. D. Cả A và C. ($5 + 5 + 5 + 5 = 5 \times 4$).

Câu 73. A. 5×3. ($2 + 3 + 5 + 1 + 4 = 15 = 5 \times 3$).

Câu 74. B. $3 + 4 + 5 + 3 + 5$. ($3 + 4 + 5 + 3 + 5 = 20 = 4 \times 5$).

Câu 75. D. Cả A và B. ($3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 4$; $4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 4 \times 5$).

Câu 76. A. $2 + 2 + 2 + 2 + 2$. ($2 \times 5 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2$).

Câu 77. D. Cả C và B. ($4 \times 5 = 5 \times 4 = 20$).

Câu 78. A. 2×6. ($2 \times 6 = 4 \times 3 = 12$).

Câu 79. A. 10*l*. ($5 \times 2 = 10$).

Câu 80. C. 20kg. ($4 \times 5 = 20$).

Câu 81. Biết $x : 5 = 9 - 3$. Vậy: $x = 30$. ($30 : 5 = 9 - 3 = 6$).

Câu 82. Chu vi tam giác ABC là 9cm. ($2 + 3 + 4 = 9$).

Câu 83. Chu vi tam giác ABC là 8cm. ($3 + 3 + 2 = 8$).

Câu 84. Chu vi tứ giác ABCD là 14cm. ($2 + 3 + 4 + 5 = 14$).

Câu 85. Chu vi tứ giác ABCD là 14cm. ($3 \times 2 + 4 \times 2 = 14$).

Câu 86. Cạnh AC dài là 5cm. ($10 - 2 - 3 = 5$).

Câu 87. Cạnh AC dài là 2cm. ($8 - 3 - 3 = 2$).

Câu 88. Cạnh AD dài là 6cm. ($15 - 2 - 3 - 4 = 6$).

Câu 89. Cạnh AD dài là 3cm. ($9 - 2 \times 3 = 3$).

Câu 90. Tích của 1 và 5 lớn hơn thương của 4 và 1 là 1. ($5 \times 1 - 4 : 1 = 1$).

Câu 91. B. 16 bàn. (2 × 8 = 16).

Câu 92. B. 20 bạn. (2 × 5 × 2 = 20).

Câu 93. A. 18*l*. (3 × 6 = 18).

Câu 94. D. 20kg. (4 × 5 = 20).

Câu 95. A. 3 viên. (3 × 4 – 3 × 3 = 3).

Câu 96. D. 20 lớp. (5 × 4 = 20).

Câu 97. C. 32 học sinh. (4 × 8 = 32).

Câu 98. A. Số cây bóng mát ít hơn số cây ăn quả là 4 cây.

– Số cây bóng mát ít hơn số cây ăn quả là: 3 × 4 – 2 × 4 = 4 (cây).

– Tổng số cây cả 2 loại là: 3 × 4 + 2 × 4 = 20 (cây).

Câu 99. A. 25kg. (5 × 5 = 25).

Câu 100. C. 6kg. (3 × 8 = 24; 24 : 4 = 6).

VÒNG 7

Game 1: Sắp xếp

51 (11)	24 (3)	76 (17)	84 - 16 (15)	94 - 9 (20)
64 - 17 (10)	94 - 36 (13)	43 (9)	54 - 25 (4)	20 (2)
82 (19)	84 - 45 (7)	63 (14)	32 (5)	84 - 49 (6)
34 - 18 (1)	94 - 15 (18)	74 - 19 (12)	40 (8)	72 (16)

Game 2: Thế giới côn trùng

Câu 1. A. 10 : 2. (10 : 2 = 5).

Câu 2. B. 2 x 4. (24 : 3 = 2 x 4 = 8).

Câu 3. C. 15. (12 + 12 : 4 = 12 + 3 = 15).

Câu 4. C. 15 : 5. (15 : 5 = 3).

Câu 5. D. 16. (35 – 16 : 4 = 35 – 4 = 31).

Câu 6. B. 95. (15 : 3 + 95 = 5 + 95 = 100).

Câu 7. B. 16 : 4. (16 : 4 = 4).

Câu 8. B. 8. (16 : 2 = 8).

Câu 9. B. 1. (Số bị chia : Số chia = Thương).

Câu 10. C. 4kg. (14 – 2 = 12; 12 : 3 = 4).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Số đó phải có hàng chục là 9. Hàng đơn vị của số đó là: 14 – 9 = 5.

- Số đó là: 95.

*Trả lời: **95**.*

Câu 2. Có 5 số có 2 chữ số mà tổng 2 chữ số bằng 14 là: 95, 59, 86, 68 và 77.

*Trả lời: **5 số**.*

Câu 3. Số lớn là: 94 – 28 = 66.

*Trả lời: **66**.*

Câu 4. Số hạng còn lại là: 84 – 68 = 16.

*Trả lời: **16**.*

Câu 5. Số cây nhãn trong vườn có là: 34 – 9 =25 (cây).

*Trả lời: **25 cây**.*

Câu 6. Hồng có số con tem là: 64 – 15 = 49 (con tem).

*Trả lời: **49 con tem**.*

Câu 7. Tuổi của An hiện nay là: 74 – 65 = 9 (tuổi).

*Trả lời: **9 tuổi**.*

Câu 8. Mảnh vải tím dài là: 94 – 19 = 75 (cm).

*Trả lời: **75 cm**.*

Câu 9. Bao to cân nặng số ki-lô-gam là: 94 – 35 = 59 (kg).

*Trả lời: **59 kg**.*

Câu 10. Thùng to đựng số lít dầu là: 95 – 38 = 57(*l*).

*Trả lời: **57 l**.*

Câu 11. 14 + 15 + 26 + 35 = (14 + 26) + (15 + 35) = 40 + 50 = ***90***.

Câu 12. 24 + a = ***12*** + a + 12. (vì a = a; 24 = 12 + 12).

Câu 13. Cái thước dài hơn cái chì là: 3dm – 15cm = ***15cm***. (3dm = 30cm).

Câu 14. Số bé là: 43 – 34 = ***9***.

Câu 15. Số bé là: 30 – 18 = ***12***.

Câu 16. 43cm = 3dm + ***13***cm. (3dm = 30cm).

Câu 17. So sánh: a + b > a + 1. (Vì a = a và b > 2 nên b > 1.)

Câu 18. 52 + ***2*** > 53. (Vì 52 + 1 = 53.)

Câu 19. Có thể lập: 45 + 12 – 3 = 54

Câu 20. Tổng số tuổi của 2 bạn năm nay là: 12 + 2 = 14 (tuổi).

- Số năm nữa để tổng số tuổi 2 bạn bằng 20 là: (20 – 14) : 2 = ***3*** (năm).

Câu 21. Tuổi của con hiện nay là: 41 – 27 = 14 (tuổi).

*Trả lời: **14** tuổi.*

Câu 22. Tuổi của cháu hiện nay là: 71 – 58 = 13 (tuổi).

*Trả lời: **13** tuổi.*

Câu 23. Tuổi của cháu hiện nay là: 74 – 59 = 15 (tuổi).

*Trả lời: **15** tuổi.*

Câu 24. Lớp 2B trồng được số cây là: 92 – 38 = 54 (cây).

*Trả lời: **54** cây.*

Câu 25. Lớp 2B trồng được số cây là: 38 – 15 = 23 (cây).

*Trả lời: **23** cây.*

Câu 26. Sau khi cho Bình An còn hơn Bình số bi là: 20 – 5 – 5 = 10 (viên).

*Trả lời: **10** viên.*

Câu 27. Nếu cho Tùng 3 viên thì Hoàng còn hơn Tùng là: 8 – 3 – 3 = 2 (viên).

*Trả lời: **2** viên.*

Câu 28. Ta có: 20 + 20 = 40 (viên bi).

- Vậy Sơn cần cho Nam 20 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau.

*Trả lời: **20** viên.*

Câu 29. Ta có: 10 + 10 = 20 (viên bi).

- Vậy Hùng cần cho Dũng 10 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau.

*Trả lời: **10** viên.*

Câu 30. Sau khi cho Tuấn, Tùng còn hơn Tuấn là: 25 – 10 – 10 = 5 (viên bi).

*Trả lời: **5** viên.*

Câu 31. Nếu cho Bình thì An còn hơn Bình số viên bi là: 15 – 5 – 5 = 5 (viên).

*Trả lời: **5** viên.*

Câu 32. Nếu cho Hà thì Hồng còn hơn Hà số viên bi là: 10 – 4 – 4 = 2 (viên).

*Trả lời: **2** viên.*

Câu 33. Nếu cho Lợi thì Thắng còn hơn Lợi số viên bi là: 20 – 8 – 8 = 4 (viên).

*Trả lời: **4** viên.*

Câu 34. Nếu cho Lan thì Mai còn hơn Lan số tem là: 25 – 5 – 5 = 15 (con tem).

*Trả lời: **15** con tem.*

Câu 35. Ta có: 8 + 8 = 16.

- Vậy Hồng phải cho Bình 8 cái thì số kẹo của hai bạn bằng nhau.

*Trả lời: **8** cái.*

Câu 36. Ta có: 15 + 15 = 30.

- Vậy Nga cho Bình 15 nhãn vở thì số nhãn vở của 2 bạn bằng nhau.

*Trả lời: **15** nhãn vở.*

Câu 37. Ta có: 25 + 25 = 50.

- Vậy An phải cho Thái 25 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau.

*Trả lời: **25** viên.*

Câu 38. Nếu cho Huệ thì Lan còn ít hơn Huệ là: 6 + 6 – 10 = 2 (bông).

Trả lời: 2 bông.

Câu 39. Nếu cho Hạnh thì Nga còn ít hơn Hạnh là: 10 + 10 – 15 = 5 (quyển vở).

*Trả lời: **5** quyển vở.*

Câu 40. Nếu cho Tuấn thì An còn ít hơn Tuấn là: 11 + 11 – 20 = 2 (viên).

Trả lời: 2 viên.

Câu 41. Tính: 24 + 36 = ***60***.

Câu 42. Tính: 24cm = ***2***dm ***4***cm.

Câu 43. Đổi: 7 chục kg = 70kg.

- Con chó nặng là: 86 – 70 = ***16*** (kg).

Câu 44. Đổi: 3chục tuổi = 30tuổi.

- Tuổi mẹ năm ngoái là: 8 + 30 – 1 = ***37*** (tuổi).

Câu 45. Số đó là: 80 + 6 – 24 = ***62***.

Câu 46. 4dm = 15cm + ***25***cm. (vì 4dm = 40cm).

Câu 47. a + 1 > a – 1. (a + 1 > a; a – 1 < a).

Câu 48. 25 + **0** < 26. (vì 25 + 0 = 25 < 26).

Câu 49. 39 – 5 + 9 = 43.

Câu 50. Nếu Huy có thêm 5 cái và Hoàng có thêm 10 cái thì Huy có nhiều hơn Hoàng số kẹo là: 12 + 5 – 10 = *7* (cái).

Câu 51. Đổi: 5 chục viên = 50 viên; 3 chục viên = 30 viên.

- Số bi của Huy là: 50 – 30 = 20 (viên).
- Số bi của Đức là: 50 – 35 = 15 (viên).
- Số bi của Huy và Đức là: 20 + 15 = ***35*** (viên).

Câu 52. Số bé nhất có 2 chữ số và chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là: ***10***.

Câu 53. So sánh: 12 + 34 = 46; 87 – 65 = 22; Vậy: 12 + 34 > 87 – 65.

Câu 54. Tổng của 12 và ***44*** bằng 56. (12 + 44 = 56).

Câu 55. Hiệu của 48 và ***22*** bằng 26. (48 – 22 = 26).

Câu 56. Số lớn nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 5 là: 50.

- Số bé nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 5 là: 14.
- Tổng của 2 số đó là: 50 + 14 = ***64***.

Câu 57. Sau khi có thêm 1bạn nữ thì số bạn nữ là: 15 + 1 = 16 (bạn).

- Sau khi có thêm 2 bạn nam thì số bạn nam là: 16 + 5 = 21 (bạn).
- Lúc đầu lớp 2A có số bạn nam là: 21 – 2 = ***19*** (bạn).

Câu 58. Số bé nhất có hiệu 2 chữ số bằng 2 là: ***20***.

Câu 59. Từ các chữ số: 1, 2, 3, có thể viết được ***9*** số có 2 chữ số.

- Các số đó là: 11, 12, 13, 21, 22, 23, 31, 32, 33.

Câu 60. Năm nay anh Huy học lớp: 2 + 4 = 6.

- Số năm nữa để anh Huy học lớp 12 là: 12 – 6 = ***6*** (năm).

Câu 61. Ta có: 47 + 38 = 85; 85 – 26 = 59

- Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là ***59***.

Câu 62. Ta có: 68 + 25 = 93; 93 – 49 = 44

- Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là ***44***.

Câu 63. Ta có: 53 – 28 = 25; 25 + 37 = 62

- Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là ***62***.

Câu 64. Ta có: 91 – 46 = 45; 45 + 19 = 64

- Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là ***64***.

Câu 65. Hôm đó cửa hàng bán được số lít dầu là: 48 + 39 = ***87*** (*l*).

Câu 66. Thùng bé cân nặng số ki-lô-gam là: 95 – 18 = *77* (kg).

Câu 67. Trước khi cho Hà thì Hồng có hơn Hà là: 15 + 15 = ***30*** (con tem).

Câu 68. Trước khi cho Huệ thì Lan có hơn Huệ là: 5 + 5 + 5 = ***15*** (con tem).

Câu 69. Ta có: 1 tuần = 7 ngày.

- Vậy bằng giờ tuần trước là ngày: 21 – 7 = ***14***.

Câu 70. Thứ tư tuần này là ngày: 14 + 7 = 21.

- Từ thứ tư đến thứ sáu có số ngày là: 6 – 4 = 2.
- Thứ sáu tuần này là ngày: 21 + 2 = ***23***.

Câu 71. Tuổi của bố An hiện nay là: 5 × 7 = 35 (tuổi).

*Trả lời: **35 tuổi**.*

Câu 72. Tuổi của mẹ Mai là: 4 × 8 = 32 (tuổi).

*Trả lời: **32 tuổi**.*

Câu 73. Nhà Minh nuôi số con gà là: 5 × 8 = 40 (con).

*Trả lời: **40 con**.*

Câu 74. Băng giấy màu xanh dài là: 4 × 9 = 36 (dm).

*Trả lời: **36 dm**.*

Câu 75. Hạ có số con tem là: 5 × 6 = 30 (con tem).

*Trả lời: **30** con tem.*

Câu 76. 9 túi gạo đó cân nặng tất cả là: 5 × 9 = 45 (kg).

*Trả lời: **45** kg.*

Câu 77. Các hình đó là: AMOP, POND, MBQO, OQCN, AMND, MBCN, ABQP, PQCD, ABCD.

*Trả lời: **9** hình.*

Câu 78. Hình bên có: 8 hình vuông nhỏ, 3 hình to (gồm 4 hình nhỏ ghép lại.)

- Hình bên có tất cả 11 hình vuông.

*Trả lời: **11** hình.*

Câu 79. Các hình đó là: AOB, AOD, BOC, DOC, ABC, BCD, ADC, ABD.

- Hình bên có tất cả 8 hình tam giác.

*Trả lời: **8** hình.*

Câu 80. Các hình đó là: ABM, AMN, ANC, ABN, AMC, ABC.

- Hình bên có tất cả 6 hình tam giác.

*Trả lời: **6** hình.*

Câu 81. Chiều dài của sợi dây khi chưa cắt ra là: 4 × 5 = 20 (dm).

*Trả lời: **20** dm.*

Câu 82. Số kẹo trong túi đó là: 5 × 5 = 25 (chiếc).

*Trả lời: **25** chiếc.*

Câu 83. Độ dài của sợi dây đó trước khi cắt ra là: 5 × 5 + 1 = 26 (dm).

*Trả lời: **26** dm.*

Câu 84. Số gạo có trong bao đó là: 8 × 3 + 2 = 26 (kg).

*Trả lời: **26** kg.*

Câu 85. Có tất cả số lít dầu là: 3 × 10 + 1 = 31 (*l*).

*Trả lời: **31** l.*

Câu 86. Có tất cả số gạo là: 4 × 6 + 1 = 25 (kg).

*Trả lời: **25** kg.*

Câu 87. Túi kẹo đó có số chiếc kẹo là: 4 × 5 + 2 = 22 (chiếc).

*Trả lời: **22** chiếc.*

Câu 88. Số gạo có trong bao đó là: 7 × 5 + 2 = 37 (kg).

*Trả lời: **37** kg.*

Câu 89. Thùng dầu đó chứa tất cả số lít dầu là: 5 × 9 + 3 = 48 (*l*).

*Trả lời: **48** l.*

Câu 90. Số gạo trong bao gạo đó là: $10 \times 5 + 4 = 54$ (kg).

*Trả lời: **54** kg.*

Câu 91. Mỗi bao gạo đó cân nặng là: $20 : 2 = 10$ (kg).

*Trả lời: **10** kg.*

Câu 92. Số bàn cần để cho các bạn ngồi là: $20 : 2 = 10$ (bàn)

*Trả lời: **10** bàn.*

Câu 93. Có tất cả số ki-lô-gam gạo là: $6 \times 5 + 3 = 33$ (kg).

*Trả lời: **33** kg.*

Câu 94. Túi kẹo có số cái kẹo là: $5 \times 5 + 4 = 29$ (cái).

*Trả lời: **29** cái.*

Câu 95. Số gạo có trong bao gạo đó là: $9 \times 3 + 1 = 28$ (kg).

*Trả lời: **28** kg.*

Câu 96. Số quả táo có tất cả là: $10 \times 4 + 1 = 41$ (quả).

*Trả lời: **41** quả.*

Câu 97. Bao gạo đó có số gạo là: $5 \times 8 + 4 = 44$ (kg).

*Trả lời: **44** kg.*

Câu 98. Có tất cả số quyển sách là: $5 \times 8 + 2 = 42$ (quyển).

*Trả lời: **42** quyển.*

Câu 99. Số gạo có tất cả là: $9 \times 5 + 4 = 49$ (kg).

*Trả lời: **49** kg.*

Câu 100. Lớp 2A có số học sinh là: $(10 - 1) \times 3 + 2 = 29$ (bạn)

*Trả lời: **29** bạn.*

VÒNG 8

Game 1: Bức tranh bí ẩn

95 - 18 (1)	85 - 36 (2)	91 - 36 (3)	95 - 27 (4)	66 (5)
60 - 44 (6)	90 - 39 (7)	91 - 18 (8)	42 - 24 (9)	57 (10)
49 + 28 (1)	92 - 35 (10)	55 (3)	56 + 17 (8)	82 - 16 (5)
51 (7)	63 - 47 (6)	49 (2)	47 - 29 (9)	68 (4)

Game 2: Đừng để điểm rơi

Câu 1. C. 4. ($4 \times 4 = 16$).

Câu 2. D. 8. ($8 \times 3 = 24$).

Câu 3. B. 7. ($5 \times 7 = 35$).

Câu 4. A. 9. ($9 \times 2 = 18$).

Câu 5. B. 6. ($6 \times 4 = 16 + 8 = 24$).

Câu 6. B. 3. ($5 \times 3 = 27 - 12 = 15$).

Câu 7. D. 24. ($32 - 32 : 4 = 32 - 8 = 24$).

Câu 8. B. 3. ($36 : 4 - 24 : 4 = 9 - 6 = 3$).

Câu 9. B. 10 hàng. ($20 + 25 + 5 = 50$; $50 : 5 = 10$).

Câu 10. A. 2 hộp. ($24 : 3 - 18 : 3 = 8 - 6 = 2$).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Ta có: $18 : 3 = 6$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 6.

Câu 2. Ta có: $27 : 3 = 9$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 9.

Câu 3. Ta có: $24 : 4 = 6$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 6.

Câu 4. Ta có: $32 : 4 = 8$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 8.

Câu 5. Ta có: $30 : 5 = 6$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 6.

Câu 6. Ta có: $40 : 5 = 8$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 8.

Câu 7. Ta có: $8 \times 2 = 16$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 16.

Câu 8. Ta có: $10 \times 2 = 20$. Vậy số thích hợp điền vào chỗ chấm là 20.

Câu 9. Ta có: $5 \times 9 - 28 = 45 - 28 = 17$.

Câu 10. Ta có: $4 \times 7 + 15 = 28 + 15 = 43$.

Câu 11. Mỗi bạn được số kẹo là: $15 : 3 = 5$ (cái).

*Trả lời: **5** cái.*

Câu 12. Mỗi người được số kẹo là: $30 : 3 = 10$ (cái).

*Trả lời: **10** cái.*

Câu 13. Số chân của 8 con bò là: $8 \times 4 = 32$ (chân)

*Trả lời: **32** chân.*

Câu 14. Số học sinh trong mỗi tổ là: $27 : 3 = 9$ (học sinh).

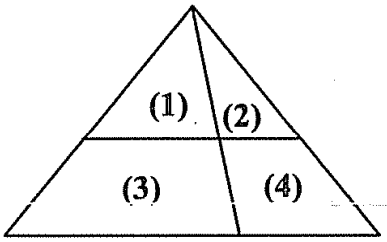
*Trả lời: **9** học sinh.*

Câu 15. Mỗi túi gạo đó cân nặng số ki-lô-gam là: $27 : 3 = 9$ (kg).

*Trả lời: **9** kg.*

Câu 16. Mẹ phải mua số túi gạo là: 24 : 3 = 8 (túi).

Trả lời: 8 túi.

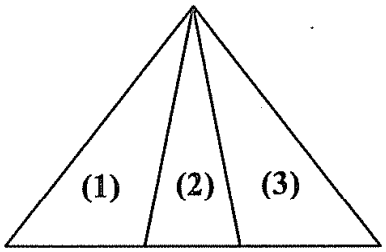


Câu 17. Các tam giác đó là:

(1), (2), (1 + 3), (2 + 4), (1 + 2), (1 + 2 + 3 + 4).

Vậy hình bên có tất cả 6 tam giác.

Trả lời: 6 hình.



Câu 18. Các tam giác đó là:

(1), (2), (3), (1 + 2), (2 + 3), (1 + 2 + 3).

Vậy hình bên có tất cả 6 tam giác.

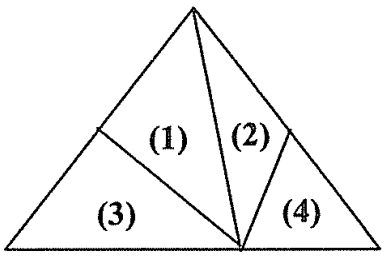
Trả lời: 6 hình.

Câu 19. Các tam giác đó là:

(1), (2), (3), (4), (1 + 3), (2 + 4), (1 + 2 + 3 + 4).

Vậy hình bên có tất cả 7 tam giác.

Trả lời: 7 hình.

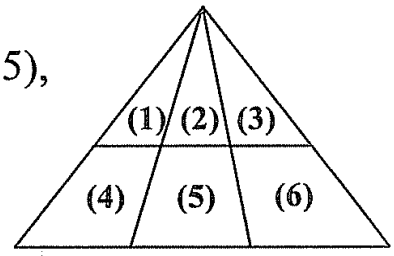


Câu 20. Các tam giác đó là:

(1), (2), (3), (1 + 4), (2 + 5), (3 + 6), (1 + 2 + 4 + 5), (2 + 3 + 5 + 6), (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6).

Vậy hình bên có tất cả 9 tam giác.

Trả lời: 9 hình.



Câu 21. Cần phải lấy số túi gạo là: 20 : 4 = 5 (túi).

Trả lời: 5 túi.

Câu 22. Mỗi tổ có số bạn là: 28 : 4 = 7 (bạn)

Trả lời: 7 bạn.

Câu 23. Mỗi hàng có số bạn là: 32 : 4 = 8 (bạn).

Trả lời: 8 bạn.

Câu 24. Số lọ hoa cắm được là: 30 : 5 = 6 (lọ).

Trả lời: 6 lọ.

Câu 25. Số can chứa hết số dầu đó là: 45 : 5 = 9 (can).

Trả lời: 9 can.

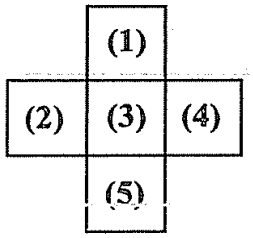
Câu 26. Mỗi bạn có số viên bi là: 50 : 5 = 10 (viên).

Trả lời: 10 viên.

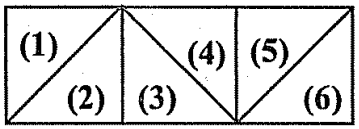
Câu 27. Hình bên có tất cả 11 tứ giác:

(1), (2), (3), (4), (5), (1 + 3), (3 + 5), (2 + 3), (3 + 4), (1 + 3 + 5), (2 + 3 + 4).

Trả lời: 11 hình.



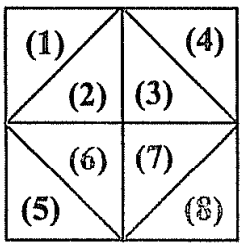
Câu 28. Hình bên có tất cả 13 tứ giác:



(1 + 2), (1 + 2 + 3), (1 + 2 + 3 + 4),
(1 + 2 + 3 + 4 + 5), (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6),
(2 + 3 + 4), (2 + 3 + 4 + 5),
(2 + 3 + 4 + 5 + 6), (3 + 4), (3 + 4 + 5), (3 + 4 + 5 + 6), (4 + 5 + 6), (5 + 6).

Trả lời: 13 hình.

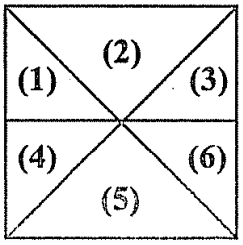
Câu 29. Hình bên có tất cả 15 tứ giác:



(1 + 2), (1 + 2 + 3), (1 + 2 + 3 + 4), (1 + 2 + 6),
(1 + 2 + 5 + 6), (2 + 3 + 4), (2 + 3 + 6 + 7), (2 + 6 + 5),
(3 + 4), (3 + 7 + 8), (5 + 6), (5 + 6 + 7), (5 + 6 + 7 + 8),
(6 + 7 + 8), (7 + 8).

Trả lời: 15 hình.

Câu 30. Hình bên có tất cả 7 tứ giác:



(1 + 2), (1 + 2 + 3), (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6),
(2 + 3), (4 + 5), (4 + 5 + 6), (5 + 6).

Trả lời: 7 hình.

Câu 31. Bác An đã bán đi số con gà là: 27 : 3 = 9 (con).

Trả lời: 9 con.

Câu 32. Tuổi của con hiện nay là: 40 : 4 = 10 (tuổi).

Trả lời: 10 tuổi.

Câu 33. Tuổi của con hiện nay là: 45 : 5 = 9 (tuổi).

Trả lời: 9 tuổi.

Câu 34. Có tất cả số ki-lô-gam gạo là: 3 × 8 = 24 (kg).

- Nếu đựng vào các túi 4kg thì được số túi là: 24 : 4 = 6 (túi).

Trả lời: 6 túi.

Câu 35. Có tất cả số ki-lô-gam gạo là: 5 × 8 = 40 (kg).

- Nếu đựng vào các túi 4kg thì được số túi là: 40 : 4 = 10 (túi).

Trả lời: 10 túi.

Câu 36. Có tất cả số bông hoa là: 3 × 8 + 1 = 25 (bông).

- Nếu cắm vào mỗi lọ 5 bông thì cắm được số lọ là: 25 : 5 = 5 (lọ).

Trả lời: 5 lọ.

Câu 37. Bố hơn con số tuổi là: 40 – 9 = 31 (tuổi).

- Tuổi của con khi bố 52 tuổi là: 52 – 31 = 21 (tuổi).

Trả lời: 21 tuổi.

Câu 38. Ông nội hơn bố số tuổi là: 70 – 41 = 29 (tuổi).

- Khi ông nội bằng tuổi bố hiện nay thì bố có số tuổi là: 41 – 29 = 12 (tuổi).

Trả lời: 12 tuổi.

Câu 39. Hà có nhiều hơn Bình số bi là: 9 + 8 + 9 = 26 (viên).

Trả lời: 26 viên.

Câu 40. Hà có nhiều hơn Lan số bi là: 10 + 10 – 2 = 18 (viên).

Trả lời: 18 viên.

Câu 41. Mảnh vải xanh dài là: 95 – 16 = 79 (cm).

Trả lời: 79cm.

Câu 42. Các số chẵn có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 5 là: 14, 32 và 50.

- Tổng của các số chẵn đó là: 14 + 32 + 50 = 96.

Trả lời: 96.

Câu 43. Số đó là: 75 – 43 = 32.

- Số đó trừ đi 15 được kết quả là: 32 – 15 = 17.

Trả lời: 17.

Câu 44. Sau khi cho Bình, Hoà còn số kẹo là: 12 – 3 = 9 (cái).

- Sau khi được Hoà cho, Bình có số kẹo là: 9 + 5 = 14 (cái).
- Lúc đầu BÌnh có số kẹo là: 14 – 3 = 11 (cái).

Trả lời: 11cái.

Câu 45. Hiệu của hai số đó sau khi thêm vào số bị trừ là: 16 + 22 = 38.

Trả lời: 38.

Câu 46. Khoảng cách gữa 2 số là: 5 – 2 = 8 – 5 = 11 – 8 = 3.

- Số tiếp theo trong dãy: 2, 5, 8, 11, ... là: 11 + 3 = 14

Trả lời: 14.

Câu 47. Số bánh có trong 5 hộp bánh đó là: 4 x 5 = 20 (chiếc).

Trả lời: 20 chiếc.

Câu 48. $3 \times 4 < 4 \times 4 < 4 \times 5$. Vậy: y = 4.

Trả lời: 4.

Câu 49. Khi xoá chữ số 7 của số 47 thì số này giảm đi là: 47 – 4 = 43.

Trả lời: 43.

Câu 50. Số đó là: 91 + 35 = 126.

Trả lời: 126.

Câu 51. Chu vi của hình tam giác đó là: 9 + 12 + 8 = 29 (dm).

Trả lời: 29dm.

Câu 52. Chu vi của tam giác đó tăng thêm là: 3 × 3 = 9 (dm).

- Chu vi của hình tam giác mới là: 18 + 9 = 27 (dm).

Trả lời: ***27dm.***

Câu 53. Chu vi của tam giác đó giảm đi là: 4 × 3 = 12 (cm).

- Chu vi của hình tam giác mới là: 30 – 12 = 8 (cm).

Trả lời: ***8cm.***

Câu 54. Chu vi của tam giác đó giảm đi là: 2 × 3 = 6 (cm).

- Chu vi của hình tam giác mới là: 27 – 6 = 21 (cm).

Trả lời: ***21cm.***

Câu 55. Chu vi của hình tứ giác đó là: 8 + 13 + 7 + 14 = 42 (dm).

Trả lời: ***42dm.***

Câu 56. Chu vi của tứ giác đó tăng thêm là: 2 × 4 = 8 (cm).

- Chu vi của hình tứ giác mới là: 28 + 8 = 36 (cm).

Trả lời: ***36cm.***

Câu 57. Chu vi của tứ giác đó giảm đi là: 2 × 4 = 8 (cm).

- Chu vi của hình tứ giác mới là: 40 – 8 = 32 (cm).

Trả lời: ***32cm.***

Câu 58. Chu vi hình tam giác là: 15 + 15 + 15 = 45 (cm).

- Chu vi hình vuông là: 11 + 11 + 11 + 11 = 44 (cm).
- Vậy hình tam giác có chu vi lớn hơn.

Trả lời: ***Hình tam giác.***

Câu 59. Chu vi tam giác ABC là: 4 + 3 + 5 = 12 (cm).

- Chu vi tam giác ADC là: 4 + 3 + 5 = 12 (cm).
- Tổng chu vi của 2 tam giác ABC và ADC là: 12 + 12 = 24 (cm).

Trả lời: ***24cm.***

Câu 60. Mỗi mảnh cắt ra có độ dài các cạnh là 4cm, 2cm, 4cm và 2cm.

- Chu vi của mỗi mảnh cắt ra là: 4 + 2 + 4 + 2 = 12 (cm).

Trả lời: ***12cm.***

Câu 61. Mỗi túi có số viên bi là: 5 × 2 = 10 (viên).

- Số bi có trong cả 2 túi là: 10 × 2 = 20 (viên).

Trả lời: ***20 viên.***

Câu 62. Mỗi túi có số viên bi là: 4 × 2 = 8 (viên).

- Số bi có trong cả 3 túi là: 8 × 3 = 24 (viên).

Trả lời: ***24 viên.***

Câu 63. Mẹ Mai hơn Mai số tuổi là: 35 – 8 = 27 (tuổi).

- Tuổi của mẹ Mai khi Mai 20 tuổi là: 20 + 27 = 47 (tuổi).
- Tổng số tuổi của hai mẹ con khi đó là: 20 + 47 = 67 (tuổi).

*Trả lời: **67 tuổi.***

Câu 64. Số sách cô giáo đã nhận về là: 4 × 10 = 40 (quyển).

*Trả lời: **40 quyển.***

Câu 65. 8 xe ô tô loại 4 bánh có tất cả số bánh xe là: 4 × 8 = 32 (bánh).

- Vậy 9 xe ô tô đó có tất cả số bánh xe là: 32 + 6 = 38 (bánh).

*Trả lời: **38 bánh.***

Câu 66. Tổng đo dài 2 cạnh của tam giác đó là: 21 + 30 = 51(cm).

- Số đo cạnh còn lại của tam giác đó là: 90 – 51 = 39 (cm).

*Trả lời: **39cm.***

Câu 67. Từ thứ Năm tuần trước đến thứ Sáu tuần này có: 7 + 1 = 8 (ngày).

- Vậy thứ Sáu tuần này sẽ là ngày: 19 + 8 = 27.

Trả lời: 27.

Câu 68. Từ hôm nay đến thứ Tư tuần sau có số ngày là: 7 – 2 = 5 (ngày).

- Vậy thứ Tư tuần sau sẽ là ngày: 18 + 5 = 23.

Trả lời: 23.

Câu 69. Số cần tìm đó là: 72 – 27 = 45.

Trả lời: 45.

Câu 70. Từ thứ Hai tuần trước đến thứ Tư tuần này có: 7 + 2 = 9 (ngày).

- Vậy thứ Tư tuần này sẽ là ngày: 14 + 9 = 23.

Trả lời: 23.

Câu 71. Ta có: 20 – 16 = 4; 4 × 3 = 12. Vậy số điền vào chỗ chấm là ***12.***

Câu 72. Ta có: 41 – 36 = 5; 5 × 4 = 20. Vậy số điền vào chỗ chấm là ***20.***

Câu 73. Ta có: 4 + 4 = 8; 8 × 5 = 40. Vậy số điền vào chỗ chấm là ***40.***

Câu 74. Ta có: 5 + 2 = 7; 7 × 4 = 28. Vậy số điền vào chỗ chấm là ***28.***

Câu 75. Anh hơn em số tuổi là: 21 – 12 = 9 (tuổi).

- Khi em bằng tuổi anh hiện nay thì tuổi anh là: 21 + 9 = 30 (tuổi).
- Tổng số tuổi của hai anh em khi đó là: 21 + 30 = ***51*** (tuổi).

Câu 76. Ông nội hơn bố Lan số tuổi là: 71 – 42 = 29 (tuổi).

- Khi ông bằng tuổi bố Lan hiện nay thì tuổi của bố Lan là:
  42 – 29 = 13 (tuổi).
- Tổng số tuổi của bố Lan và ông nội khi đó là: 13 + 42 = ***55*** (tuổi).

Câu 77. Có tất cả số gạo là: $5 \times 8 = 40$ (kg).

- Nếu chia số gạo đó vào các túi 4kg thì được số túi là: $40 : 4 = \boldsymbol{10}$ (túi).

Câu 78. Có tất cả số gạo là: $6 \times 5 = 30$ (kg).

- Nếu chia số gạo đó vào các túi 3kg thì được số túi là: $30 : 3 = \boldsymbol{10}$ (túi).

Câu 79. Ta có $3 \times 7 = 21 > 20$; $3 \times 6 = 18 < 20$.

- Vậy số phải tìm là: ***6***.

Câu 80. Ta có: $9 \times 4 = 36 > 35$; $8 \times 4 = 32 < 35$.

- Vậy số phải tìm là: ***8***.

Câu 81. Tính: $3 \times 6 + 27 = 18 + 27 = \boldsymbol{45}$.

Câu 82. Tính: $4 \times 8 - 19 = 32 - 19 = \boldsymbol{13}$.

Câu 83. Tính: $5 \times 8 - 22 = 40 - 22 = \boldsymbol{18}$.

Câu 84. Tính: $36 : 4 + 39 = 9 + 39 = \boldsymbol{48}$.

Câu 85. Tính: $40 : 5 + 47 = 8 + 47 = \boldsymbol{55}$.

Câu 86. Tính: $15 : 5 \times 5 = 3 \times 5 = \boldsymbol{15}$.

Câu 87. Tính: $20 : 4 \times 5 = 5 \times 5 = \boldsymbol{25}$.

Câu 88. Ta thấy: $4 \times 6 = 24$; $4 \times 7 = 28$.

- Vậy số cần tìm là: ***6***.

Câu 89. Ta thấy: $5 \times 7 = 35$; $5 \times 8 = 40$.

- Vậy số cần tìm là: ***6***.

Câu 90. Ta thấy: $5 \times 9 = 45$; $5 \times 10 = 50$.

- Vậy số cần tìm là: ***9***.

Câu 91. Số đó phải có chữ số hàng trăm bằng 1, hàng chục bằng 2.

- Chữ số hàng đơn vị của số đó là: $11 - 1 - 2 = 8$. Số đó là: 128.

Trả lời: ***128***.

Câu 92. Số đó phải có chữ số hàng trăm bằng 8, hàng đơn vị bằng 0.

- Chữ số hàng chục của số đó là: $9 - 8 - 0 = 1$. Số đó là: 810.

Trả lời: ***810***.

Câu 93. Số lít dầu có tất cả là: $5 \times 6 = 30$ (l).

- Nếu dùng loại can, mỗi can $3l$ thì cần số can là: $30 : 3 = 10$ (can)

Trả lời: ***10can***.

Câu 94. Sau 3 năm nữa tổng số tuổi của 2 người tăng thêm là: $2 \times 3 = 6$ (tuổi).

- Tổng số tuổi của bố Lan và mẹ Lan sau 3 năm nữa là: $68 + 6 = 74$ (tuổi).

Trả lời: ***74 tuổi***.

Câu 95. Mẹ An nhiều hơn An số tuổi là: 49 – 20 = 29 (tuổi).

- Khi An lên 9 tuổi thì tuổi của mẹ An là: 9 + 29 = 38 (tuổi).
- Tổng số tuổi của hai mẹ con An khi An lên 9 tuổi là: 38 + 9 = 47 (tuổi).

*Trả lời: **47 tuổi.***

Câu 96. Mẹ Mai nhiều hơn Mai số tuổi là: 38 – 10 = 28 (tuổi).

- Khi mẹ Mai 42 tuổi thì tuổi của Mai là: 42 – 28 = 14 (tuổi).
- Tổng số tuổi hai mẹ con khi mẹ Mai 42 tuổi là: 42 + 14 = 56 (tuổi).

*Trả lời: **56 tuổi.***

Câu 97. Số bi của Cường trước khi cho Minh là: 10 + 4 = 14 (viên).

- Lúc đầu Cường có số viên bi là: 14 – 2 = 12 (viên).

*Trả lời: **12 viên.***

Câu 98. Số bi của Huy lúc đầu là: 10 + 2 = 12 (viên).

- Lúc đầu Hoàng có số viên bi là: 10 – 2 = 8 (viên).
- Lúc đầu Huy có nhiều hơn Hoàng số bi là: 12 – 8 = 4 (viên).

*Trả lời: **4 viên.***

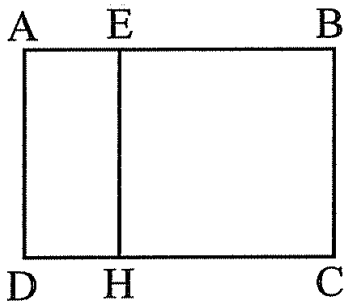
Câu 99.



- Độ dài đoạn AC là: 1 + 3 = 4 (cm).
- Độ dài đoạn BD là: 3 + 2 = 5 (cm).
- Độ dài đoạn AD là: 1 + 3 + 2 = 6 (cm).
- Tổng độ dài các đoạn thẳng đó là: 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 = 21 (cm).

*Trả lời: **21cm.***

Câu 100. Chu vi hình AEHD = AE + EH + HD + AD.



- Chu vi hình BCHE = BC + CH + HE + EB.
- Tổng chu vi của 2 hình đó =

AE + EH + HD + AD + BC + CH + HE + EB.

= AE + EB + CH + HD + EH + AD + BC + HE.

= AB + DC + EH + AD + BC + HE.

= 4 + 4 + 3 + 3 + 3 + 3 = 20 (cm).

*Trả lời: **20cm.***

VÒNG 9

Game 1: Sắp xếp

21 (4)	91 - 17 (17)	61 - 45 (2)	46 - 19 (6)	37 + 49 (19)
81 - 25 (13)	41 (9)	73 + 17 (20)	18 + 17 (8)	9 (1)
90 - 32 (14)	93 - 25 (16)	50 (12)	17 + 29 (10)	18 + 8 (5)
91 - 43 (11)	50 - 32 (3)	79 (18)	60 (15)	30 (7)

Game 2: Mười hai con giáp

Câu 1. D. 10. (10 : 2 = 5).

Câu 2. B. 30. (30 : 5 = 6).

Câu 3. B. 16. (16 : 4 = 4).

Câu 4. A. 1. (8 : 8 = 1; 6 : 6 = 1; ....)

Câu 5. D. 32. (32 : 4 = 4 + 4 = 8).

Câu 6. B. 45. (45 : 5 = 67 – 58 = 9).

Câu 7. A. 24. (24 : 3 = 4 × 2 = 8).

Câu 8. B. 18. (18 : 3 = 24 : 4 = 6).

Câu 9. C. 9cm. (3 × 3 = 9).

Câu 10. D. 16cm. (5 × 2 + 3 × 2).

Câu 11. A. 20 + 30 + 50. (20 + 30 + 50 = 100).

Câu 12. C. 11 học sinh. (124 + 135 = 259; 122 + 126 = 248; 259 – 248 = 11).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ***20*** cm = 2 dm.

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 1 m = ***100*** cm.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ***5*** m = 50 dm.

Câu 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ***10*** dm = 1 m.

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 95m – 68m = ***27*** m.

Câu 6. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 28m + 17m = ***45*** m.

Câu 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 30m – ***14***m = 16 (m).

Câu 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: ***55***m – 29m = 26m.

Câu 9. Cả hai băng giấy đó dài là: 5 + 8 = ***13*** (m).

Câu 10. Chu vi mảnh đất đó là: 6 + 8 + 10 = ***24*** (m).

Câu 11. Người đó còn phải đi số ki-lô-mét nữa là: 90 – 26 = 64 (km).

Trả lời: ***64km.***

Câu 12. Vụ này nhà em thu được số thóc là: 825 + 150 = 975 (kg).

Trả lời: ***975kg.***

Câu 13. Cô giáo đã nhận về số sách là: 4 × 10 = 40 (quyển).

Trả lời: ***40 quyển.***

Câu 14. Số bông hoa cắm đủ 8 lọ hoa đó là: 8 × 5 = 40 (bông).

- Mẹ mua về tất cả số bông hoa là: 40 + 3 = 43 (bông).

Trả lời: ***43 bông.***

Câu 15. Số sách đủ để phát cho 4 tổ, mỗi tổ 5 quyển là: 4 × 5 = 20 (quyển).

- Cô giáo đã nhận về số sách là: 20 – 1 = 19 (quyển).

Trả lời: ***19 quyển.***

Câu 16. Số sách đủ để phát cho 5 tổ, mỗi tổ 7 quyển là: 5 × 7 = 35 (quyển).

- Cô giáo đã nhận về số sách là: 35 – 2 = 33 (quyển).

Trả lời: ***33 quyển.***

Câu 17. Các đoạn thẳng: AB, BC, CD, DE, AC, BD, CE, AD, BE và AE.

- Vậy: Trong hình vẽ có 10 đoạn thẳng.

Trả lời: ***10 đoạn thẳng.***

Câu 18. Các tứ giác: AMNC, ABDC, MBDN, AMDN, AMDC, ABDN.

- Vậy: Trong hình vẽ có 6 hình tứ giác.

Trả lời: ***6 hình.***

Câu 19. Các đoạn thẳng: AM, MB, BD, AC, CN, ND, AN, MN,MD, AB, CD.

- Vậy: Trong hình vẽ có 11 đoạn thẳng.

Trả lời: ***11 đoạn thẳng.***

Câu 20. Các tam giác: AMO, ANO, MOH, NOH, MBH, CNH,
AMN, AMH, ANH, MNH, AHC, AHB, ABC.

- Vậy: Trong hình vẽ có 13 hình tam giác.

Trả lời: ***13 tam giác.***

Câu 21. Lớp 2A có số học sinh là: 4 × 8 = 32 (học sinh).

Trả lời: ***32 học sinh.***

Câu 22. Số gạo có tất cả là: 9 × 4 + 2 = 38 (kg).

Trả lời: ***38kg.***

Câu 23. Cửa hàng phải dùng số can là: 40 : 5 = 8 (can).

*Trả lời: **8 can.***

Câu 24. Số hộp bánh có trong 4 thùng đó là: 2 × 4 = 8 (hộp).

- Số gói bánh có trong 4 thùng đó là: 8 × 5 = 40 (gói).

*Trả lời: **40 gói.***

Câu 25. Số hộp bánh có trong 5 thùng đó là: 2 × 5 = 10 (hộp).

- Số gói bánh có trong 5 thùng đó là: 10 × 5 = 50 (gói).

*Trả lời: **50 gói.***

Câu 26. Số đó nhân với 5 được kết quả là: 41 + 4 = 45.

- Số phải tìm đó là: 45 : 5 = 9.

Trả lời: 9.

Câu 27. Số đó đem chia cho 5 được kết quả là: 28 : 4 = 7.

- Số phải tìm đó là: 7 × 5 = 35.

Trả lời: 35.

Câu 28. Số đó phải có chữ số hàng đơn vị là 0, hàng chục là 1.

- Chữ số hàng trăm của số đó là: 7 – 0 – 1 = 6.
- Số phải tìm là: 610.

*Trả lời: **610.***

Câu 29. Số đó phải có chữ số hàng trăm là 1, hàng chục là 0.

- Chữ số hàng đơn vị của số đó là: 9 – 0 – 1 = 8.
- Số phải tìm là: 108.

*Trả lời: **108.***

Câu 30. Số đó phải có chữ số hàng đơn vị là 1, hàng chục là 0.

- Chữ số hàng trăm của số đó là: 10 – 1 – 0 = 9.
- Số phải tìm là: 901.

*Trả lời: **901.***

Câu 31. Chu vi hình tam giác đó là: 3 × 8 = 24 (cm).

*Trả lời: **24cm.***

Câu 32. Trường Kim Liên có số học sinh là: 985 – 85 = 900 (học sinh).

*Trả lời: **900 học sinh.***

Câu 33. Số túi gạo sau khi chia là: 45 : 5 = 9 (túi).

*Trả lời: **9 túi.***

Câu 34. Số đó đem nhân với 5 thì được kết quả là: 32 + 3 = 35.

- Số đó là: 35 : 5 = 7.

Trả lời: 7.

Câu 35. Số đó đem chia cho 5 thì được kết quả là: 10 – 2 = 8.

- Số đó là: 8 × 5 = 40.

Trả lời: 40.

Câu 36. Số đó đem chia cho 3 thì được kết quả là: 40 : 4 = 10.

- Số đó là: 10 × 3 = 30.

Trả lời: 30.

Câu 37. Số nhỏ nhất có 3 chữ số là: 100.

Trả lời: 100.

Câu 38. Số lớn nhất có 3 chữ số là: 999.

Trả lời: 999.

Câu 39. Số lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 16 là: 970.

Trả lời: 970.

Câu 40. Số nhỏ nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 12 là: 129.

Trả lời: 129.

Câu 41. Số học sinh của trường Kim Đồng là: 931 + 64 = 995 (học sinh).

Trả lời: 995 học sinh.

Câu 42. Số túi gạo sau khi chia là: 36 : 4 = 9 (túi).

Trả lời: 9 túi.

Câu 43. Nhà bác An nuôi số con vịt là: 350 – 110 = 240 (con).

Trả lời: 240 con.

Câu 44. Số đó nhân với 4 được kết quả là: 35 + 5 = 40.

- Số đó là: 40 : 4 = 10.

Trả lời: 10.

Câu 45. Số đó chia cho 5 được kết quả là: 12 – 3 = 9.

- Số đó là: 9 × 5 = 45.

Trả lời: 45.

Câu 46. Số đó chia cho 4 được kết quả là: 24 : 3 = 8.

- Số đó là: 8 × 4 = 32.

Trả lời: 32.

Câu 47. Số nhỏ nhất có 3 chữ số và tổng các chữ số bằng 5 là: 104.

Trả lời: 104.

Câu 48. Số nhỏ nhất có 3 chữ số và tổng các chữ số bằng 15 là: 159.

Trả lời: 159.

Câu 49. Số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau và tổng các chữ số bằng 6 là: 510.

Trả lời: 510.

Câu 50. Số bé nhất có 3chữ số khác nhau và tổng các chữ số bằng 8 là: 107.

*Trả lời: **107***

Câu 51. Trường Bình Minh có số học sinh nữ là: 965 – 510 = 455 (học sinh).

*Trả lời: **455 học sinh.***

Câu 52. Mỗi bạn được chia số quả táo là: 30 : 5 = 6 (quả).

*Trả lời: **6 quả.***

Câu 53. Số đó đem chia cho 4 thì được kết quả là: 1 + 5 = 6.

- Số đó là: 6 × 4 = 24.

*Trả lời: **24.***

Câu 54. Số đó đem chia cho 5 thì được kết quả là: 5 + 5 = 10.

- Số đó là: 5 × 10 = 50.

*Trả lời: **50.***

Câu 55. Số đó đem chia cho 3 thì được kết quả là: 40 : 5 = 8.

- Số đó là: 8 × 3 = 24.

*Trả lời: **24.***

Câu 56. Số đó đem nhân với 3 thì được kết quả là: 6 × 5 = 30.

- Số đó là: 30 : 3 = 10.

*Trả lời: **10.***

Câu 57. Số các số có 3 chữ số nhỏ hơn 175 là: 175 – 100 = 75 (số).

*Trả lời: **75 số.***

Câu 58. Số nhỏ nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 18 là: 189.

*Trả lời: **189.***

Câu 59. Số lớn nhất có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 10 là: 910.

*Trả lời: **910.***

Câu 60. Các số cần viết là: 102, 120, 111, 201, 210, 300.

- Vậy có 6 số có 3 chữ số mà tổng các chữ số bằng 3.

*Trả lời: **6 số.***

Câu 61. Trường Hoa Sen có số học sinh nữ là: 955 – 505 = 450 (học sinh).

*Trả lời: **450 học sinh nữ.***

Câu 62. Mỗi bạn được số quả táo là: 35 : 5 = 7 (quả).

*Trả lời: **7 quả.***

Câu 63. Cô giáo có số cái kẹo là: 10 × 4 + 2 = 42 (cái).

*Trả lời: **42 cái.***

Câu 64. Số đó đem chia cho 4 được kết quả là: 4 + 4 = 8.

- Số đó là: 8 × 4 = 32.

Trả lời: 32.

Câu 65. Số bé nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 10 là: 109.

*Trả lời: **109**.*

Câu 66. Từ 200 đến 299 có tất cả 100 số có 3 chữ số.

- Vậy: Có 100 số có 3 chữ số có chữ số hàng trăm bằng 2?

*Trả lời: **100** số.*

Câu 67. Số lớn nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 20 là: 992.

*Trả lời: **992.***

Câu 68. Số chẵn bé nhất có 3 chữ số khác nhau có tổng 2 chữ số bằng 12: 138.

*Trả lời: **138**.*

Câu 69. Trong hình vẽ có: 9 tam giác đơn, 3 tam giác bốn và 1 tam giác lớn.

- Vậy trong hình bên có tất cả 13 tam giác.

*Trả lời: **13** tam giác.*

Câu 70. Trong hình vẽ có: 4 tứ giác đơn, 4 tứ giác ghép đôi và 1 tứ giác lớn.

- Vậy: Hình bên có tất cả 9 tứ giác.

*Trả lời: **9** tứ giác.*

Câu 71. 125 – a × 4 + 35 : a = 125 – 5 × 4 + 35 : 5 = 125 – 20 + 7 = ***112***.

Câu 72. Tổng của số bé nhất và số lớn nhất có 2 chữ số mà tổng các chữ số bằng 12 là: 39 + 93 = ***132***.

Câu 73. 86 – (*x* + *x*) = 68.

x + *x* = 86 – 68 = 18.

x = ***9***. (vì 9 + 9 = 18).

Câu 74. Tổng sẽ tăng thêm là: 54 – 45 = ***9***.

Câu 75. Số dầu có trong các can 2 lít là: 6 × 2 = 12 (l).

- Số can 3 lít là: (24 – 12) : 3 = ***4*** (can).

Câu 76. b × 1 – b : 1 + 246 = b – b + 246 = ***246***.

Câu 77. Hồng đã cho Hà số bi là: 10 : 2 = ***5*** (viên).

Câu 78. Hình vẽ có: ***2*** tứ giác và ***12*** tam giác.

Câu 79. Viết các số tự nhiên từ 1 đến 20 phải viết ***12*** chữ số 1 (10 chữ số ở hàng chục và 2 chữ số ở hàng đơn vị), ***3*** chữ số 2 (1 chữ số ở hàng chục và 2 chữ số ở hàng đơn vị).

Câu 80. Tổng số tuổi hai anh em hiện nay là: 18 + 3 × 2 = 24 (tuổi).

- Tổng số tuổi hai anh em 2năm nữa là: 24 + 2 × 2 = ***28*** (tuổi).

Câu 81. D. 60kg.

- Sau khi đổ bao thứ nhất còn lại số gạo là: 65 – 15 = 50 (kg).
- Sau khi đổ bao thứ hai có số gạo là: 50 + 25 = 75 (kg).
- Bao thứ hai có số gạo là: 75 – 15 = 60 (kg).

Câu 82. B. Giảm đi 22 đơn vị.

- Tổng đó giảm đi là: 57 – 35 = 22.

Câu 83. B. 9 bạn.

- Khi đó số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là: 15 – 4 – 2 = 9 (bạn).

Câu 84. D. 5 bi xanh và 4 bi đỏ.

- Số bé nhất có 2 chữ số là: 10.
- 3 lần số bi xanh là: 10 + 5 = 15 (viên).
- Số bi xanh là: 15 : 3 = 5 (viên).
- 2 lần số bi đỏ là: 5 + 3 = 8 (viên).
- Số bi đỏ là: 8 : 2 = 4 (viên).

Câu 85. C. 5cm và 8cm.

- 4 cạnh của tứ giác đó là: 5cm, 6cm, 7cm và 8cm.

Câu 86. D. 96kg.

- Thửa ruộng thứ hai thu được là: 276kg.
- Thửa ruộng thứ nhất thu được là: 456 – 276 = 180 (kg).
- Thửa ruộng thứ hai thu được nhiều hơn số thóc là: 276 – 180 = 96 (kg).

Câu 87. D. 8 tuổi.

- Tuổi của anh gấp 3 lần tuổi của em.
- Tuổi em hiện nay là: 12 : 3 = 4 (tuổi).
- Anh hơn em số tuổi là: 12 – 4 = 8 (tuổi).

Câu 88. A. 1kg.

- Tổng số gạo có là: 7 × 4 + 3 = 31 (kg).
- 5 túi có số gạo là: 5 × 6 = 30 (kg).
- Số gạo thừa ra là: 31 – 30 = 1 (kg).

Câu 89. C. 15 viên.

- Anh có nhiều hơn em số bi là: 5 + 5 × 2 = 15 (viên).

Câu 90. A. 4.

- Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau là: 102.
- Số lớn nhất có 2 chữ số khác nhau là: 98.
- Hiệu bé nhất đó là: 102 – 98 = 4.

Câu 91. Số đó nhân với 5 được kết quả là 30.

- Số đó là: 30 : 5 = 6.

Trả lời: 6.

Câu 92. Tổng số tuổi của 3 bạn hiện nay là: 3 × 8 = 24 (tuổi).

- Tổng số tuổi của 3 bạn 3 năm sau là: 3 × 3 + 24 = 33 (tuổi).

Trả lời: 33 tuổi.

Câu 93. Độ dài mỗi cạnh còn lại đó là: (11 – 2) : 3 = 3 (cm).

Trả lời: 3cm.

Câu 94. Số lớn nhất có 3 chữ số là: 999.

- Số lớn nhất có 2 chữ số là: 99.
- Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau là: 102.
- Số đó là: 999 – (102 – 99) = 996.

Trả lời: 996.

Câu 95. Số dầu ở can thứ nhất lúc đầu là: 8 × 2 = 16 (*l*).

- Nửa số dầu trong can thứ nhất lúc đầu là: 16 : 2 = 8 (*l*).
- Tổng số dầu trong cả 3 can sau khi lấy ra là: 8 × 3 = 24 (*l*).
- Tổng số dầu trong 3 can đó lúc đầu là: 24 + 8 – 3 – 5 = 24 (*l*).

Trả lời: 24l.

Câu 96. Số lớn gấp 3 lần số bé.

- Số bé nhất có 2 chữ số khác nhau là: 10.
- Số lớn là: 10 – 1 = 9.
- Số bé là: 9 : 3 = 3.
- Hiệu 2 số đó là: 9 – 3 = 6.

Trả lời: 6.

Câu 97. Hiệu của 2 số 42 và 15 là: 42 – 15 = 27.

- Vì 26 + 1 = 27.
- Vậy: Số đó là: 0.

Trả lời: 0.

Câu 98. Số lớn nhất có 1 chữ số là: 9.

- Số lẻ bé nhất có 2 chữ số khác nhau là: 13.
- Tuổi em hiện nay là: 13 – 8 = 5 (tuổi).
- Tổng số tuổi của 2 anh em hiện nay là: 9 + 5 = 14 (tuổi).
- Số bé nhất có 2 chữ số khác nhau là: 10.
- Số năm cần tìm là: (14 – 10) : 2 = 2 (năm).

Trả lời: 2 năm

Câu 99. Mai có số tiền là: $5 \times 5 + 3 = 28$ (nghìn đồng).

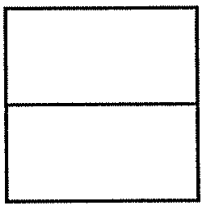
- Mua 6 bông loại 6 nghìn đồng thì hết số tiền là:

  $6 \times 6 = 36$ (nghìn đồng).

- Số tiền còn thiếu là: $36 - 28 = 8$ (nghìn đồng).

Trả lời: 8 nghìn đồng.

Câu 100. Từ hình bên: Tổng chu vi 2 hình chữ nhật lớn hơn chu vi hình vuông là: 2 lần số đo cạnh hình vuông.



- Tổng chu vi 2 hình lớn hơn chu vi hình vuông là:

$4 \times 2 = 8$ (cm).

Trả lời: 8cm.

VÒNG 10

Game 1: Bức tranh bí ẩn

2 x 3 (1)	31 - 12 (2)	14 (3)	28 (4)	45 (5)
82 (6)	13 + 21 + 32 (7)	2 x 5 (8)	93 - 25 (9)	41 - 13 (4)
6 (1)	68 (9)	28 + 17 (5)	10 (8)	68 + 14 (6)
19 (2)	2 x 10 (10)	66 (7)	2 x 7 (3)	20 (10)

Game 2: Đừng để điểm rơi

Câu 1. D. Cả A và B đều sai.

- Bể thứ hai còn là: $323 - 121 = 202$ (l).
- Cả hai bể còn là: $221 + 323 - 121 - 121 = 302$ (l).

Câu 2. B. Có 12l rượu.

- Có số lít mắm là: $5 \times 4 = 20$ (l).
- Có số lít rượu là: $3 \times 4 = 12$ (l).

Câu 3. A. Có 15l nước mắm và 18l rượu.

- Có số lít nước mắm là: $3 \times 5 = 15$ (l).

- Có số lít rượu là: $3 \times 6 = 18$ (l).

- Tổng số cả mắm và rượu có là: $15 + 18 = 33$ (l).

Câu 4. D. 11 hàng. ($20 : 4 + 24 : 4 = 5 + 6 = 11$).

Câu 5. A. 3cm và 7cm. (3cm + 7cm = 10cm = 1dm; 2dm = 20cm).

Câu 6. B. 14dm và 30cm. (30cm = 3dm; 14dm + 3dm = 17dm).

Câu 7. A. Xe thứ nhất chở nhiều hơn xe thứ hai 40kg.

($6 \times 40 - 4 \times 50 = 40$; $6 \times 40 + 4 \times 50 = 440$)

Câu 8. D. Cả A và B đều sai. ($5 + 3 + 3 + 5 = 16$; $5 + 3 + 4 + 4 = 16$).

Câu 9. B. 11 + 23 + 45. ($21 + 33 + 45 = 99$).

Câu 10. C. Cả A và B đều sai. ($21 + 32 + 44 = 97$; $22 + 33 + 44 = 99$).

Bài 3: Leo dốc

Câu 1. $x = 18$. ($18 + 31 - 6 = 43$; $42 < 43 < 44$).

Câu 2. Các số đó là: 123; 132; 213; 231; 312; 321.

- Vậy: Có *6* số có 3 chữ số khác nhau có tích các chữ số bằng tổng các chữ số.

Câu 3. Các số đó là: 12; 21; 30.

- Tổng của các số đó là: $12 + 21 + 30 = 63$.

Câu 4. Khoảng thời gian ngắn nhất từ khi kim phút dịch chuyển từ số 11 đến số 3 trên mặt đồng hồ là: $5 \times 4 = 20$ (phút).

Câu 5. Tổng của 3 viên bi xanh và 2 viên bi đỏ là: $3 + 2 = 5$ (viên).

- Mai có số bi xanh là: $20 : 5 \times 3 = 12$ (viên).

- Mai có số bi đỏ là: $20 : 5 \times 2 = 8$ (viên).

Câu 6. Ta có: $5 \times 5 + 5 + 5 \times 5 = 55$.

Câu 7. Tuổi mẹ 2năm sau là: $38 + 2 = 40$ (tuổi).

- Tuổi con 2năm sau là: $40 : 4 = 10$ (tuổi).

- Tuổi con hiện nay là: $10 - 2 = 8$ (tuổi).

Câu 8. $x = 2$. ($21 - 2 - 2 = 17$).

Câu 9. Nam cho Hà số bi là: $45 : 5 = 9$ (viên).

- Nam còn lại số bi là: $45 - 9 = 36$ (viên).

- Sau khi được Nam cho, Hà có số bi là: $36 - 4 = 32$ (viên).

- Hà có số bi là: $32 - 9 = 23$ (viên).

Câu 10. Sau khi được Hoàng cho, Huy có số que tính là: $27 + 5 = 32$ (que).

- Sau khi cho Huy, Hoàng có số que tính là: $32 : 4 = 8$ (que).

- Hoàng có số que tính là: $8 + 5 = 13$ (que).

Câu 11. Số học sinh nữ khi có thêm 23bạn là: 234 + 45 = 279 (học sinh).

- Số học sinh nữ là: 279 – 23 = 256 (học sinh).
- Trường đó có tất cả số học sinh là: 256 + 234 = 490 (học sinh).

Trả lời: ***490 học sinh***.

Câu 12. 4 × 3 = 18 – 6 = 12.

Trả lời: ***a = 4***.

Câu 13. Hiệu hai số khi đó là: 118 – 25 = ***93***.

Câu 14. Tổng của các số đó là: 0 + 2 + 4 + ... + 16 + 18 = 18 × 10 = ***180***.

Câu 15. Số cần tìm là: 99 + 246 – 135 = ***210***.

Câu 16. Đổi: 2dm = 20cm.

- Mỗi cạnh còn lại dài là: (20 – 6 × 2) : 2 = 4 (cm).

Trả lời: ***4cm***.

Câu 17. Vì tổng của 2 số gấp 3 lần số bé nên số lớn gấp đôi số bé.

- Số bé là: 18 : 2 = ***9***.

Câu 18. Em có số bi là: 10 – 5 = 5 (viên).

Trả lời: ***5 viên***.

Câu 19. Tổng số gạo là: 4 × 7 + 2 = 30 (kg).

- Nếu chia đều vào 5 túi thì mỗi túi chứa số gạo là: 30 : 5 = 6 (kg).

Trả lời: ***6kg***.

Câu 20. Các bạn nữ trồng được số cây là: 4 × 4 = 16 (cây).

- Các bạn nam trồng được số cây là: 41 – 16 = 25 (cây).
- Mỗi bạn nam trồng được số cây là: 25 : 5 = 5 (cây).

Trả lời: ***5 cây***.

Câu 21. Các số viết được là: 102; 104; 120; 124; 140; 142; 204; 210; 214; 240; 402; 410; 412; 420.

- Vậy có thể viết được ***14*** số thoả mãn đề bài.

Trả lời: ***14 số***.

Câu 22. Tuổi của bố hiện nay là: 72 – 32 = 40 (tuổi).

- Tuổi con hiện nay là: 40 : 5 = 8 (tuổi).

Trả lời: ***8 tuổi***.

Câu 23. Số gạo còn lại là: 345 – 128 = 217 (kg).

- Ngày thứ hai cửa hàng bán được là: 217 – 107 = 110 (kg).
- Sau 2ngày cửa hàng còn lại số gạo là: 217 – 110 = 107 (kg).

Trả lời: ***107kg***.

Câu 24. Hôm nay là thứ Bảy ngày 15.

- Sau hôm nay 3 ngày sẽ là ngày *18* và là *thứ Ba*.

Câu 25. Đổi: 1dm = 10cm; 2dm 3cm = 23cm.

- Chu vi tam giác đó là: 10 + 12 + 23 = 45 (cm).
- Chu vi hình vuông là: 9 × 4 = 36 (cm).
- Chu vi tam giác lớn hơn là: 45 – 36 = 9 (cm).

Trả lời: *9cm*.

Câu 26. Lớp đó có *40 bạn*.

- Nếu xếp 3 hàng thì có 2 hàng 13 bạn và 1 hàng 14 bạn.
- Nếu xếp 4 hàng thì mỗi hàng có 10bạn.

Câu 27. Hoàng gấp được số thuyền là: 25 + 15 – 12 = 28 (chiếc).

Trả lời: *28 chiếc*.

Câu 28. Số lớn nhất đó là: 543.

- Số bé nhất đó là: 102.
- Hiệu của hai số đó là: 543 – 102 = *441*.

Câu 29. Số bé nhất có 2 chữ số là: 10.

- Số bé nhất có 3 chữ số là: 100.
- Tổng bé nhất của 1 số có 2 chữ số và 1 số có 3 chữ số là: 10 + 100 = *110*.

Câu 30. Nếu cho em 5 viên thì anh sẽ ít hơn em số bi là: 10 + 5 × 2 = 20 (viên).

Trả lời: *20 viên*.

Câu 31. Số lẻ bé nhất có 3 chữ số là: 101.

- Số lẻ bé nhất có 3 chữ số khác 101 là: 103.
- Tổng bé nhất của 2 số lẻ khác nhau có 3 chữ số là: 101 + 103 = *204*.

Câu 32. Đổi: 1dm 2cm = 12cm.

- Nếu tăng cạnh của một hình vuông thêm 1dm 2cm thì chu vi của hình vuông đó sẽ tăng thêm là: 12 × 4 = 48 (cm).

Trả lời: *48cm*.

Câu 33. Các số có 3 chữ số khác nhau viết được từ các chữ số đã cho đó là: 102, 120, 201, 210.

- Tổng của các số đó là: 102 + 120 + 201 + 210 = *633*.

Câu 34. Số dầu có trong thùng đó là: 4 × 5 – 2 = 18 (*l*).

Trả lời: *18l*.

Câu 35. C. Cả A và B đều đúng.

- Quãng đường CD dài là: 98 – 21 – 45 = 32 (km).
- Quãng đường CD dài hơn quãng đường AB là: 32 – 21 = 11 (km).

Câu 36. B. AB = 111km; CD = 302km.

(869 – 456 = 413; 112 + 201 = 313; 111 + 302 = 413).

Câu 37. C. Cả A và B đều đúng.

(AC = 2cm + 5cm = 7cm; BD = 5cm + 3cm = 8cm; 8cm – 2cm = 6cm).

Câu 38. A. Tăng dần: 124, 142, 214, 241, 412, 421. (Có 4 số chẵn và 2 số lẻ).

Câu 39. C. Cả A và B đều đúng.

- Bể thứ nhất sau khi bơm thêm chứa: 345 + 121 = 466 (*l*).
- Sau khi bơm thêm, bể thứ hai hơn bể thứ nhất: 578 – 466 = 112 (*l*).

Câu 40. B. Bể thứ hai hơn bể thứ nhất 365*l*.

- Sau khi tháo ra, bể thứ nhất còn lại: 345 – 132 = 213 (*l*).
- Sau khi tháo ra, bể thứ hai hơn bể thứ nhất: 578 – 213 = 365 (*l*).

Câu 41. D. Cả A, B và C đều sai.

- Sau khi bơm thêm, bể thứ nhất chứa: 221 + 122 = 343 (*l*).
- Sau khi bơm thêm, bể thứ hai chứa: 323 + 122 = 445 (*l*).
- Sau khi bơm thêm, bể thứ nhất chứa ít hơn bể thứ hai: 445 – 343 = 102 (*l*).
- Sau khi bơm, hai bể chứa tổng số: 343 + 445 = 788*l* nước.

Câu 42. Biết: 2 × a = 10 + 6. Vậy a = **8**. (8 × 2 = 10 + 6 = 16).

Câu 43. Biết: b × 3 = 52 – 25. Vậy b = **9**. (9 × 3 = 52 – 25 = 27).

Câu 44. Biết: c : 4 = 51 – 48. Vậy c = **12**. (12 : 4 = 51 – 48 = 3).

Câu 45. Biết: d : 5 = 63 – 57. Vậy d = **30**. (30 : 5 = 63 – 57 = 6).

Câu 46. Biết: 25 – 3 × a = 7. Vậy a = **6**. (25 – 3 × 6 = 25 – 18 = 7).

Câu 47. Biết: 34 + b × 4 = 42. Vậy b = **2**. (34 + 2 × 4 = 34 + 8 = 42).

Câu 48. Biết: 54 – c : 3 = 45. Vậy c = **27**. (54 – 27 : 3 = 54 – 9 = 45).

Câu 49. Biết: 36 + d : 2 = 44. Vậy d = **16**. (36 + 16 : 2 = 36 + 8 = 44).

Câu 50. Số gồm 200 và 34 đơn vị được viết là **234**.

Câu 51. Số gồm 5 trăm và 5 đơn vị được viết là **505**.

Câu 52. Sợi dây dài 32cm ngắn hơn sợi dây dài 1m là **68cm**. (1m = 100cm).

Câu 53. Sợi dây dài 1m dài hơn sợi dây dài 2dm là **8dm**. (1m = 10dm).

Câu 54. Tổng của số lớn nhất bé hơn 234 với 342 là **575**. (233 + 342).

Câu 55. Tổng của số bé nhất lớn hơn 345 với 412 là **758**. (346 + 412).

Câu 56. 121kg. (353 – 232 = 121).

Câu 57. Hiệu của số lớn nhất bé hơn 345 với 123 là **221**. (344 – 123).

Câu 58. Hiệu của số bé nhất lớn hơn 456 với 321 là **136**. (457 – 321).

Câu 59. Vậy đoạn AC ngắn hơn đoạn BD là **112km**. (324 – 212 = 112).

Câu 60. C. Cả A và B đều đúng. (AC = 23 + 25 = 48; BD = 25 + 21 = 46)

Câu 61. B. 8cm. (23mm + 25mm + 32mm = 80mm = 8cm).
Câu 62. D. 87mm. (3cm = 30mm; 12mm + 30mm + 45mm = 87mm).
Câu 63. C. 663mm. (4cm = 40mm; 5dm = 500mm; 123 + 40 + 500 = 663).
Câu 64. C. 572cm. (4dm = 40cm; 5m = 500cm; 32 + 40 + 500 = 572).
Câu 65. D. Cả A, B và C.
Câu 66. A. (12mm + 23mm + 15mm = 50mm = 5cm; 1 + 2 + 3 = 6).
Câu 67. B. 300 + 40.
Câu 68. C. 400 + 8.
Câu 69. D. 600 + 54.
Câu 70. B. 231 + 225.
Câu 71. B. 212 + 136.
Câu 72. B. 154 + 333.
Câu 73. A. 234 + 425.
Câu 74. B. 234 + 341 + 412. (C chỉ có 2 số).
Câu 75. C. Cả A và B đều sai.
Câu 76. B. 345 – 222.
Câu 77. C. Cả A và B đều đúng.
Câu 78. C. Cả A và B đều đúng.
Câu 79. B. 678 – 222.
Câu 80. B. 457 – 326. (457 – 326 = 342 – 211 = 131).
Câu 81. 44. (31 + 13 = 44)
Câu 82. 46 (14 + 32 = 46).
Câu 83. Số lớn nhất có 2 chữ số có tổng các chữ số bằng 6 là: 60.
- Số bé nhất có 3 chữ số có tổng các chữ số bằng 6 là: 105.
- Tổng hai số đó là : 60 + 105 = 165.

Trả lời: 165.
Câu 84. 46. (23 + 45 = 68; 89 – 67 = 22; 68 – 22 = 46).
Câu 85. 12. (34 + 51 = 85; 64 + 33 = 97; 97 – 85 = 12).
Câu 86. 136. (325 + 254 = 579; 231 + 214 = 445; 579 – 445 = 136).
Câu 87. 231. (421 + 212 = 633; 987 – 123 = 864; 864 – 633 = 231).
Câu 88. 604. (500 + 104 = 604).
Câu 89. 495. (600 – 105 = 495).
Câu 90. 707. (601 + 106 = 707).
Câu 91. A. 465 – 352. (425 – 312 = 465 – 352 = 113).
Câu 92. C. Cả A và B đều đúng. (328 – 125 = 478 – 275 = 596 – 393 = 203).

Câu 93. A. 547 – 134. (645 – 232 = 547 – 134 = 413).

Câu 94. A. Thửa thứ ba thu được 253kg. (323 > 253 > 212).

- Thửa thứ ba thu được: 788 – 212 – 323 = 253 (kg).

Câu 95. A. 15 phút. (Lúc 6 giờ 30 phút kim phút chỉ vào số 6).

Câu 96. D. Cả A và B đều đúng.

- Huy có số bi xanh là: 2 × 5 = 10 (viên).
- Số bi có tất cả là: 10 + 14 = 24 (viên).

Câu 97. C. Cả A, B và C đều đúng.

- Lớp 2A có số học sinh là: 4 × 8 = 32 (học sinh).
- Lớp 2B có số học sinh là: 3 × 9 = 27 (học sinh).
- Cả hai lớp có số học sinh là: 32 + 27 = 59 (học sinh).

Câu 98. D. 25cm. (1dm = 10cm; 10 : 2 = 5; 10 + 10 + 5 = 25).

Câu 99. B. Huy hơn Hoàng 1 bó que tính.

- Hoàng có số bó que tính là: 20 : 5 = 4 (bó).
- Huy có số bó que tính là: 25 : 5 = 5 (bó).
- Huy hơn Hoàng số bó que tính là: 5 – 4 = 1 (bó).
- Hai bạn có tất cả số bó que tính là: 4 + 5 = 9 (bó).

Câu 100. C. Tổng số vở các bạn của cả 4 lớp được thưởng là 104 quyển.

- Các bạn 2 lớp 2A và 2B được thưởng số vở là:

  5 × 4 + 6 × 4 = 44 (quyển).
- Các bạn lớp 2C được thưởng ít hơn lớp 2D là:

  8 × 4 – 7 × 4 = 4 (quyển).
- Tổng số vở 4 lớp được thưởng là:

  5 × 4 + 6 × 4 + 7 × 4 + 8 × 4 = 104 (quyển).

Mục lục

Trang

ĐỀ

VÒNG 1 5
VÒNG 2 12
VÒNG 3 20
VÒNG 4 27
VÒNG 5 34
VÒNG 6 43
VÒNG 7 51
VÒNG 8 59
VÒNG 9 67
VÒNG 10 77

ĐÁP ÁN

VÒNG 1 86
VÒNG 2 90
VÒNG 3 94
VÒNG 4 98
VÒNG 5 102
VÒNG 6 108
VÒNG 7 112
VÒNG 8 118
VÒNG 9 127
VÒNG 10 135

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

✯HỆ THỐNG NHÀ SÁCH & SIÊU THỊ CỦA
CÔNG TI CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM TRÊN TOÀN QUỐC

✯Website: hongantructuyen.vn

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN

• 140 Thống Nhất – Phan Rí Cửa – Bình Thuận

HÀ NỘI:	**CÔNG TY DỊCH VỤ - VĂN HÓA TRÌNH DẬU**
	98 Lê Thanh Nghị – P. Bách Khoa – TP. Hà Nội
THANH HOÁ:	**NS VIỆT LÝ** – 03/118 Phan Chu Trinh – TP Thanh Hoá
NGHỆ AN:	**NS YẾN CÔNG** – 259 Lê Duẩn – TP. Vinh
QUẢNG TRỊ:	**NS GIÁO DỤC** – 283 Trần Hưng Đạo – TP Quảng Trị
HUẾ:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH HUẾ** – 49 Phạm Văn Đồng – TP. Huế
ĐÀ NẴNG:	**NS PHƯƠNG** – 04 Lý Thái Tổ
QUẢNG NAM:	**NS GIÁO KHOA** – 341 Phan Chu Trinh – Tam Kỳ
QUẢNG NGÃI:	**NS TRẦN QUỐC TUẤN** – 526 Quang Trung
BÌNH ĐỊNH:	**NS MINH TRÍ** – 278 Lê Hồng Phong – TP Quy Nhơn
PHÚ YÊN:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 14 Trần Phú – TP Tuy Hoà
KHÁNH HOÀ:	**CÔNG TY CP PHS** – 34-36 Thống Nhất – TP Nha Trang
	NS NHÃ TRANG – 2202 Hùng Vương – Ba Ngòi – Cam Ranh
NINH THUẬN:	**NS HÙNG VƯƠNG** – 58D Đường 21/8 – Phan Rang
BÌNH THUẬN:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 70 Nguyễn Văn Trỗi – TP. Phan Thiết
BIÊN HOÀ:	**NS KIM NGÂN** – 15/1 Huỳnh Văn Nghệ – TP. Biên Hòa
VŨNG TÀU:	**NS ĐÔNG HẢI** – 36-38 Lý Thường Kiệt – TP Vũng Tàu
BÌNH DƯƠNG:	**NS 277** – 518 Cách Mạng Tháng 8 – TX Thủ Dầu Một
BÌNH PHƯỚC:	**NS HUY NAM** – QL14 Xã Tiến Thành – Đồng Xoài
	NS MINH TÂM – 308 Nguyễn Huệ, Tổ 9, KP Phú Hưng, P. Phú Thịnh, TX. Bình Long.
	– Số 109, Tổ 3, KP 01, TT. Chơn Thành, H. Chơn Thành.
TÂY NINH:	**HS MINH THÚY** – 03 Trần Hưng Đạo – P.2
GIA LAI:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 40B Hùng Vương – TP Pleiku
DAKLAK:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 19 Trường Chinh
	CÔNG TY VĂN HOÁ DAK LAK – 01 Hai Bà Trưng
KONTUM:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH** – 129 Phan Đình Phùng
LÂM ĐỒNG:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH** – 18 Nguyễn Văn Cừ – Đà Lạt
DĂK NÔNG:	**NS GIÁO DỤC GIA NGHĨA** – 60 Huỳnh Thúc Kháng – Gia Nghĩa
LONG AN:	**CÔNG TY PHS** – 04 Võ Văn Tần – TP. Tân An
TIỀN GIANG:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH** – 04 Lê Văn Duyệt – TP. Mỹ Tho
VĨNH LONG:	**NHÀ SÁCH HỒNG ÂN** – 15 Lê Thái Tổ
TRÀ VINH:	**CÔNG TY SÁCH & TBTH** – 3A Trưng Nữ Vương
ĐỒNG THÁP:	**NS VIỆT HƯNG** – 196 Nguyễn Huệ – TP. Cao Lãnh
BẾN TRE:	**CÔNG TY CP SÁCH & TBTH** – 03 Đồng Khởi
SÓC TRĂNG:	**NS THANH TÂM** – 146 Quốc lộ 1A – Phú Lộc
PHÚ QUỐC:	**NS VĂN MINH** – 208 Nguyễn Trung Trực – TT Dương Đông

SÁCH CÓ BÁN LẺ TẠI CÁC CỬA HÀNG SÁCH TRÊN TOÀN QUỐC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: *Tổng biên tập:* (024) 39714736;
Quản lý xuất bản: (024) 39728806; Biên tập: (024) 39714896
Hợp tác xuất bản: (024) 39725997; Fax: (024) 39729436

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: TRẦN QUỐC BÌNH
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ HỒNG NGA

Biên tập chuyên môn:	BÙI THỊ THE
Biên tập xuất bản:	BÙI THỊ THE
Sửa bài:	THÁI VĂN HỌC
Chế bản:	NGUYỄN KHỞI MINH
Trình bày bìa:	NGUYỄN KHỞI MINH

Đối tác liên kết xuất bản:
Hộ kinh doanh NHÀ SÁCH HỒNG ÂN 2
20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q1 - TP. Hồ Chí Minh

NHÀ SÁCH HỒNG ÂN 2 giữ bản quyền công bố tác phẩm

SÁCH LIÊN KẾT

HƯỚNG DẪN GIẢI VIOLYMPIC TOÁN 2

Biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới

Mã số: 1L-110TB2023
In 1.000 bản, khổ 17 × 24cm tại Công ty Cổ phần in Tiền Giang
Địa chỉ: 10 Học Lạc, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang.
Số xác nhận ĐKXB: 924-2023/CXBIPH/03-82/ĐHQGHN, ngày 27/3/2023.
Quyết định xuất bản số: 209 LK-TN/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 30/3/2023.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2023

NS HỒNG ÂN

Nhà sách **HỒNG ÂN**

www.hongantructuyen.vn nhasachhongan

Email: nhasachhongan@hotmail.com

20C Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: 028.38246706 - 028.39107371 - 028.39107095 ♦ Fax: 028.39107053

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ: 0842 989802

Mời bạn tìm đọc:



Bạn đọc có thể mua tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở địa phương hoặc các hệ thống đại lý của Nhà sách Hồng Ân:

CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC NAM CƯỜNG

❖ 29 & 31 Phan Bội Châu - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3521999

❖ 245 Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3858699

❖ 61 Đinh Tiên Hoàng - Hải Phòng * ĐT: (0225) 3822256

DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP.HCM

HỆ THỐNG *Nhà Sách* **Nguyễn Văn Cừ**

THANHNGHIA BOOKSTORE 356 LÊ QUANG SUNG - P.6 - Q.6 - TP.HCM

TIKI

NewShop.vn MUA SÁCH ONLINE

HỆ THỐNG *Nhà Sách* **MINH TÂM**

- QL13, Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước
- KP7, Phường Long Phước, TX Phước Long, Bình Phước
- Phường Hội Nghĩa, Thị Xã Tân Uyên, Bình Dương
- 308 Nguyễn Huệ, Phường Phú Thịnh, TX Bình Long, Bình Phước
- Số 109, KP1, TT Chơn Thành, Huyện Chơn Thành, Bình Phước
- KP Thanh Bình, TT Thanh Bình, Huyện Bù Đốp, Bình Phước

Fahasa.com Nhanvan.vn

HỆ THỐNG *Nhà Sách* **BẠCH ĐẰNG**

- 143 Phan Huy Ích, P.15, Q.TB
- 485 Phạm Văn Chiêu, F.13, Q.GV
- 621 - 623 Lê Đức Thọ, F.16, Q.GV
- 6A Nguyễn Ảnh Thủ, Q.12
- 180 Nguyễn Ảnh Thủ, Hóc Môn
- 272 Lê Thị Hà, Tân Xuân, Hóc Môn
- 76 Nguyễn An Ninh - Dĩ An - Bình Dương
- 293 Lê Hồng Phong - Ngãi Giao - BRVT

ISBN: 978-604-336-987-8

9 786043 369878

8 935092 824796

Giá: 58.000đ